

## HOA NGHIÊM KINH THẨM HUYỀN KÝ

## QUYỂN 18

*Phẩm 34: NHẬP PHÁP GIỚI*

Dem phẩm này giải thích, phân ra bốn môn giống như trước:

**A. Giải thích tên gọi, có ba:** 1) Tên gọi của Phần, nghĩa là mở rộng dựa vào thiện hữu thù thắng, chứng sâu vào pháp giới, cho nên gọi là Y Nhân Nhập Chứng Thành Đức Phần. 2) Tên gọi của Hội, dựa theo nơi chốn gọi là Kỳ Hoàn Trùng Các Hội, nghĩa là biểu thị cho pháp này có ích mọi vật-thâu nhiếp chúng sinh vốn ở nơi vườn Cấp-cô-độc. Lại hiển bày về Bi dựa vào Bốn trí khởi lên trở lại sinh ra tướng vốn ở tại Trùng Các. 3) Tên gọi của Phẩm, Nhập là có thể tiến vào, nghĩa là hiểu rõ ràng mà chứng đắc; Pháp Giới là đã tiến vào. Pháp có ba nghĩa: a) Nghĩa về duy trì tự tánh; b) Nghĩa về quy phạm; c) Nghĩa về phù hợp với ý. Giới cũng có ba nghĩa: a) Nghĩa về nhân, bởi vì dựa vào phát sinh Thánh đạo. Nhiếp Luận nói: “Pháp giới vốn là nhân của tất cả các pháp thanh tịnh.” Lại luận Trung Biên nói: “Nhân của Thánh pháp làm nghĩa, cho nên nói là Pháp giới, Thánh pháp dựa vào cảnh này mà phát sinh.” Trong này, nghĩa về nhân là nghĩa của Giới. b) Nghĩa về tánh, nghĩa là tánh vốn làm chỗ dựa của các pháp. Kinh này trong văn trước nói: Pháp giới-Pháp tánh, đều cũng như vậy. c) Nghĩa về phạm vi giới hạn, nghĩa là tướng của các duyên khởi không xen tạp. Một nghĩa đầu chỉ là Y chủ thích, một nghĩa sau chỉ là Trì nghiệp thích, nghĩa ở giữa bao gồm hai cách giải thích, tâm và cảnh kết hợp làm tên gọi cho nên nói là Nhập Pháp Giới.

**B. Ý đưa ra:** Trước trình bày về đưa ra Phần, nghĩa là trước hiển bày về nhờ vào pháp tiến tu, nay phân rõ về dựa vào người nhập chứng, bởi vì nghĩa theo thứ tự cho nên đưa ra. Đưa ra Hội-đưa ra Phẩm, cũng giống như cách nói này.

**C. Trình bày về Tông thú,** cũng Phần-Hội-Phẩm giống nhau. Đã trình bày về Nhập Pháp Giới, tức là lấy đây làm Tông. Trong đó phân

biệt đưa ra ba môn: Một, Dựa theo nghĩa; Hai, Dựa theo chủng loại; Ba, Dựa theo phần vị.

(Trong này, Năng có nghĩa về chủ động-có thể, Sở có nghĩa về thụ động-đã, tùy theo ngữ cảnh để sử dụng thích hợp).

**Trong môn một:** Là dựa theo nghĩa: Một, Trình bày về nghĩa đã Nhập Pháp Giới, có năm môn: 1) Pháp giới hữu vi; 2) Pháp giới vô vi; 3) Cũng pháp giới hữu vi-cũng pháp giới vô vi; 4) Không phải pháp giới hữu vi-không phải pháp giới vô vi; 5) Pháp giới vô chương ngại.

1) Pháp giới hữu vi có hai môn: Một, Bốn Thức có thể duy trì chủng tử của các pháp gọi là pháp giới, như luận nói: Giới là từ vô thỉ đến nay, đây là dựa theo nghĩa về nhân. Hai, Giới hạn sai biệt của các pháp ba đời gọi là pháp giới, phẩm Bát Tư Nghị nói: Tất cả chư Phật nhận biết tất cả pháp giới quá khứ đều không có gì sót lại, nhận biết tất cả pháp giới vị lai đều không có gì sót lại, nhận biết tất cả pháp giới hiện tại đều không có gì sót lại..

2) Pháp giới vô vi cũng có hai môn: Một, Tánh tịnh môn, nghĩa là ở phần vị phạm phu vốn là tánh luôn luôn thanh tịnh, vốn là cùng một vị Chân Không chứ không có gì sai biệt. Hai, Ly cấu môn, nghĩa là bởi vì đối trị mới hiển bày thanh tịnh, tùy theo hành cạn-sâu mà phân ra mười loại.

3) Cũng pháp giới hữu vi-cũng pháp giới vô vi, cũng có hai môn: Một, Tùy tướng môn, nghĩa là Thọ-Tướng-Hành uẩn và năm loại Sắc cùng với tám Vô vi, mười sáu pháp này chỉ do Ý thức mà nhận biết, trong mười tám Giới gọi là Pháp giới. Hai, Vô ngại môn, nghĩa là Nhất tâm pháp giới hàm chứa đầy đủ hai môn: a) Tâm chân như môn; b) Tâm sinh diệt môn. Tuy hai môn này, mỗi môn đều tổng quát thấu nhiếp tất cả các pháp, nhưng hai phần vị ấy luôn luôn không xen tạp lẫn nhau, giống như sóng thuộc về nước mà không phải là tĩnh, nước thuộc về sóng mà không phải là động, vì vậy phẩm Hồi Hương nói: Đối với Giới vô vi sinh ra Giới hữu vi mà cũng không hủy hoại tánh của vô vi, đối với Giới hữu vi sinh ra Giới vô vi mà cũng không hủy hoại tánh của hữu vi.

4) Không phải pháp giới hữu vi-không phải pháp giới vô vi, cũng có hai môn: Một, Hình đoạt môn, nghĩa là duyên đều là duyên của lý mà không phải hữu vi, lý đều là lý của duyên mà không phải vô vi, Thể của pháp bình đẳng, so sánh làm mất đi, cả hai đều phai mờ. Kinh Đại Phẩm quyển thứ ba mươi chín nói: “Tu-bồ-đề thưa với Đức Phật rằng: Pháp này bình đẳng, là pháp hữu vi, hay là pháp vô vi? Đức Phật nói:

Không phải pháp hữu vi, không phải pháp vô vi. Nguyên cơ thể nào? Bởi vì tách rời pháp hữu vi thì pháp vô vi không thể nào có được, tách rời pháp vô vi thì pháp hữu vi không thể nào có được. Nay Tu-bồ-đề! Là tánh hữu vi, là tánh vô vi, là hai pháp không hội tụ-không phân tán.” Chính là nói đến nghĩa này. Hai, Vô ký môn, nghĩa là pháp giới này lìa xa tướng-lìa xa tánh cho nên không phải hai loại này, bởi vì lìa xa tướng cho nên không phải hữu vi, bởi vì lìa xa tánh cho nên không phải vô vi. Lại bởi vì là Chân đế cho nên không phải hữu vi, bởi vì là An lập đế cho nên không phải vô vi. Lại không phải do hai loại danh ngôn mà có thể đạt đến, cho nên cả hai đều không phải. Kinh Giải Thâm Mật quyển thứ 1 nói: “Tất cả các pháp, tóm lược có hai loại, đó gọi là hữu vi và vô vi, trong đó hữu vi không phải hữu vi-không phải vô vi, vô vi không phải vô vi-không phải hữu vi, cho đến nói rộng ra.”

5) Pháp giới vô chướng ngại cũng có hai môn: Một, Phổ nhiếp môn, nghĩa là đối với bốn môn trên mà thuận theo một thì thâm nhiếp tất cả các môn còn lại, vì vậy Thiệu Tài hoặc là nhìn thấy núi-biển, hoặc là nhìn thấy nhà cửa, đều gọi là Nhập Pháp Giới. Hai, Viên dung môn, nghĩa là dùng Lý mà dung hòa Sự cho nên toàn Sự không có phạm vi giới hạn, nói là mảy trần không phải nhỏ, có thể chứa được mười thế giới, vô lượng thế giới không phải lớn, bí mật đưa vào một mảy trần; dùng Sự mà dung hòa Lý, cho nên toàn Lý không phải không có phạm vi, nghĩa là một-nhiều vô ngại, hoặc là nói một pháp giới, hoặc là nói các pháp giới. Phẩm Tánh Khởi nói: Ví như phạm vi giới hạn của các pháp giới không thể nào đạt được, tất cả không phải tất cả, không phải nhìn thấy-không thể nào chọn lấy. Đây là trình bày về nhiều mà không phải nhiều. Phẩm Xá Na nói: Ở trong Liên Hoa Tạng thế giới hải này, trong mỗi một mảy trần nhìn thấy tất cả pháp giới. Đây là trình bày về một mà không phải một, vì vậy Thiệu Tài hoặc là nắm tay trong thời gian ngắn, tức thì trải qua nhiều kiếp; hoặc là đi vào lầu quán, nhìn thấy tất cả ba ngàn thế giới, đều tương tự như vậy.

Trên đây là năm môn-mười nghĩa tổng quát trình bày về đã Nhập Pháp Giới, nên dùng sáu tướng tổng quát-riêng biệt viên dung để dựa theo.

Hai: Phân rõ về có thể Nhập cũng có năm môn: 1) Tịnh tín; 2) Chánh giải; 3) Tu hành; 4) Chứng đắc; 5) Viên mãn. Năm môn này ở trong năm môn đã Nhập Pháp Giới trước đây có hai môn ấy: a) Tùy theo một môn có thể Nhập bao gồm năm môn đã Nhập, tùy theo một môn sở Nhập bao gồm năm môn có thể Nhập. b) Năm môn có thể Nhập

này nếu như theo thứ tự thì đều là một Nhập trong năm môn đã Nhập.

Lại mười môn-hai nghĩa về tâm-cảnh trên đây, viên dung vô ngại toàn bộ làm thành một tập hợp, Pháp giới vô chướng ngại cũng dùng sáu tướng dựa theo thâm nhiếp mà suy nghĩ.

**Trong môn hai:** Là chủng loại pháp giới sai khác cũng có năm môn, đó là đã Nhập-có thể Nhập-còn-mất và vô ngại.

Một: Trong đã Nhập cũng có năm lớp: 1) Pháp giới thuộc Pháp; 2) Pháp giới thuộc Nhân; 3) Pháp giới thuộc Nhân-Pháp đều dung hòa; 4) Pháp giới thuộc Nhân-Pháp đều phai mờ; 5) Pháp giới vô chướng ngại.

1) Pháp giới thuộc Pháp, có mười: 1) Pháp giới thuộc Sự, nghĩa là mười lớp trú xứ... 2) Pháp giới thuộc Lý, nghĩa là một vị trong suốt... 3) Pháp giới thuộc Cảnh, nghĩa là phạm vi giới hạn đã nhận biết... 4) Pháp giới thuộc Hành, nghĩa là Bi Trí sâu rộng... 5) Pháp giới thuộc Thể, nghĩa là tịch diệt vô sinh... 6) Pháp giới thuộc Dụng, nghĩa là thần thông thù thắng tự tại... 7) Pháp giới thuộc Thuận, nghĩa là Chánh hạnh-sáu Độ... 8) Pháp giới thuộc Vi, nghĩa là năm Nhiệt bức bách ràng buộc... 9) Pháp giới thuộc Giáo, nghĩa là ngôn thuyết đã nghe... 10) Pháp giới thuộc Nghĩa, nghĩa là ý chỉ-nghĩa lý đã giải thích... Mười pháp giới này cùng một duyên khởi dung thông vô ngại, một có đủ tất cả, suy nghĩ có thể thấy.

2) Pháp giới thuộc Nhân, dựa theo văn dưới đây cũng có mười môn, đó là trời-người, nam-nữ, tại gia-xuất gia, ngoại đạo-chư thần, Bồ-tát và Phật, đây đều là tướng phần của duyên khởi, xen lẫn nhau mà không tạp. Thiện Tài nhìn thấy rồi, liền Nhập Pháp Giới, cho nên gọi Pháp giới thuộc Nhân.

3) Pháp giới thuộc Nhân-Pháp đều dung hòa, nghĩa là mười Nhân(con người)-mười Pháp trước đây cùng một duyên khởi, tùy theo tướng phần của nghĩa, dung hòa thâm nhiếp không hai, suy nghĩ có thể thấy.

4) Pháp giới thuộc Nhân-Pháp đều phai mờ, nghĩa là quả hải bình đẳng, xa ngôn từ số lượng, tánh-tướng của duyên khởi đều không thể nào nói được.

5) Pháp giới vô chướng ngại, nghĩa là kết hợp với bốn câu trước, đối với Nhân-Pháp trước đó, một-khác không có gì chướng ngại, còn-mất không ngăn ngại, tự tại viên dung như lý suy nghĩ.

Hai: Trình bày về có thể Nhập cũng có năm lớp: 1) Thân; 2) Trí; 3) Câu; 4) Mẫn; 5) Viên. Nghĩa là đi vào lâu quán mà trở lại hợp là Thân chứng, soi xét Lý-Sự vô biên là Trí chứng, giống như Phổ Hiền

mà rộng khắp tất cả là cùng chứng, Thân-Trí ngay trong nhau mà cả hai mất đi là cùng phai mờ, một-khác-còn-mất vô ngại tự tại là viên dung. Lại phẩm Phát Tâm nói: Pháp tánh chân thật rất sâu xa, diệu trí tùy thuận mà tiến vào, trong vô lượng vô biên cõi Phật, một niệm đều rộng khắp tất cả. Đối chiếu nói rằng hai câu trước là Trí tiến vào pháp giới, hai câu sau là Thân tiến vào pháp giới, bởi vì Thân-Trí vô ngại, cho nên Trí tiến vào lý, Thân khắp nơi quốc độ. Còn lại dựa theo có thể biết. 3) Có thể Nhập và đã Nhập tự nhiên dung hòa không hai, phạm vi giới hạn không phân biệt, dựa vào nghĩa tách ra khác nhau, lý vẫn không xen tạp. Năm loại có thể Nhập và đã Nhập này như thứ tự chuyển đổi thông suốt, như lý suy nghĩ thấu nhiếp. 4) Có thể Nhập và đã Nhập viên dung, so sánh làm mất đi cùng phai mờ. 5) Một và khác, còn và mất, vô ngại đầy đủ.

Trên đây là dựa theo chủng loại phân rõ, xong.

**Trong môn ba:** Là dựa theo phần vị trình bày về Nhập Pháp Giới. Dựa theo trong văn sau: Một, Đã Nhập Pháp Giới thì phần vị lớn có hai, đó là nhân và quả. Đối với Nhân-Pháp trước đây thì tất cả đều là do quả Phật đã thu nhận, tức là do Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn của Như Lai mà hiện bày pháp giới tự tại. Lại đối với Nhân-Pháp trước đây thì tất cả đều là do phần vị nhân đã thu nhận, tức là do Văn Thù-Phổ Hiền mà hiện bày pháp môn về pháp giới. Trong phần vị của nhân này, dựa theo phân biệt có năm, tức là pháp giới của năm phần vị như Tín... Dựa theo thấu nhiếp có thể biết. Hai, Trình bày về có thể Nhập, dựa theo văn cũng có hai. Đối với phần vị quả trước đây, trình bày về các Bồ-tát nhanh chóng tiến vào pháp giới. Đối với phần vị nhân trước đây, thì dựa vào hiển bày về Thiện Tài từng bước tiến vào. Nhân quả đã vô ngại, thì từng bước và nhanh chóng cũng là viên dung, chỉ dùng Giáo phân tán để giải thích thành tựu dựa vào phần vị sai khác ấy mà thôi.

**D. Giải thích văn:** Trong một phẩm này phần lớn có hai: Thứ nhất: Trình bày về đầu Hội; Thứ hai: Từ “Nhĩ thời Văn Thù tụng Thiện Trú lâu các xuất dĩ...” trở xuống là trình bày về cuối Hội. Cũng là trước trình bày về pháp giới thuộc quả, sau trình bày về pháp giới thuộc nhân. Lại trước trình bày về nhanh chóng tiến vào pháp giới, sau trình bày về từng bước tiến vào pháp giới. Lại trước là tổng quát, sau là riêng biệt. Tức là đầu và cuối viên dung vô ngại.

Ngay trong phần thứ nhất là đầu Hội, phần dài có mười: Một, Phần Tựa; Hai, Phần Thừa thỉnh; Ba, Phần Tam-muội; Bốn, Phần Hiện bày Tịnh độ; Năm, Phần Quy tụ chúng mới; Sáu, Phần Nêu ra yếu kém

hiển bày thù thắng; Bảy, Phần Kệ tụng ca ngợi về đức; Tám, Phần Phổ Hiền khai phát; Chín, Phần Hòa quang nêu rõ lợi ích; Mười, Phần Văn Thù nói rõ về đức.

Ngay trong phần thứ nhất là phần Tựa, có ba: 1) Lúc bấy giờ Đức Phật ở tại... là trình bày về Trí chánh giác thế gian viên mãn; 2) Thuộc thành Xá-vệ... là Khí thế gian viên mãn; 3) Cùng với năm trăm... là Chúng sinh thế gian viên mãn.

Văn phần một là Trí chánh giác thế gian viên mãn, có thể biết.

Trong phần hai là Khí thế gian viên mãn, có ba: Một là khu thành, hai là khu vườn, ba là lầu các. Tên gọi của khu thành nói đầy đủ gọi là Thất-la-phiệt-tát-đế, gọi tắt sai nhầm là Xá-vệ, Trung Hoa phiên dịch là khu thành Văn Giả, nghĩa là xưa có Tiên nhân Cổ Lão trú ở nơi này, lại có vị Tiên trẻ tên là Văn Giả, từ vị Tiên già mà nghe nhận về pháp quan trọng. Sau khi vị Tiên già mất, vị Tiên trẻ ở nơi này kiến lập thành quách, nhân đó lấy làm tên gọi. Khu vườn ở phía Nam của khu thành khoảng 3-4 dặm, Kỳ là tên gọi của Thái tử, nói đầy đủ là Thệ-đa, Trung Hoa nói là Chiến Thắng; lại không có cha mẹ nói là Cô, không có con cái nói là Độc, Trưởng giả Tu-đạt bố thí cung cấp tiền của gọi là Cấp-cô-độc. Nhưng Trưởng giả lát vàng để mua đất, Thái tử cúng dường cây cối, cùng nhau làm thành khu vườn, hai vị cùng nhau thiết lập Già-lam cho nên dùng tên gọi của cả hai vị. Trong khu vườn có riêng lầu các là nơi thuyết giảng giáo pháp, gọi là Giảng đường, Thế đều rộng khắp nói là Đại, Đức đều đầy đủ nói là Nghiêm, Dụng dựa vào Thế khởi lên cho nên nói là Trùng Các.

Trong phần ba là Chúng sinh thế gian viên mãn, cũng có ba: Một là Bồ-tát, hai là Thanh văn, ba là các Thiên Vương.

Trong chúng Bồ-tát cũng có ba: 1) Đưa ra số lượng; 2) Nêu ra tên gọi; 3) Ca ngợi về đức.

Trong tên gọi: Trước là nêu ra hai vị Thượng thủ, bởi vì hai vị ấy là Trợ hóa quan trọng nhất. Giải thích có ba nghĩa: a) Phổ Hiền là Pháp giới môn, là đã tiến vào; Văn Thù là Bát-nhã môn, là có thể tiến vào, vốn là biểu thị cho tiến vào pháp giới. b) Phổ Hiền là Tam-muội tự tại, Văn Thù là Bát-nhã tự tại. c) Phổ Hiền là trình bày về nghĩa rộng lớn, Văn Thù là trình bày về nghĩa rất sâu, sâu-rộng là một cặp cho nên nêu ra làm Thượng thủ.

Tiếp là nêu ra tên gọi, trong đó có một trăm bốn mươi vị lớn, mỗi một phần vị đều có mười vị, có mười bốn phần vị:

1) Mười vị cùng tên là Tràng, vốn là hiển bày về hạnh đức cao

vượt ra ngoài.

2) Mười vị cùng tên là Đoan Nghiêm, vốn là biểu thị cho phước trí trang nghiêm; trong mười thiếu một là bởi vì số giảm.

3) Mười vị cùng tên là Tạng, vốn là hiển bày về hàm chứa thâm nhiếp đầy đủ các đức.

4) Mười vị cùng tên là Nhãn, vốn là soi chiếu rõ ràng pháp giới; trong mười thừa hai là bởi vì số tăng.

5) Mười vị cùng tên là Thiên Quan, vốn là biểu thị cho đức thanh tịnh đứng đầu ở trên đỉnh cao của tâm.

6) Mười vị cùng tên là Châu La, Trung Hoa nói là Đảnh Kế, vốn là biểu thị cho đức sâu nặng tôn quý cao vời.

7) Mười vị cùng tên là Quang, vốn là đầy đủ ánh sáng của Thân-Trí soi chiếu bên trong lẫn bên ngoài.

8) Mười vị cùng tên là Tràng, Tràng có hai nghĩa: Trước là trình bày về nghĩa một mình vượt ra ngoài, nay phân rõ về nghĩa hàng phục.

9) Mười vị cùng tên là Âm, vốn là trình bày về âm thanh tuyệt vời làm vui lòng căn cơ.

10) Mười vị cùng tên là Thượng, vốn là đức vượt quá biểu hiện của chúng.

11) Mười vị cùng tên là Diệu Đức Cát Tường, vốn là hiển bày về thù thắng.

12) Mười vị cùng tên là Vương, vốn là tự tại đối với pháp; trong mười thừa một cũng là bởi vì số tăng.

13) Mười vị lại cùng tên là Âm, Âm có hai nghĩa: Trước là trình bày về Thể của âm thanh tuyệt vời, nay hiển bày về khéo léo giải thích Diệu pháp; trong mười thừa một cũng là bởi vì số tăng, có thể biết.

14) Mười vị cùng tên là Giác, vốn là soi rõ lý-xem xét căn cơ; trong mười thiếu hai cũng là bởi vì số giảm, có thể biết. Như vậy... là kết luận.

Ngay trong phần ba là ca ngợi về đức gồm mười câu, có hai nghĩa: Một, Mười câu này là đức bao gồm tất cả các Bồ-tát trên, mỗi một vị đều có đủ; Hai, Riêng biệt ca ngợi về đức của mười lăm phần vị trước đây. Đó là:

1) Ca ngợi về đức của hai vị Thượng thủ trước đây, bởi vì tất cả Hạnh-tất cả Cảnh đều bao gồm tất cả, hai vị ấy cùng thành tựu về đức này.

2) Trì vô lượng..., là ca ngợi Bồ-tát ở hai phần vị mười Tràng-mười Nghiêm trước đây, nghĩa là thân như cột cao một mình vượt ra ngoài,

đầy đủ đức đoan nghiêm, cho nên có thể đến khắp nơi.

3) Đây đủ vô ngại..., là ca ngợi Bồ-tát ở hai phần vị mười Tạng-mười Nhãn, nghĩa là đây đủ Tạng vô ngại, Nhãn thanh tịnh cho nên thấy Phật.

4) Đến vô lượng..., là ca ngợi Bồ-tát ở hai phần vị mười Thiên Quan-mười Châu La, nghĩa là Thiên Quan đội trên đỉnh tóc để tự trang nghiêm thân, giống như hình dáng Phạm Vương, đến nơi thành đạo của chư Phật, ngắm Phật không ngừng, mà thỉnh cầu thuyết pháp.

5) Vô lượng ánh sáng của Trí... là ca ngợi Bồ-tát ở hai phần vị mười Quang-mười Tràng, nghĩa là ánh sáng của Trí soi chiếu khắp nơi, vốn là pháp rất sâu xa, lại vốn là điều phục ngu si tối tăm.

6) Đối với vô lượng..., là ca ngợi Bồ-tát ở phần vị mười Âm, nghĩa là âm thanh trong trẻo tuyệt vời mà biện thuyết vô tận.

7) Cứu cánh... là ca ngợi Bồ-tát ở hai phần vị mười Thượng-mười Diệu Đức, nghĩa là Thượng trí giống như hư không, Diệu đức tận cùng cảnh thanh tịnh.

8) Không có gì dựa vào..., là ca ngợi Bồ-tát ở phần vị mười Vương, nghĩa là không dựa vào nơi nào mà hiện bày Sắc tự tại, là Vương cho nên cũng hiện bày thân Vương.

9) Trừ diệt..., là ca ngợi Bồ-tát ở phần vị mười Âm sau, nghĩa là bên trong lìa xa Trí chướng, khéo léo thuyết giảng mà phân biệt về thế giới của chúng sinh.

10) Trí như hư không..., là ca ngợi Bồ-tát ở phần vị mười Giác, nghĩa là phát ra ánh sáng A-hàm mà khéo léo soi chiếu giác ngộ.

**Lại giải thích:** Mười câu này thâm nhiếp làm năm cặp: Hai câu đầu làm một cặp, đầu là hạnh đức đầy đủ bên trong, sau là nhiều thân khắp nơi bên ngoài. Hai câu tiếp làm một cặp, đầu là Nhãn thanh tịnh ngắm nhìn Phật, sau là ngắm nhìn không thỏa mãn. Hai câu tiếp làm một cặp, đầu là Trí bên trong soi chiếu pháp, sau là biện thuyết vô tận. Hai câu tiếp làm một cặp, đầu là Trí bên trong giống như hư không, sau là hiện bày thân ứng với tất cả. Hai câu tiếp làm một cặp, đầu là bên trong lìa xa Trí chướng, sau là bên ngoài diễn bày ánh sáng Tuệ.

**Lại giải thích:** Trong mười câu này, câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt, bởi vì tất cả đều hiển bày về hạnh Phổ Hiền: 1) Thân đến nơi tất cả chư Phật; 2) Khắp nơi được gặp tất cả chư Phật; 3) Được gặp tất cả không ngừng; 4) Trí soi chiếu tất cả Lý; 5) Biện giải tất cả nhiều kiếp; 6) Lý trí tất cả thanh tịnh; 7) Lượng trí hiện bày tất cả thân; 8) Đoạn trừ tất cả chướng; 9) Ánh sáng soi chiếu tất cả. Đều dựa



theo giải thích, có thể biết.

Trong chúng Thanh văn cũng có hai: 1) Đưa ra số lượng; 2) Ca ngợi về đức.

Phần một là đưa ra số lượng: Nói là Thanh văn, trong luận Phật Địa nói: “Nghe ngôn âm của Phật mà tiến vào Thánh đạo, cho nên nói là Thanh văn.”

**Lại trong Du Già quyển thứ 82 nói:** “Lắng nghe ngôn âm Chánh pháp từ người khác, lại có thể khiến cho người khác được nghe âm thanh của Chánh pháp, cho nên nói là Thanh văn. Đại vốn là quả thứ tư, lại vốn là chủng tánh Bất động, vốn là tôn quý lớn nhất trong các Thanh văn, như Thu Tử... Lại những vị này đều là Thanh văn hồi hướng thuộc Đại thừa, cho nên nói là Đại.”

**Trong luận Phật Địa nói:** “Nghĩa như thật thì đều là Thanh văn thuộc chủng tánh Bất định, đạt được Tiểu quả rồi, hướng về Đại Bồ-đề cho nên gọi là Đại.” Giải thích rằng: Bởi vì họ chưa tiến vào pháp Phổ Hiền thuộc Nhất thừa Viên giáo, cho nên vẫn sau nói là như đui như điếc. Như phẩm Tánh Khởi trước đây nói: Thanh văn-Duyên giác không nghe kinh này. Lại nói: Nếu Bồ-tát trải qua ức Na-do-tha kiếp, thực hành sáu Ba-la-mật, gieo trồng thiện căn của Đạo phẩm, mà không nghe kinh này, tuy nghe nhưng không tin, thì như vậy hãy còn là giả danh Bồ-tát. Chính là nói đến nghĩa này.

**Lại giải thích:** Những vị này đều là Đại Bồ-tát thị hiện làm Thanh văn, nói như trong phần Bất Tư Nghị Cảnh Giới của Hoa Nghiêm thuộc bản dịch mới: “Bởi vì hiển bày về pháp này sâu xa thù thắng, cho nên thị hiện như đui như điếc.”

Trong phần hai là ca ngợi về đức, có mười câu phân bốn: Một, Đầu là bốn câu về chứng Niết-bàn rời bỏ sinh tử: Giác ngộ Chân đế là Kiến đạo, chứng được Thật tế là Tu đạo, tiến sâu vào tánh là đạo thuộc Vô học, dựa vào đây chứng lý đầy đủ, rời bỏ Phần đoạn, cho nên nói là lìa xa biển sinh tử. Lại bởi vì sợ hãi sinh tử, cho nên nói là lìa xa. Lại bởi vì không có Tuệ phương tiện, cho nên chứng Thật tế. Bởi vì không có Đại Bi, cho nên rời bỏ sinh tử. Hai, Tiếp là hai câu về trú vào Không mà đoạn trừ Kiết: Câu đầu là trú vào Không, nghĩa là lý của Nhân Không này cũng là một trong hai Không của Như Lai, cho nên nói là cảnh của Như Lai, chỉ phù hợp với phần này, cho nên nói là an trú. Câu sau là bởi vì trú vào Nhân Không mà đoạn trừ lìa xa bốn trụ Hoặc, nghĩa là chín Kiết-mười Sử tương ứng với Triền-Phược. Ba, Tiếp là hai câu về lực thần thông tự tại, nghĩa là đối với thế gian không có cấu nhiễm, cho nên

nói là không đắm theo tất cả; thân thông qua lại khắp nơi, cho nên nói là đi lại giữa hư không. Bốn, Tiếp là hai câu về nghi ngờ không còn-tin tưởng chắc thật, nghĩa là thành tựu niềm tin bất hoại. Lại giải thích: Đây đều là tin vào pháp thuộc quả tự tại rất sâu xa của Phật, biết rõ ràng là Đại Bồ-tát.

Trong chúng chư Thiên cũng có hai: 1) Đưa ra số lượng; 2) Ca ngợi về đức.

Trong phần ca ngợi về đức có mười câu, thân nhiếp làm thành năm cặp: Hai câu đầu làm một cặp, ca ngợi về đức của nhân đời trước, nghĩa là đã cúng dường Phật quá khứ, từ lâu làm lợi ích cho chúng sinh; từ đây về sau đều ca ngợi đức của hiện hành. Hai câu tiếp làm một cặp, ca ngợi về đức của hạnh Từ tiến vào Trí, nghĩa là niệm Từ không gián đoạn, cứu giúp chúng sinh tiến vào Trí. Hai câu tiếp làm một cặp, ca ngợi về đức ở trong cấu nhiễm mà hiển bày thanh tịnh, nghĩa là không rời bỏ chúng sinh cấu nhiễm, mà đưa ra pháp thanh tịnh chân thật của Phật. Hai câu tiếp làm một cặp, ca ngợi về đức bảo vệ duy trì, nghĩa là bảo vệ đối với pháp thuộc quả khiến cho Chánh giáo lưu truyền khắp nơi, duy trì đối với pháp thuộc nhân mà chứng tánh quyết định; lại bên ngoài có thể bảo vệ cho người duy trì giáo pháp, bên trong tự mình thọ trì pháp thuộc tánh chân thật của Phật. Hai câu sau làm một cặp, ca ngợi về đức của gia nghiệp, nghĩa là sinh vào nhà của Phật, làm sự nghiệp mong cầu quả Phật, nhân của Nhất-thiết-trí gọi là Trí môn, bởi vì có thể nối thông đến trí của Phật, cho nên nói là Môn.

Trên đây là phần Tựa, xong.

Trong phần thứ hai là phần Thừa thỉnh, có ba: 1) Chúng nghĩ đến thưa thỉnh; 2) Do nghĩ đến mà thưa thỉnh; 3) Nghĩ đến thưa thỉnh ngay lúc đó.

Hỏi: Dựa theo văn sau thì Thanh văn đều như đui như điếc, vì sao trong này lại cùng nghi ngờ nghĩ đến? Đáp: Pháp sư Ý Giải thích rằng: “Ở nơi lý không ngăn cách, cho nên có thể cùng nghi ngờ; Đại tâm chưa nhiều cho nên không thuận theo thứ tự ấy.”

**Lại giải thích:** Biểu thị cùng ở tại Kỳ Hoàn cho nên cùng nghĩ đến thưa thỉnh, Phổ Nhãn chưa mở ra cho nên như mù...

**Lại giải thích:** Thật sự là Bồ-tát, vì vậy cùng nghĩ đến dấu tích; hiện thân Thanh văn, vì vậy như mù...

Trong phần hai do nghĩ đến mà thưa thỉnh, toàn bộ có sáu mươi câu, Cổ đức Giải thích rằng: “Ba mươi câu đầu trình bày về Phật tự mình tiến vào pháp giới, ba mươi câu sau trình bày về Phật khiến cho

người khác tiến vào pháp giới.”

Nay giải thích trong sáu mươi câu: Mười câu đầu là nghĩ đến thừa thĩnh về pháp thuộc quả, vì sao có thể biết pháp đã thừa thĩnh là quả? Đó là mười câu tiếp theo trình bày về phần vị dưới không có thể suy lường. Phần vị dưới đã không có thể biết, vì sao nay muốn thừa thĩnh? Đó là mười câu tiếp theo trình bày về có đủ lực nhân duyên, có lẽ cũng có thể biết. Tuy có đủ lực có thể biết, nhưng chưa biết chúng này có lực để biết hay không? Đó là mười câu tiếp theo hiển bày về căn khí của chúng này có đủ lực. Tuy căn khí của chúng này có đủ lực, nhưng nếu không có lực của Phật thì cũng không có thể biết? Đó là mười câu tiếp theo trình bày về Phật có đủ nhân làm lợi ích người khác. Tuy đầy đủ nhân làm lợi ích cho người khác, nhưng nếu không có Dụng của quả hiện khởi làm lợi ích cho người khác, thì cũng không có cách nào khiến cho biết được? Đó là mười câu tiếp theo phân rõ về Dụng của quả thâm nhiếp chúng sinh. Đã có đủ duyên này, cho nên kết thúc thừa thĩnh nói rằng: Chỉ mong hiện rõ...

**Lại giải thích:** Trong này, ba mươi câu đầu là nghĩ đến pháp thừa thĩnh, ba mươi câu sau là nghĩ đến đức thừa thĩnh.

Trong ba mươi câu đầu: Mười câu đầu là chính thức nghĩ đến pháp của quả đã thừa thĩnh, mười câu tiếp là trình bày về sâu xa khó suy lường, mười câu sau là trình bày về duyên hội tụ có thể nhận biết.

Trong mười câu đầu: 1) Hỏi về Bi Trí vô ngại, hạnh không có công dụng, nói như phẩm Tánh Khởi. 2) Hỏi về trí của Phật đã nhận biết Chân-Tục vô ngại, cũng nói như trong phần Tánh Khởi thuộc Cảnh Giới. 3) Phật Địa tổng trì vô biên Niệm Tuệ, lại phân rõ như ở phần Trì Phật trong mười vị Phật, lại như phẩm Bất Tư Nghị nói về Thập Trì... 4) Mười Lực như Thị xứ-phi xứ..., lại mười loại Đại lực như Na-la-diên Tràng..., cũng như phẩm ấy. 5) Bốn Vô úy-mười Vô úy. 6) Các Tam-muội hải bất khả xưng lượng như Sư Tử Phấn Tấn... 7) Lý và công đức cùng với các quốc độ, đều là do Thân Trí của Như Lai mà an trú, cũng nói như phẩm Bất Tư Nghị. 8) Công đức thù thắng, trong câu hỏi ở hai Hội đầu gọi là pháp thù thắng của Phật, đó là dựa vào tổng quát để phân rõ, trong này riêng biệt dựa theo phước đức để hiển bày về thù thắng. 9) Tướng viên mãn của ba thân-mười thân. 10) Bốn Trí-mười Trí thuộc Lý-Lượng dung hòa soi chiếu.

Lại có bản kinh, trong phần này còn có một câu, gọi là pháp của Như Lai, hoặc là đưa ra còn lại, hoặc là kết luận về các câu trước.

Lại mười câu hỏi này cùng với đức thuộc quả đã hỏi ở Hội thứ

nhất trước đây phần nhiều là giống nhau, bởi vì môn thâm nhiếp ở Hội ấy là Dụng thích hợp ở Hội này.

Lại trong mười câu, một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Một câu đầu là đức của Trí, ba câu tiếp là đức thuộc Dụng của Trí, một câu tiếp là đức của Đại Định, một câu tiếp là chỗ dựa của đức, một câu tiếp là đức của phước thù thắng, hai câu sau cuối là đức của Thân-Trí, có thể biết.

Trong mười câu tiếp là không phải phân vị dưới mà suy lường được, nghĩa là ở trong pháp của Như Lai thuộc mười loại trước đây: Cao cho nên không có thể nhân biết, Rộng cho nên không có thể tính toán, Sâu cho nên không có thể đạt đến, Nhiều cho nên không có thể tiếp nhận, bốn loại này không phải cảnh giới của Văn tuệ. Huyền cho nên không có thể suy nghĩ, Diệu cho nên không có thể quán sát, hai loại này lìa xa cảnh của Tư-Tu. Xứng với pháp giới cho nên không có thể phân biệt, một tức là tất cả cho nên không có thể nghe, Trí thuộc nhân phát khởi không chứng cho nên không có thể nói ra rõ ràng, vượt lên trên ngôn ngữ bàn luận cho nên không có thể giải thích trình bày.

Lại sáu câu trước là lìa xa ba Tuệ, bốn câu sau là vượt lên trên bốn Biện, nghĩa là Pháp biện không có thể phân biệt, Nghĩa biện không có thể tách biệt, Từ biện không có thể nói ra, Lạc thuyết không có thể thuyết giảng.

Lại giải thích: Mười câu này phối hợp với mười loại trước, theo thứ tự hiển bày rõ ràng về nghĩa rất sâu xa, có thể dựa theo nhận biết.

**Lại giải thích:** Đối với một nghĩa trước thì có mười loại này, đối với một môn này cũng có mười nghĩa trước, dựa theo trở thành trăm môn..., có thể biết.

Trong mười câu sau là duyên hội tụ có thể nhận biết: Bốn câu đầu là Phật lực làm duyên, sáu câu sau là Căn lực làm nhân, mới có thể nhận biết được.

Trong bốn câu đầu: 1) Phật trì lực, là lực gia trì của Phật, như gia trì Bồ-tát Thanh Liên Hoa, khiến cho nhận biết về công đức của Phật mà thuyết giảng như phẩm Bất Tư Nghị... 2) Tự tại lực, là lực xoay chuyển vô ngại, như Văn Thù chuyển sang Thu Tử khiến cho nhận biết mà thuyết giảng về lý sâu xa... 3) Uy thần lực, là bí mật dùng uy lực gia hộ khiến cho nhận biết về đức của Phật, như khiến cho Ca-diếp nhận biết tâm của Như Lai... 4) Bổn nguyện lực, là lực Thệ nguyện vốn có xưa kia của Phật, vì vậy khiến cho người khác nhận biết về đức sâu xa của Phật.

Trong sáu câu sau: 1) Lực của thời kiếp trước trải qua nhiều đời gieo trồng thiện căn; 2) Lực của nhiều đời gần gũi với thiện hữu Nhất thừa; 3) Lực của Tín tâm thanh tịnh vô cùng sâu xa ở hiện tại; 4) Lực của mong muốn nguyện cầu đối với pháp thù thắng trên đây; 5) Lực của pháp chân thật không xen tạp Vô minh mà phát tâm Đại Bồ-đề; 6) Lực của tâm sâu xa chuyên cầu Nhất-thiết-chủng-trí mà không xen tạp với tâm Nhị thừa.

Ở trong mười lực này, tùy theo một loại lực có thể phân biệt thích hợp mà nhận biết, hoặc là hai-hoặc là ba cho đến mười loại để hiển bày về vô tận.

Trong ba mươi câu sau là nghĩ đến đức thừa thĩnh: Mười câu đầu là ca ngợi về đức của căn cơ có thể tiếp nhận, hai mươi câu sau là ca ngợi về đức chủ động thuyết giảng của Phật.

Trong mười câu đầu: Suy nghĩ là ý, nhiều cho nên nói là Chủng chủng. Từ suy nghĩ khởi lên mong muốn, mong muốn tăng thêm gọi là Giải, tức là hiểu biết thù thắng mà duy trì phù hợp. Dựa vào hiểu biết phát khởi ngôn từ, ngữ âm địa phương cũng khác, trú trong hành vị hơn-kém không giống nhau, cho nên nói là Địa. Căn khí tiếp nhận giáo pháp nhanh-chậm-mới phát sinh và chín muồi có ba phẩm không giống nhau, cho nên nói là Căn. Dựa vào căn tác nghiệp thành tựu tu không giống nhau, cho nên nói là Phương tiện tác nghiệp. Tướng của cảnh đã duyên vào không phải như nhau, cho nên nói là Cảnh. Đều dựa vào quả Phật làm duyên sai biệt, mà có thể tiến vào pháp, hoặc là dựa vào ánh sáng của Phật, hoặc là nhờ vào thuyết pháp..., thích nghe về pháp đã thuyết giảng ở mức độ cạn-sâu-mở rộng và tóm lược, mỗi loại nhiều ít không giống nhau, cho nên nói là Pháp mà mình thích nghe.

Trong hai mươi câu sau là ca ngợi về đức chủ động thuyết giảng của Phật: Mười câu trước là nghĩ đến Phật thuyết giảng về nhân viên mãn, mười câu sau là nghĩ đến Phật thuyết giảng về quả đầy đủ đức.

Trong mười câu trước: 1) Trình bày về Nguyện lúc mới phát tâm Bồ-đề xưa kia. 2) Dựa vào Nguyện khởi Hạnh, cho nên nói là Ba-la-mật thanh tịnh. 3) Hạnh thành tựu tiến vào phần vị, cho nên nói là các Địa. 4) Dựa vào phần vị thành tựu Hạnh, cho nên nói là Hạnh đầy đủ. 5) Nói tổng quát về các Hạnh đều có đủ hai trang nghiêm, cho nên nói là Bồ-tát trang nghiêm. 6) Riêng biệt phân rõ về một Hạnh khéo léo thâm nhiếp tất cả các Hạnh, trang nghiêm lẫn nhau, cho nên nói là Phương tiện trang nghiêm. 7) Riêng biệt hiển bày về hạnh Tự lợi thâm nhiếp giống như trước, gọi là Đạo trang nghiêm, Đạo vốn là nghĩa về

nhân nổi thông đến quả. 8) Riêng biệt trình bày về hạnh Lợi tha khéo léo nhiều cách, cho nên nói là phát xuất vô lượng phương tiện, nghĩa về trang nghiêm giống như trước. 9) Tự lợi và Lợi tha vô ngại cùng dung hòa hoàn toàn, đều thâm nhiếp tất cả thành tựu hạnh Phổ Hiền, cho nên nói là Tự tại trang nghiêm. 10) Nhiều kiếp thọ thân, luôn luôn tu hạnh thù thắng, cho nên nói là Bốn sinh hải, vốn là hiển bày về Bốn sinh nhiều thân như biển, nhiều thân tu hành cho nên hạnh cũng rộng nhiều.

Trong mười câu sau là trình bày nghĩ đến Phật thuyết giảng về quả đầy đủ đức: 1) Trước đã là nhân viên mãn, có đạt được điều gì, đó là Bồ-đề tự tại. 2) Đã đạt được Bồ-đề, có tác dụng thế nào, đó là tự tại chuyển Pháp luân. 3) Chuyển ở những nơi nào, đó là các quốc độ thanh tịnh. 4) Chuyển có lợi ích gì, đó là trang nghiêm thế giới chúng sinh. 5) Chuyển pháp gì, đó là pháp của Pháp Vương. 6) Dùng Trí nào để chuyển, đó là Trí sáng ngời của Đạo. 7) Trí Phật soi chiếu pháp thì căn cơ do đâu mà ngộ, đó là tự tại cho nên có thể tiến vào nơi của chúng sinh. 8) Tiến vào đến nơi của căn cơ để làm những lợi ích gì, đó là vốn làm ruộng phước. 9) Vì sao thành tựu phước, đó là thuyết giảng thành tựu về công đức Đạt-sấn. Đạt-sấn, Tôn giả Bà-tu-mật nói là Đản-sấn, Trung Hoa nói là Tài thí. Trong luật nói là pháp đáp lại bố thí gọi là Đạt-sấn, dẫn dắt Lợi tha cũng gọi là Đạt-sấn. Trong Tây Vực Ký nói: “Chính xác nói là Đạt-sấn-noa, hoặc nói là Đà-khí-ni, Trung Hoa nói là Hữu thủ(tay phải). Bởi vì dùng tay phải tiếp nhận vật bố thí của người khác, vì vậy mà sinh phước, cho nên từ đó thiết lập tên gọi.” Nay trình bày về Phật bố thí công đức cho chúng sinh, cho nên nói là công đức Đạt-sấn. 10) Dùng cách nào để thâm nhiếp chúng sinh, đó là ba Luân: Thân thông luân thuộc về thân nghiệp, phá tan nghi ngờ thành tựu niềm tin; Chánh giáo luân thuộc về ngữ nghiệp, phá tan mê hoặc thành tựu hiểu biết; Ưc niệm luân thuộc về ý nghiệp, phá tan kiết sử thành tựu công hạnh.

Sau là kết thúc thừa thỉnh, có thể biết. Phần Thừa thỉnh, xong.

Trong phần thứ ba là phần Tam-muội: Vì sao tiến vào Tam-muội, bởi vì trước đây hỏi mong hiện bày đầy đủ, nay nhập Định để hiện bày về pháp ấy. Vì sao các Hội trước đây quy tụ chúng rồi sau mới nhập Định, mà Hội này lại trước là nhập Định? Giải thích: Trước đây trình bày từ Tướng tiến vào Thật, nay phân rõ dựa vào Thể phát khởi Dụng. Lại trước đây là nhân của người nhập Định, nay là quả vị tự tại cho nên không giống nhau. Vì sao Hội này Phật tự mình nhập Định? Bởi vì biểu

thị cho pháp giới giải thoát tự tại, chỉ có Phật mới tận cùng nguồn gốc.

Trong văn có bốn: 1) Duyên nhập Định; 2) Nhân nhập Định; 3) Chính thức nhập Định; 4) Ý về nhập Định.

Trong phần một: Nhận biết tâm niệm, là dùng Tha tâm trí tiếp nhận ý niệm nghi ngờ trước đây, tức là duyên của nhập Định.

Trong phần hai: Dùng bốn loại Đại Bi để trình bày về nhân của nhập Định, nghĩa là nhập Định làm lợi ích cho chúng sinh, cần phải lấy Đại Bi làm căn bản, cho nên lấy đó làm nhân. Một, Thân, là thân làm lợi ích cho chúng sinh, tích lũy Bi mà thiết lập, tức là thân làm chỗ dựa của Tam-muội. Hai, Môn, nhưng Phật có các môn như Đại Trí-Đại Định-Đại Bi..., nay muốn làm lợi ích chúng sinh, cho nên chỉ dựa vào môn Đại Bi. Lại cũng tách môn Bi này ra, bởi vì thâm nhiếp tất cả các phẩm loại. Ba, Thủ, tức là trình bày về lợi ích cho chúng sinh, những sự tạo tác đều lấy Đại Bi dẫn đường, bởi vì là đầu tiên. Bốn, Pháp phương tiện tùy thuận, tuy Bi là đầu tiên, mà Bi nếu không có pháp phương tiện khéo léo tùy theo căn duyên của chúng sinh, thì không có thể khiến cho chúng sinh cùng tiến vào pháp giới. Bốn loại này cũng từ Phật mà từng bước hướng về căn cơ.

Phần ba là chính thức tiến vào Tam-muội, trình bày về nghiệp dụng của Định, từ Dụ làm tên gọi, nghĩa là như lúc Sư Tử chồm lên thì các căn mở ra, lông trên thân đều dựng lên, hiện rõ uy thế của Sư Tử, tướng gầm thét khiến cho những loài thú khác mất đi uy thế, chạy tán loạn tìm nơi ẩn nấp; khiến cho Sư Tử con tăng thêm sức mạnh, thân được trưởng thành. Nay Phật cũng như vậy: Một, Thân của Đại Bi pháp giới chồm lên; Hai, Mở ra căn môn của Đại Bi; ba-Dựng thẳng lông Bi làm pháp dẫn đường; bốn-Hiện rõ uy thế ứng với căn cơ, gầm lên pháp môn của pháp giới, khiến cho các loài thú như Nhị thừa run sợ chạy trốn đến nỗi đui điếc, con Phật là Bồ-tát tăng trưởng trăm ngàn các Tam-muội hải và Đà-la-ni hải. Tương tự như vậy cho nên lấy làm Dụ. Lại mười loại Sư Tử Phấn Tấn trong phẩm Ly Thế Gian, ở đây luận bàn đầy đủ.

Phần bốn từ “Linh nhất thiết...” trở xuống là trình bày về ý của nhập Định, nghĩa là hiện rõ về pháp thanh tịnh của pháp giới này, khiến cho chúng nhìn thấy mà tiến vào, gọi là vui với pháp. Phần Tam-muội, xong.

Trong phần thứ tư là phần Hiện bày Tịnh độ, có ba: 1) Hiện rõ Khí thế gian viên mãn; 2) Trí chánh giác thế gian viên mãn; 3) Chúng sinh thế gian viên mãn.

Trong phần năm có hai: Trước là trình bày ở Kỳ Hoàn này hiện rõ Tịnh độ trang nghiêm; sau là tương tự kết luận về mười phương cùng hiện rõ Tịnh độ.

Trong phần trước cũng có hai: Đầu là chính thức hiển bày về trang nghiêm; sau là đưa ra nguyên do.

Trong phần đầu có ba: Một, Trùng các trang nghiêm; Hai, Vườn rưng trang nghiêm; Ba, Hư không trang nghiêm.

**Pháp sư Quang Thống nói:** “Trang nghiêm hư không biểu thị cho duyên khởi thuộc Vô vi, trang nghiêm vườn rưng biểu thị cho duyên khởi Hữu vi, trang nghiêm Trùng các vốn hiển bày về duyên khởi thuộc tự Thể.”

Trong phần một có hai: a) Nơi chốn rộng rãi vô biên bỗng nhiên rộng lớn, nghĩa là dựa vào Quyền hiển bày Thật, phá bỏ Tình hiển bày Pháp. b) Chính thức hiển bày về trang nghiêm, trong đó có mười loại: 1) Đất bằng vàng ròng; 2) Từ “Nhất thiết Ma-ni...” trở xuống là trình bày trên mặt đất trải đầy vật báu; 3) Từ “Lưu ly...” trở xuống là trình bày về cột trụ của lầu gác; 4) Từ “Diêm-phù...” trở xuống là chính thức trình bày về thành tựu lầu gác; 5) Từ “Ma-ni...” trở xuống là trải lưới ở phía trên lầu gác; 6) Dựng lên cột cao quý báu; 7) Treo cờ phướn tán che; 8) Phát ra ánh sáng chiếu rọi pháp giới; 9) Vật báu đan xen trang nghiêm bên ngoài; 10) Bốn phía có bậc thêm đường đi để cho có thể bước lên.

Trong phần hai là trang nghiêm vườn rưng: Thần lực của Phật là nhân. Bỗng nhiên rộng rãi... là hiển bày về nơi chốn rộng rãi. Từ “Chúng bảo...” trở xuống cũng có mười loại trang nghiêm: 1) Câu tổng quát; 2) Dùng vật báu trải trên mặt đất; 3) Tường vách quý báu; 4) Cây cối quý báu; 5) Dòng sông thơm ngát; 6) Rất nhiều lầu gác; 7) Ánh sáng chiếu rọi; 8) Vật báu trang nghiêm mặt đất; 9) Tỏa hương thơm tuyệt vời; 10) Dựng lên cột cao quý báu có mười bảy loại.

Phần ba là trang nghiêm hư không, cũng có mười loại: 1) Cung điện quý báu của cõi trời; 2) Cây cối thơm lừng; 3) Núi Tu-di; 4) Âm nhạc quý báu; 5) Cây cối quý báu; 6) Pháp tòa quý báu; 7) Hình tượng quý báu; 8) Mạng lưới châu ngọc; 9) Lầu gác; 10) Âm nhạc giải thoát.

Trong phần sau là đưa ra nguyên do trang nghiêm, có hai: Một, Đưa ra nghĩa là vì sao có sự trang nghiêm không thể nghĩ bàn này? Hai, Trong giải thích có mười câu: 1) Vốn là do thiện căn không thể nghĩ bàn của Như Lai mà sinh ra, đây là dựa theo nhân; 2) Vốn là do pháp vô lậu của quả Phật mà sinh ra, đây là dựa theo Thể của quả, sau trình bày về Dụng của quả; 3) Tổng quát nêu ra Thần lực; 4) Riêng biệt nêu ra Thân



thông; 5-6) là hai câu trình bày về Thân-Độ vô ngại vi tế hòa vào nhau; 7-8) là hiện rõ Phật quá khứ soi chiếu quốc độ hiện tại; 9-10) là nêu ra Phật hiện rõ quốc độ. Sự trang nghiêm trên đây đều là Thể-Dụng của quả Phật như vậy, không phải những phần vị khác có thể biết được, vì thế cho nên đều nói là không thể nghĩ bàn. Trên đây là đưa ra Kỳ Hoàn ở một phương, xong.

Trong phần sau là tương tự kết luận: Như Kỳ Thọ... này là nêu ra ở đây. Tất cả pháp giới tương tự nối thông với pháp giới, giống như ở đây hiện rõ quốc độ. Nơi này tùy theo thô, là do Tu-đạt đã tạo nên, nhưng dựa vào tế thì chính là phù hợp rộng khắp pháp giới. Bao gồm mười phương tận cùng ba đời, bởi vì nối thông không ngăn ngại giới hạn. Tu-đạt mới tạo nên, bởi vì thô không khác với tế. Đã tạo nên thì vi tế mà rộng khắp pháp giới, như thường ở tại Linh Sơn cho đến ấn ngón chân mà hiện rõ, đều tương tự như vậy.

Phần hai: Như Lai đầy đủ..., là trình bày về Trí chánh giác thế gian viên mãn, đây đều là ở nơi này mà hiện rõ trong mỗi quốc độ đều có Như Lai, cùng đến nơi này đây khắp trong Kỳ Hoàn.

Trong phần ba là Chúng sinh thế gian, có hai: Một là Bồ-tát đầy khắp mọi nơi; hai là mưa xuống mười loại mây để cúng dường. Trên đây là phần Hiện bày Tịnh độ, xong.

Trong phần thứ năm là phần Quy tụ chúng mới, có hai: Đầu là trình bày về chúng đã quy tụ; sau trình bày đều là do uy thần lực của Như Lai, là giải thích về nguyên do quy tụ.

Trong phần đầu cũng có hai: Trước là riêng biệt quy tụ về mười phương; sau là tổng quát ca ngợi về đức.

Trong phần trước: Mười phương tức là mười đoạn, trong đó phương thứ nhất-thứ hai và thứ sáu đều có chín môn, phương còn lại có mười.

Một: Đông phương có chín nghĩa: 1) Nơi quy tụ xa-gần, nghĩa là vượt qua sát trần thế giới không thể nói được, biểu thị cho pháp sâu xa. 2) Có thế giới hải tên gọi Kim Cang..., biểu thị cho chỗ dựa của pháp giới. Kim Cang có hai nghĩa: Một là kiên cố, hai là sắc bén. Vân cũng có hai nghĩa: Một là khắp nơi, hai là tươi thắm. Minh Tịnh cũng có hai nghĩa: Một là chiếu rọi khắp nơi, hai là lia xa cấu nhiễm. Nay đối chiếu bản tiếng Phạm, thì chỉ riêng Trung Hoa nói tên gọi là Minh Tịnh, tiếng Phạm đều gọi là Tỳ-lô-giá-na. Đấng cũng có hai nghĩa: Một là phá trừ tối tăm, hai là chiếu rọi rõ ràng. Trang nghiêm cũng có hai nghĩa: Một là trang nghiêm thuộc Sự, hai là trang nghiêm thuộc Lý. 3) Danh hiệu Phật... là biểu thị cho quả tròn vẹn có thể dựa vào, nói là Minh Tịnh

giống như trước, Diệu Đức thì tiếng Phạm gọi là Thất Lợi, tức là đức thù thắng của Cát Tường, Vương là hiển bày về tự tại. 4) Nêu ra tên gọi Bồ-tát đứng đầu là hiển bày về phần nhân có thể dựa vào, Minh Tịnh giống như trước, Nguyên là tự Thể của Đại nguyện, Quang Minh là phá tan Vô minh, soi chiếu pháp giới. 5) Quyển thuộc cùng đến. 6) Nổi lên mây cúng dường, nghĩa là sự cúng dường như hoa cõi trời... đầy khắp hư không. 7) Đến nơi Đức Phật lễ lạy cúng dường. 8) Ở phương này hóa làm lầu gác-tòa hoa kiết già mà ngồi. 9) Lưới quý báu che phủ trên thân, hiển bày về đức thù thắng tự trang nghiêm. Nếu dựa theo phương khác ở sau thì thêm vào nghĩa thứ 10) hoặc là ngọc châu trong búi tóc, hoặc là mũ cõi trời, hiển bày về tướng thù thắng ấy vốn là tiêu chí. Thế giới-danh hiệu Phật... ở phương khác, dựa theo giải thích có thể biết.

Hai: Trong phần Nam phương cúng dường: Nhiều sự việc như Hương vi diệu... đầy khắp tất cả thế giới Phật, đây đều là phù hợp với pháp môn pháp giới mà thành tựu sự cúng dường này. Vì vậy hoặc là nói đầy khắp hư không, hoặc là nói khắp nơi pháp giới, hoặc là nói khắp nơi tất cả thế giới, hoặc là nói đầy khắp thế giới chúng sinh, đều không có gì chướng ngại, đan xen nhau mà không tạp loạn.

Ba: Trong phần Tây phương cúng dường: Cùng tên gọi là Tu-di Sơn Vân, là hiển bày về tướng tuyệt diệu cao xa (Diệu Cao) đầy đủ đức. Đều đầy khắp pháp giới, là bởi vì hạnh giống như lý tánh. Tất cả tướng tốt của Như Lai làm núi Tu-di, trình bày về đức của quả tuyệt diệu cao xa vốn là những công hạnh của Bồ-tát. Núi Tu-di vốn là nhân hạnh thành tựu cao xa. Như vậy đều là bởi vì người giống như pháp, bởi vì Chánh báo giống như Y báo, bởi vì quả giống như nhân, là đức tự tại vô ngại của pháp giới.

Bốn: Trong phần Bắc phương cúng dường: Cùng dùng y phục làm vật cúng dường, bởi vì hiển bày về tướng của tâm quý trang nghiêm thân; cũng bao gồm nhân-pháp-giáo-nghĩa...

Năm: Trong phần Đông Bắc phương: Cùng dùng lầu gác làm vật cúng dường, là hiển bày về tướng của tầng bậc tiếp tục thành tựu cao vượt lên; cũng bao gồm lý-sự...

Sáu: Trong phần Đông Nam phương: Cùng dùng vầng mây ánh sáng viên mãn làm vật cúng dường, là những vật mà thân đã đeo vốn biểu thị cho Dụng thù thắng có đủ đức. Tuy bao gồm công hạnh bên trong và sự việc bên ngoài, nhưng trong vẫn dùng tướng Vô kiến đảnh của Phật để làm vật cúng dường, là hiển bày vô cùng tôn quý, trình bày về Phật cúng dường Phật mới tận cùng giới hạn.

Bảy: Trong phần Tây Nam phương: Cùng ở tại lỗ chân lông phát ra những vầng mây nóng rực, hiển bày đốt cháy củi phiền não mà soi chiếu về lý, cho nên thân phát ra hơi nóng này. Chính là soi chiếu ba đời, là trình bày vốn thông suốt về duyên khởi của chín đời, bởi vì có khắp tất cả mọi nơi-bao gồm tất cả thời gian.

Tám: Trong phần Tây Bắc phương: Cùng ở tại tướng tốt và lỗ chân lông xuất hiện mười thân-ba đời bao gồm ba thế gian, trình bày về công năng thù thắng của thân nghiệp, giống như Đại Dụng của quả Phật khắp pháp giới, lấy đó làm vật cúng dường.

Chín: Trong phần Hạ phương: Cùng ở tại lỗ chân lông phát ra vầng mây mười âm thanh, trình bày về ngữ nghiệp tự tại, giống như tướng thuộc đức của quả Phật, ứng với căn cơ thuyết pháp vô ngại.

Mười: Trong phần Thượng phương: Cùng ở tại sáu Xứ bên trong phát ra các hạnh như mười Độ... của chư Phật ba đời; nhân quả viên dung, là trình bày về ý nghiệp tự tại.

Vật dụng cúng dường ở mười phần vị trên đây, cũng từ đầu đến cuối hiển bày về tướng dần dần sâu xa, đều là Bồ-tát trong Giáo viên mãn giống như quả Phật mà tự tại, vì thế cho nên không phải phân vị dưới và Nhị thừa... mà có thể thấy biết được.

Trong phần sau là ca ngợi về đức, có bốn mươi câu phân ba: Một, Một câu là tổng quát ca ngợi; Hai, Từ “Thành tựu tam thế...” trở xuống là ba mươi tám câu riêng biệt ca ngợi; Ba, Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là một câu kết luận về ca ngợi.

Trong riêng biệt cũng có ba: 1) Trình bày về thâm nhiếp ba nghiệp của Phật; 2) Từ “Ư đại chúng trung...” trở xuống là trình bày về Trí nhiếp hóa; 3) Trí nhận biết về thế giới.

Trong phần một cũng có ba: a) Bốn câu trình bày về ngữ nghiệp tự tại: Một, Đạt được Phật nhãn nhìn thấy pháp; Hai, Có thể chuyển pháp mà Phật đã chuyển; Ba, Thâm nhiếp viên âm của Phật; Bốn, Vượt lên trên nhân đến quả. b) Từ “Ư niệm niệm trở xuống có sáu câu trình bày về thân nghiệp tự tại: Một, Niệm niệm không gián đoạn đến nơi chư Phật, không hề có ngừng nghỉ; Hai, Trình bày về thân mây pháp giới, một có khắp tất cả; Ba, Có thể đối với chúng của Phật mà hiện rõ Pháp thân thanh tịnh; Bốn, Lực của huyễn thông trong mảy trần hiện rõ thế giới; Năm, Tuy thường ở nơi Phật mà giáo hóa chúng sinh luôn luôn không mất thời cơ; Sáu, Ở tại lỗ chân lông trên thân phát ra tiếng sấm của giáo pháp, như trong kinh Mật Nghiêm nói: “Lỗ chân lông toàn thân của Bồ-tát Kim Cang Tạng cùng lúc phát ra âm thanh diễn thuyết

về diệu pháp”, cũng giống như ở đây. c) Từ “Tri chúng sinh giới...” trở xuống có bảy câu trình bày về ý nghiệp tự tại: Một, Nhận biết về chúng sinh là duyên tụ tập như huyễn; Hai, Nhận biết về chư Phật có Dụng như ánh chớp; Ba, Nhận biết về côi và nẻo hiện rõ mà thật sự như mộng; Bốn, Nhận biết về quả khởi lên đáp lại nhân như cảnh tượng trong gương; Năm, Nhận biết về chúng sinh có Tướng mà không có Thể giống như ngọn lửa; Sáu-Nhận biết về căn khí rộng rãi hiển bày rõ ràng giống như biến hóa; bảy, Đây đủ... là kết luận có thể nhận biết đầy đủ về Trí của quả. Trên đây là giống như ba nghiệp của Phật, xong.

Trong phần hai là ba nghiệp thâm nhiếp chúng sinh, có mười câu phân ba: a) Năm câu trình bày về ngũ nghiệp thâm nhiếp chúng sinh: Một, Quyết định tuyên thuyết; Hai, Biện giải như biển vô tận; Ba, Giống như ngôn âm của chúng sinh; Bốn, Đối với lý không ngăn ngại; Năm, Đối với tranh cãi thì tận cùng. b) Có hai câu về thân nghiệp thâm nhiếp chúng sinh: Một, Có đủ Thông-Trí, Thông lấy Tuệ làm tánh cho nên gọi là Diệu Trí; Hai, Thường xuyên thực hành phá tan quân ma, dùng lực của Tinh tiến mà phá tan làm cho Ma vương phải khuất phục, lại dùng lực của Thần thông mà điều phục tà đạo làm cho chúng sinh trở về nương tựa. c) Từ “An trú...” trở xuống là ba câu trình bày về ý nghiệp thâm nhiếp chúng sinh: Một, Trí thù thắng thuộc Tam đạt; Hai, Trí vô nhiễm ở giữa thế gian; Ba, Trí đặc quả tròn vẹn của Phật.

Phần ba từ “Tri nhất thiết hữu...” trở xuống là mười một câu trình bày Trí tự tại về thế giới, trong đó hai câu đầu trình bày về Trí thuộc Chân đế: Một, Hiểu rõ Vọng là trống rỗng; Hai, Tiến sâu vào... là chứng Chân tánh; Ba, Lượng trí tiến vào tất cả, nghĩa là không thay đổi Chân mà tiến vào Tục, cho nên nói là Trí bất hoại; Bốn, Tiến vào rồi xoay chuyển mà hiện thân tự tại; Năm, Cùng lúc thị hiện thọ sinh ở nhiều nơi; Sáu, Nhận biết về hình dáng chủng loại sai biệt như vuông-tròn...; Bảy, tám là hai câu trình bày Trí tự tại về rộng-hẹp, cũng là Trí nhận biết về thế giới vi tế; Chín, Đạt được Trí duy trì thế giới của Phật, thân có thể trú nơi an trú của Phật, tức là thân thuộc về Khí thế gian; Mười, Tuệ thanh tịnh soi chiếu mười phương; mười một, Tự tại ở khắp tất cả mọi nơi.

Văn kết luận có thể biết. Thần lực của Như Lai là nguyên nhân quy tụ chúng, văn này phải ở phần trước, nhưng bởi vì thuận theo ngữ pháp của phương Tây, cho nên ở đây phân rõ thuộc phần sau. Trên đây là phần Quy tụ chúng mới, xong.

Trong phần thứ sáu là phần Nêu ra yếu kém hiển bày về đức, có

ba: 1) Hiện bày về người có thể không nhìn thấy; 2) Trình bày về cảnh đã không nhìn thấy; 3) Giải thích về nguyên do không nhìn thấy.

Trong phần một: Văn trước đây tổng quát nêu ra số lớn là năm trăm, nay ở đây riêng biệt nêu lên Thượng thủ cho nên nêu ra mười vị Đại đệ tử.

Một: Xá-lợi-phất, Trung Hoa nói là Thu Tử, chánh âm tiếng Phạm là Xá-lợi Bồ-đán-la. Xá-lợi, Trung Hoa nói là Thu, tức là chủng loại của chim Bách Thiệt. Trong Lục Độ Tập của Pháp sư Tăng Hội ở nước Ngô, dịch là Thu Lộ Tử. Đây là tên gọi của mẹ, bởi vì bà mẹ ấy có biện tài nhanh nhạy sắc bén tựa như loài chim ấy, ánh mắt chuyển đổi trong sáng nhanh nhạy cũng như loài chim ấy, từ dụ mà làm tên gọi. Bồ-đán-la, Trung Hoa nói là Tử, bởi vì con thuận theo mẹ làm tên gọi. Xưa dịch là Thân Tử, bởi vì trong tiếng Phạm gọi Thân là Xá-lợi, như thân phần của Phật là Xá-lợi, không phải sử dụng ở đây. Trong Trí Luận nói: “Cũng là quá khứ đã phát nguyện làm đệ tử của Phật Thích-ca mà thiết lập tên gọi này, bởi vì có năng lực luận bàn về nghĩa, cũng gọi là Ưu-ba-đề-xá.”

Hai: Ma-ha Mục-kiền-liên, chánh âm tiếng Phạm là Ma-ha Một-đặc-già-la, Trung Hoa nói là Đại Thái Thúc Thị. Thời Thượng cổ có vị Tiên ở nơi vắng vẻ trong núi, thường hái đậu xanh mà ăn, nhân đó lấy làm họ. Mẹ của Tôn giả là chủng tộc ấy, lấy họ của mẹ mà làm tên gọi. Tôn giả đạt được Đại thần thông, chọn lấy khác với họ này, cho nên nói là Đại Thái Thúc Thị. Tôn giả và Thu Tử, nhân duyên của hai vị nói như phần riêng biệt.

Ba: Ma-ha Ca-diếp, âm tiếng Phạm đầy đủ gọi là Ma-ha Ca-diếp-ba, Trung Hoa nói là Đại Ấm Quang. Ấm Quang là họ, trong dòng họ Bà-la-môn ở thời Thượng cổ có vị Tiên, ánh sáng nơi thân làm mất đi ánh sáng của mặt trời-mặt trăng. Ca-diếp là chủng tộc ấy, cho nên lấy làm tên gọi. Ánh sáng nơi thân của Ca-diếp này cũng có thể làm mất đi ánh sáng của mặt trời-mặt trăng, lại là con của Trưởng giả rất giàu có, rời bỏ tài sản-dòng họ to lớn, xuất gia tự mình thực hành Đại hạnh Đầu-đà ít ham muốn, là bậc Đại nhân mà mọi người biết đến, chọn lấy khác với Ca-diếp, cho nên gọi là Đại.

Bốn: Ly-bà-đa, đầy đủ nói là Hiệt-lệ-phạt-đa, Trung Hoa nói là Thất Tinh, tức là ngôi sao ở phương Bắc, cúng tế mà có được con, nhân đó lấy làm tên gọi. Lại gọi là A-lợi-ba-đa, Trung Hoa nói là Sở Cúng Dưỡng. Có nơi nói tên gọi là Giả Hòa Hợp, tức là trong Trí Luận hiển bày về sự việc hai con quý ăn thịt.

Năm: Tu-bồ-đề, chính xác nói là Tô-bồ-đề, Trung Hoa nói là Thiện Hiện, cũng nói là Thiện Thật, xưa nói là Thiện Cát thì không phải.

Sáu: A-nê-lô-đậu, chính xác nói là A-nê-lô-đà. Nê-lô-đà, Trung Hoa nói là Diệt; A nói là Vô, tức là tên gọi Vô Diệt, là em họ của Phật.

Bảy: Nan-đà, Trung Hoa nói là Hỷ Bồ, là người chăn trâu, nhân thưa hỏi Đức Phật về mười một pháp chăn trâu mà nhận biết Đức Phật có đủ Nhất-thiết-trí, đạt được quả A-la-hán, tánh rất thông minh, âm thanh tuyệt diệu, khiến cho người nghe vui thích, cho nên lấy làm tên gọi.

Tám: Kim-tỳ-la, chính xác nói là Kiếp-tỷ-la, Trung Hoa nói là Hoàng, nghĩa là thời Thượng cổ có vị Tiên Hoàng Đầu, nhân đó lấy làm họ, cũng từ họ lấy làm tên gọi.

Chín: Ca-chiên-diên, nói đầy đủ là Ma-ha Ca-đa-diễn-na, đây là họ và tên, Trung Hoa nói là Đại Tiễn Phát Chung Nam, dòng họ Bà-la-môn. Thời Thượng cổ có nhiều vị Tiên, ở nơi vắng vẻ trong núi trải qua nhiều năm, râu tóc đã dài mà không có người để cạo tóc. Theo pháp của Bà-la-môn là phải cạo tóc. Lúc ấy một vị Tiên có hai người con, cùng đến thăm viếng người cha. Người con nhỏ mới cạo tóc cho các vị Tiên, các vị Tiên nguyện cầu gia hộ, về sau trở thành những vị Tiên. Từ đó trở đi dòng họ này đều gọi là Tiễn Phát. Thân của Tôn giả là con trai có uy đức rất tôn quý, chọn lấy khác với dòng họ này cho nên nói là Đại Tiễn Phát Chung Nam. Lại phương Tây cũng có chủng tộc lấy họ mẹ, nay hiển bày là họ cha cho nên thêm chữ Nam vào tên gọi.

Mười: Phú-lâu-na Di-đa-la Ni tử. Phú-lâu-na chính xác nói là Bồ-thích-noa, Trung Hoa nói là Mãn; Di-đa-la, chính xác nói là Mai-đán-lợi-duệ, Trung Hoa nói là Từ; Ni là thanh thuộc nữ; Phát-đán-la, Trung Hoa nói là Tử, tức là con của người nữ Mãn Từ, từ mẹ mà thiết lập tên gọi, như Thu Tử... Như vậy... là kết luận về những điều không nhìn thấy.

Trong phần hai là cảnh đã không nhìn thấy, có hai: Trước là trình bày về không nhìn thấy quả Phật thuộc pháp giới, sau là hiển bày về không nhìn thấy Bồ-tát thuộc pháp giới.

Trong phần trước có mười câu, cùng với pháp thưa thỉnh mà mọi người đã nghĩ đến trước đây, phần nhiều là giống nhau.

Hỏi: Nếu trước đây hoàn toàn không có căn khí thì không có thể nghĩ đến giống nhau, nếu có căn khí thì có thể nghĩ đến, vì sao nay lại

nêu rõ là không nhìn thấy?

Đáp: Trước đây có tâm mong mỗi giáo pháp thì có thể nghĩ đến giống nhau, mắt chưa mở ra cho nên nêu rõ mà không nhìn thấy. Lại trước chỉ nghĩ đến quả Phật thuộc Tam thừa của mình, nay nêu rõ về Nhất thừa cho nên không có thể nhìn thấy.

Trong mười câu: Đầu là một câu tổng quát, nghĩa là hiển bày về Như Lai không còn chướng ngại, tác dụng vô ngại cho nên nói là tự tại. Sau là chín câu riêng biệt: 1) Hai trang nghiêm của quả vị thù thắng; 2) Phạm vi giới hạn của quả vị và do Phật mà nhận biết; 3) Tác dụng nhiều cách; 4) Viên âm quyết định; 5) Đức lìa xa tướng thô; 6) Không suy nghĩ gì mà làm lợi ích cho chúng sinh; 7) Uy lực tự tại; 8) Duy trì những việc làm của chư Phật; 9) Quốc độ thanh tịnh làm chỗ dựa. Như vậy đều là những sự việc trước sau đã hiện rõ như Thân-Độ... Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận về không nhìn thấy.

Trong phần sau từ “Diệc phục...” trở xuống là trình bày về không nhìn thấy chúng Bồ-tát, cũng có mười: Câu đầu không nhìn thấy Đại hội là tổng quát, chín câu sau là riêng biệt. Trong riêng biệt: 1) Không nhìn thấy tướng đến quy tụ của nghiệp dụng thuộc cảnh giới; 2) Không nhìn thấy nơi đến của quyền thuộc và ngồi trong cung điện này, tức là hóa làm lâu các trước đây; 3) Không nhìn thấy ngồi kiết già tiến vào Tam-muội để quán sát; 4) Không nhìn thấy Bồ-tát đã làm ra những vật dụng cúng dường; 5) Không nhận biết thọ ký nuôi lớn những pháp thiện; 6) Không nhìn thấy thân đã thọ của Bồ-tát, có năm thân có thể biết; 7) Không nhìn thấy những ánh sáng tròn của Bồ-tát; 8) Không nhìn thấy một thân của Bồ-tát đầy khắp tất cả mười phương...; 9) Không nhận biết đức hạnh vốn có của Bồ-tát. Lại giải thích: Trong chín câu trên đây, trong bốn câu đầu tưởng tận tách ra có mười câu, giải thích về chúng Bồ-tát vân tập trước đây; trong năm câu sau cũng có mười câu, giải thích về chúng vốn có như Phổ Hiền..., đều có thể biết. Từ “Như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận về không nhìn thấy.

Trong phần ba giải thích về nguyên do không nhìn thấy, có hai: Đầu là Pháp, sau là Dụ.

Trong phần đầu cũng có hai: Trước là trình bày ở thời gian của nhân bởi vì không tu về nhân của nhìn thấy, cho nên không nhìn thấy; sau từ “Diệc vô Tam-muội...” trở xuống là trình bày ở thời gian của quả hoàn toàn không có phần nhìn thấy, cho nên không nhìn thấy.

Trong phần trước có bốn: Một, Trình bày về hạnh yếu kém không đạt được thù thắng; Hai, Từ “Thị chư công đức...” trở xuống là hiển bày

về thù thắng bởi vì vượt qua yếu kém; Ba, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là giải thích về thù thắng bởi vì không phải yếu kém; Bốn, Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về yếu kém không nhìn thấy thù thắng.

Trong phần một: Trước nêu ra hỏi rằng: Nếu không có thiện căn thì không thể nào ở trong Hội, nếu có thiện căn thì không thể nào không nhìn thấy, cho nên nói là tại vì sao?

Sau trong giải thích về thành tựu: Một, Tổng quát giải thích: Có thiện hạnh cho nên được ở trong Hội, bởi vì thiện hạnh sai khác này cho nên không nhìn thấy; lại bởi vì không giống như phàm phu cho nên có thiện căn, không giống như Bồ-tát cho nên thiện căn không như nhau. Hai, Trong riêng biệt giải thích có mười chín câu: a) Mười hai câu đầu là riêng biệt giải thích về quả Phật không nhìn thấy trước đây, trong đó: 1) Hai câu tóm lược giải thích, đó là giải thích bởi vì ban đầu vốn không tu tập về thiện căn Đại Bồ-đề, cho nên nói là vốn không tu tập về thiện căn có thể tự tại nhìn thấy Như Lai; bởi vì gọi là sai khác, cho nên không có nhân thì không có thể nhìn thấy Phật. Tự tại là quả Phật trước đây, chính là câu đầu trong mười câu. Hai là chỉ tu về hạnh tiến vào Niết-bàn, cho nên nói là không tu về hạnh làm thanh tịnh quốc độ Phật. Tịnh độ là câu cuối cùng trong mười câu trước đây. Vì thế cho nên nêu ra đầu-nêu ra cuối, phần giữa thì có thể biết. 2) Trong mở rộng giải thích: Bảy câu đầu là không tu về hạnh Lợi tha, ba câu sau là không tu về hạnh thù thắng thuộc Tự lợi; lại cũng đầu là tâm hẹp hòi, sau là tâm yếu kém. Văn giải thích có thể biết. b) Từ “Bất câu Bồ-tát...” trở xuống là trong phần riêng biệt giải thích về nguyên do không nhìn thấy Bồ-tát, có bảy câu: 1) Không cầu Thông và Minh; 2) Không tu về thiện căn ấy; 3) Không phát sinh về Nguyên ấy; 4-5 là không nhận biết về Pháp Không; 6) Không tiến vào phân vị ấy; 7) Không đạt được Phổ Nhãn.

Trong phần hai là hiển bày về thù thắng vượt qua yếu kém, trình bày về hai mươi loại pháp công đức mà không có thể tu tập trước đây, vượt lên trên Nhị Thừa mà không giống như Nhị thừa, cho nên pháp ấy không phải Nhị thừa có thể tu tập. Không có thể tu tập pháp ấy vốn là nhân duyên, cho nên đối với pháp ấy không có thể nhìn thấy..., đó là mắt không thể nào thấy được, tai không thể nào nghe được, chứng không thể nào tiến vào được, so sánh không thể nào biết được, xem xét không thể nào hiểu được, suy nghĩ không thể nào nhớ được, trí không thể nào quán sát được, ý không thể nào suy nghĩ được.

Trong phần ba là giải thích: Trước nêu ra hỏi rằng: Vì sao toàn bộ không thể nào biết được như vậy, là vì toàn bộ không có thể nhận biết



cho nên không thể nào biết được, hay là vì toàn bộ Nhị thừa không có trí cho nên không thể nào biết được, vì vậy nói là tại vì sao? Sau Giải thích rằng: Cảnh thuộc Trí của Bồ-tát, không phải là toàn bộ không có thể nhận biết, bởi vì Trí sâu xa có thể nhận biết; không phải Cảnh thuộc Trí của Thanh văn, cũng không phải Thanh văn là không có Trí tuệ, chỉ vì Trí nông cạn mà Cảnh sâu xa cho nên không thể nào biết được.

Phần bốn từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về không nhận biết, có thể hiểu. Trên đây là không tu về nhân cho nên không nhìn thấy, xong.

Phần sau là trình bày ở thời gian của quả hoàn toàn không có phần cho nên không nhìn thấy, nghĩa là đạt được Tiểu quả cho nên đối với pháp này hoàn toàn không có phần, không có gì tiến vào, vì vậy văn trước chỉ nói là không có thể tu tập... Nay trong văn này thậm chí nói là không có mắt của Tam-muội..., cho nên biết là trước dựa theo ở thời gian của nhân không có thể tu hành, nay dựa vào thời gian của quả hoàn toàn không có phần.

Trong văn có ba: Một, Tổng quát nêu ra; Hai, Đưa ra giải thích; Ba, Kết luận về không nhìn thấy.

Trong phần một có mười câu: 1) Không có mắt của Định sâu xa; 2) Không có pháp đã đạt được; 3) Không có công đức của Đại Bi; 4) Không có Trí của nơi này; 5) Không có mắt của Đại Trí. Trên đây là không có đức thù thắng thuộc Tự lợi, năm câu sau là không có đức thuộc Lợi tha.

Trong phần hai là đưa ra giải thích: Đưa ra nói rằng nhân quả của Thanh văn lẽ nào có thể không phải là thâm nhiếp một phần trong cảnh giới Phật, vì sao nói toàn bộ không có pháp ấy; nếu toàn bộ không có pháp ấy thì cùng với phàm phu nào sai khác, cho nên nói là tại vì sao? Ý giải thích: Bởi vì vượt ra khỏi ba cõi cho nên không giống như phàm phu, bởi vì trú vào Quyền trái với Thật cho nên không có pháp ấy. Lại bởi vì có bốn sai lầm, cho nên toàn bộ không có: 1) Vượt ra khỏi thô mà không lìa xa tế, nghĩa là chỉ vượt ra khỏi Phần đoạn của ba cõi mà không lìa xa Biến dịch của sinh tử; 2) Đạt được Quyền mà không đạt được Thật; 3) Đắm vào vắng lặng mà mất đi tâm Bi; 4) Tự điều hòa lấy mình mà không cứu giúp chúng sinh. Lại 1) Lìa xa lỗi lầm không tận cùng; 2) Đạt được pháp không sâu xa; 3) Không có tâm Đại Bi; 4) Không có hạnh bốn Nhiếp.

Phần ba từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về không nhìn thấy. Trên đây là phần Pháp Thuyết, xong.

Hỏi: Như có kinh nói: Thanh văn-Duyên giác, hoặc là Trí-hoặc là Đoạn, đều là Vô sinh pháp nhãn của Bồ-tát, đã cũng là pháp mà Bồ-tát ấy đạt được, vì sao trong này lại nói toàn bộ không có?

Đáp: Nhị thừa là Pháp nhãn của Bồ-tát, không phải Bồ-tát là do Nhị thừa mà nhận biết.

Hỏi: Nếu như vậy thì tại sao kinh nói: Công hạnh của các ông là đạo Bồ-tát?

Đáp: Bởi vì tâm quay lại, là Tiệm ngộ thuộc đạo Bồ-tát chứ không phải là Đốn-Viên; ở đây dựa theo Đốn-Viên cho nên không phải là phạm vi của Nhị thừa.

Hỏi: Chỉ có thể nghe mà không tin, như trong kinh Văn Thù Hạnh nói năm trăm Thanh văn nghe mà không tin nhận..., vì sao trong này nói toàn bộ không nghe thấy?

Đáp: Đó là Tam thừa đूर्đi theo cơ mà nói, vì vậy cũng khiến cho có thể nghe; nay ở đây là Nhất thừa đूर्đi theo pháp cao vượt ra ngoài, cho nên không thể nào nghe được, giống như mặt trời sáng chói giữa hư không, tiếng sấm phát ra âm vang chấn động, những loài kiến mối... không thể nào nghe thấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì Nhị thừa lẽ ra không phải do pháp giới thâm nhiếp?

Đáp: Pháp giới rộng lớn cho nên thâm nhiếp Nhị thừa, Nhị thừa hạn hẹp cho nên không thâm nhiếp pháp giới.

Hỏi: Pháp giới duyên khởi thì một mảy trần hã còn có thể thâm nhiếp tất cả, vì sao Nhị thừa hạn hẹp mà không thâm nhiếp rộng lớn?

Đáp: Rộng hẹp thâm nhiếp lẫn nhau là do Bồ-tát mà nhận biết, Nhị thừa không có pháp này cho nên không phải ở đây thâm nhiếp.

Hỏi: Nhị thừa lẽ nào không phải cũng là pháp giới do Bồ-tát nhận biết hay sao?

Đáp: Pháp giới này thâm nhiếp mà Nhị thừa không thấy biết, cho nên như đui như điếc.

Hỏi: Nếu như là pháp giới này thâm nhiếp thì lẽ ra có thể thấy biết như chúng Bồ-tát?

Đáp: Pháp giới duyên khởi tóm lược có hai môn: 1) Thuận duyên môn, như nhân thành tựu pháp..., thì chư Phật Bồ-tát phải là thấy biết, mới có thể thâm nhiếp mà thôi; 2) Vi duyên môn, như nhân trái ngược nhau..., thì chúng Nhị thừa phải không thấy biết, mới chính là thâm nhiếp vậy thôi. Hai duyên môn này hướng về pháp đã khởi lên đều có công lực, cho nên giống như pháp này, duyên khởi đã thu nhận khác nhau về

nhìn thấy và không nhìn thấy.

Hỏi: Nếu như vậy thì phàm phu ngoại đạo cũng là nghịch duyên, sao không thâm nhiếp ở đây?

Đáp: Người không có đức ấy thì không chịu nổi pháp này, cho nên như đui như điếc; giả sử những Thanh văn khác hãy còn sợ rằng không chịu nổi, vì vậy phải dùng các Đại Thanh văn tương tự Thu Tử..., hoặc là do Bồ-tát biến hóa mà thực hiện thì mới hiển bày về pháp thù thắng, vì vậy mà phân rõ.

Hỏi: Nếu như vậy thì những Thanh văn này đạt được pháp này hay không?

Đáp: Đều đạt được pháp. Nguyên cơ thế nào? Bởi vì như đui như điếc mà tiến vào duyên khởi, lấy điều này làm pháp đạt được, suy nghĩ có thể hiểu.

Hỏi: Nếu đạt được thì phải thấy biết?

Đáp: Nếu thấy biết thì không đạt được, bởi vì không phải là duyên khởi trái ngược nhau thâm nhiếp, cho nên không gọi là đạt được; Bồ-tát không giống như vậy, cho nên không nêu ra, mà chính là do Nhị thừa.

Hỏi: Nhị thừa đức hạnh cao xa hãy còn như đui như điếc, ngày nay phàm phu lẽ nào có thể thọ trì?

Đáp: Ngày xưa ở lúc bình thường vốn không thọ trì, đến nay đối diện như đui như điếc; ngày nay nếu không tiếp nhận thì cũng giống như xưa kia, vì vậy chỉ là Nhị thừa đức hạnh cao xa mà như đui như điếc. Do đó cần phải thọ trì, tăng thêm Tín lực khiến cho về sau đạt được.

Trong phần sau là Dụ so sánh, có mười Dụ để so sánh. Các vị như Pháp sư Viễn... đều đem mười Dụ phối hợp với mười câu về công đức thuộc quả Phật đã mê mờ trước đây, chỉ riêng Dụ thứ chín về hai cõi trời dụ cho công đức trang nghiêm của Như Lai ở câu thứ hai trước đây, còn lại đều theo thứ tự phối hợp giải thích có thể biết.

Lại ngay trong mười Dụ này, nhìn thấy và không nhìn thấy, phân biệt có ba nghĩa: 1) Dụ thứ nhất-thứ năm-thứ mười, ba Dụ này dụ cho Nhị thừa không nhìn thấy công đức của quả Phật; 2) Dụ thứ hai-thứ ba-thứ tư, ba Dụ này dụ cho Bồ-tát có thể nhìn thấy công đức của quả Phật; 3) Bốn Dụ còn lại dụ cho Như Lai tự mình nhìn thấy công đức của quả, cũng nhìn thấy các pháp như Nhị thừa...

Lại giải thích về tướng riêng biệt của mười Dụ này:

1) Dụ về quý đứng trước sông Hằng, dụ cho Nhị thừa có Sở tri chướng, cho nên không nhìn thấy cảnh thù thắng. Pháp sư Biện nói rằng: “Như ngựa quý, là dụ cho hàng Nhị thừa không có được thức ăn thuộc

hạnh pháp giới của Bồ-tát, cho nên nói là đối. Quý là tựa như người mà không phải người, dụ cho Nhị thừa đã đạt được Niết-bàn tương tự mà không phải chân thật. Hình hài trần trỗng, là bởi vì không có y phục thuộc hạnh tâm quý của Bồ-tát. Đối khát, là bởi vì không đạt được Lý quán không hai để tưới thấm cho tinh thần. Toàn thân cháy bỏng, là do bốn tướng mà chuyển đổi không ngừng. Thú dữ độc hại đã bức bách, là không nhận biết sinh tử chính là do tự tâm mà dấy lên, mới sợ hãi mà rời bỏ. Đi đến sông Hằng tìm nước uống, là hướng về nơi Kỳ Hoàn mong cầu mùi vị nước mát của giải thoát. Hoặc nhìn thấy khô cạn..., là chỉ chứng Niết-bàn thuộc Đoạn mà không nhìn thấy nước mát công đức của pháp giới thuộc về Pháp thân ở Tịnh độ. Bởi vì nghiệp chướng tội lỗi, là dụ cho chướng ngại của Pháp chấp Vô minh. Sau là hợp với Dụ, có thể biết.

2) Dụ về thức tỉnh đối với cảnh mộng, dụ cho hàng Nhị thừa giữ lấy yếu kém trái với thù thắng cho nên không nhìn thấy. Trong đó, trước là Dụ-sau là Pháp. Trong Pháp, trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận. Trong riêng biệt, đưa ra chín loại nhân mà Bồ-tát nhìn thấy, có thể biết.

3) Dụ về ngu muội đối với Tuyết sơn, dụ cho tâm hẹp hòi của hàng Nhị thừa bởi vì không có Bi, cho nên không nhìn thấy.

4) Dụ về chú thuật nhìn thấy kho tàng ẩn giấu, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có Tuệ nhãn thanh tịnh, cho nên không nhìn thấy.

5) Dụ về người mù đến đảo châu báu, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có Tuệ nhãn thanh tịnh, cho nên không nhìn thấy.

6) Dụ về xoa mắt ẩn thân, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có Trí sâu xa, cho nên không nhìn thấy.

7) Dụ về cảnh Định ở khắp mọi nơi, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có Định sâu xa, cho nên không nhìn thấy. Trong Dụ, Thiên là Không xứ và Thức xứ, cảnh giới chúng sinh là xanh-vàng-trắng-đỏ.

8) Dụ về hiểu rõ mình tự nhìn thấy, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có công hạnh sâu xa, cho nên không nhìn thấy.

9) Dụ về hai vị trời đi theo người, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì không có Trí bí mật, cho nên không nhìn thấy.

10) Dụ về Diệt Định không có nhìn thấy, dụ cho hàng Nhị thừa bởi vì trú vào phần vị chấm dứt mong cầu, cho nên không nhìn thấy.

Trên đây là phần tổng quát nêu ra yếu kém để hiển bày về thù thắng, xong.

Phần thứ bảy là phần Kệ tụng ca ngợi về đức, trong đó Bồ-tát

mười phương thuyết kệ tức là mười đoạn.

**Trong đoạn thứ nhất có mười tụng phân hai:** Một, Có chín tụng trình bày thuật về Dụng của Tam-muội trước đây; Hai, Có một tụng kết luận về chỗ dựa của Dụng, tức là hiển bày về Định Sư Tử Phấn Tấn trước đây. Trong chín tụng trước: Năm tụng đầu là vui mừng với Thân-Độ vô ngại của Phật, trong đó: Đầu là một tụng về tự tại, tiếp là hai tụng về rất sâu xa, sau là hai tụng về rộng lớn. Bốn tụng sau là ca ngợi các đức của Bồ-tát, trong đó: 1) Tụng hiển bày về chúng vân tập trước đây; 2) Tụng về nguyện hạnh sâu xa; 3) Tụng về vượt lên trên Nhị thừa; 4) Tụng về Định-Tuệ vững vàng.

**Trong tụng của đoạn thứ hai phân sáu:** Một, Có hai tụng ca ngợi về chúng có đủ đức, trước là phần vị đầy đủ, sau là công đức sâu xa. Hai, Tiếp hai tụng ca ngợi về nơi chốn quy tụ chúng. Ba, Tiếp một tụng về Đoạn chương-Chứng lý. Bốn, Tiếp hai tụng về bất động ở khắp mọi nơi. Năm, Tiếp một tụng kết luận quy về Phật lực. Sáu, Sau cuối hai tụng về hiểu rõ ràng pháp của Phật, đầu là Nghĩa-sau là Giáo.

**Trong tụng của đoạn thứ ba phân hai:** Một, Ba tụng đầu về pháp thuyết: 1) Tụng ca ngợi Đức Phật thuyết pháp hợp thời; 2) Tụng ca ngợi Phật lực dùng để phá tan tà đạo; 3) Tụng ca ngợi pháp của Phật vượt lên trên biểu hiện của tình thức. Hai, Trong bảy tụng sau về ví dụ so sánh: 1) Dụ về Trí thông hiểu ba thời gian; 2) Dụ về đức vô lậu tròn vẹn; 3) Dụ về tự tại nhận biết khắp nơi; 4) Dụ về đức không có giới hạn ngăn ngại; 5) Dụ về pháp luân gánh vác; 6) Dụ về vô ngại nhanh chóng khắp nơi; 7) Dụ về Trí luân làm căn bản.

**Trong tụng của đoạn thứ tư:** 1) Dụ về núi Đức làm lợi ích cho chúng sinh; 2) Dụ về biển Bi trừ hết nóng bức; 3) Dụ về hạnh cao vời-chứng sâu xa; 4-5) là hai tụng trình bày Dụ về phát sinh biển Trí; 6) Dụ về khéo léo thị hiện ứng với căn cơ; 7) Dụ về tùy theo ý nguyện đều như mong muốn; 8) Dụ về Chủng trí soi chiếu khắp nơi. 9) Dụ về tùy theo nơi chốn hiện rõ giáo pháp; 10) Dụ về thấy Phật thanh tịnh căn khí. Lại giải thích trong mười tụng này: 1) Đại Phước; 2) Đại Bi; 3) Đại Định; 4-5) là Lý trí; 6) Lượng trí; 7) Dụng của Bi; 8) Chủng trí; 9) Trí như gương; 10) Dụng của Từ.

**Trong tụng của đoạn thứ năm phân bốn:** Một, Một tụng đầu ca ngợi về lợi ích nhìn thấy. Hai, Ba tụng tiếp là lợi ích cho Bồ-tát: 1) Tổng quát ca ngợi; 2) Riêng biệt khiến cho đạt được pháp; 3) Riêng biệt khiến cho thành tựu hạnh. Ba, Một tụng tiếp hiện rõ về ba thế gian. 4) Ba tụng tiếp hiện rõ về pháp thành tựu lợi ích: 1) Đưa ra năng

lực; 2) Mở rộng hiện bày; 3) Thành tựu về Trí. Bốn, Hai tụng sau cuối là pháp luân làm lợi ích cho chúng sinh.

**Trong tụng của đoạn thứ sáu phân ba:** Một, Ba tụng đầu trình bày về phạm phu-Tiểu thừa không thể nào nhận biết. Hai, Bốn tụng tiếp trình bày về đức mà không nhận biết: 1) Trí sâu xa; 2) Phước rộng lớn; 3) Khéo léo giáo hóa; 4) Công đức của pháp. Ba-Ba tụng sau cuối hiển bày về đức có thể nhận biết: 1) Tu hành; 2) Phá ngã; 3) Nguyện đầy đủ. Như vậy có thể nhận biết không phải là đức của Phật thì toàn bộ không phải, có thể biết.

**Trong tụng của đoạn thứ bảy tụng phân ba:** Một) Năm tụng đầu ca ngợi về Thể đức của Phật trọn vẹn đầy đủ, trong đó: Một tụng đầu tổng quát ca ngợi về thân thanh tịnh, hai tụng tiếp là vạn hạnh làm nhân, hai tụng tiếp là diệt trừ chướng-thành tựu đức. Hai) Ba tụng tiếp ca ngợi về Diệu dụng khó suy lường, trong đó: Một tụng đầu là Dụng của Sắc, hai tụng sau là Dụng của Trí. Ba) Hai tụng sau cuối là tổng quát kết luận, một là không thể suy nghĩ, hai là không thể bàn luận.

**Trong tụng của đoạn thứ tám phân ba:** Một, Hai tụng đầu là sinh ra Trí đức, một là dựa vào nghe mà sinh ra, hai là dựa vào tâm mà sinh ra. Hai, Ba tụng tiếp là hạnh kiên cố, một là hạnh Tinh tiến, hai là hạnh thuộc Tín Trí, ba là hạnh thuộc Hồi hướng. Ba, Năm tụng sau là hạnh thuộc Đoạn đức, trong đó hai tụng đầu là lìa nhiễm thành tựu Tự hành, ba tụng sau là lìa nhiễm thành tựu Lợi tha.

**Trong tụng của đoạn thứ chín phân bốn:** Một, Hai tụng đầu ca ngợi về lợi ích thuộc ngữ nghiệp của Phật; Hai, Hai tụng tiếp là lợi ích thuộc thân nghiệp; Ba, Hai tụng tiếp là lợi ích của thân-ngữ; Bốn, Bốn tụng sau là lợi ích của thấy-nghe.

**Trong đoạn thứ mười có mười một tụng phân bốn:** Một, Hai tụng đầu ca ngợi Đức Phật làm lợi ích cho Bồ-tát, một là hiện rõ đức khiến cho nhìn thấy, hai là chuyển pháp khiến cho được nghe. Hai, Năm tụng tiếp ca ngợi Đức Phật vì chúng sinh nhận chịu khổ đau, là Đại Bi sâu dày. Ba, Một tụng tiếp là giải thích về nguyên do nhận chịu khổ đau. Bốn, Ba tụng sau cuối trình bày về được thấy Đức Phật thành tựu lợi ích.

Trên đây là phần kệ tụng, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ tám trình bày về Phổ Hiền khai phát, khiến cho chúng sinh tin tưởng, trong đó có hai: Đầu là trường hàng, sau là kệ tụng.

Trong phần đầu có ba: Một, Trình bày về ý thuyết giảng; Hai, Hiện bày về phương tiện có thể thuyết giảng; Ba, Phân rõ về phạm vi giới hạn đã thuyết giảng.

Trong phần một: Cần phải nhắc lại... trước đây trình bày về Giáo chủ tự mình tiến vào Định này hiện bày nhiều về sự việc ấy, mở bày hiện rõ pháp giới nhưng chưa có ngôn từ thuyết giảng, nay trình bày về Phổ Hiền dùng ngôn từ để thuyết giảng rộng ra, lại tiếp tục mở bày về Định trước đây, dùng pháp giới để biểu hiện rõ ràng soi chiếu sáng tỏ, khiến cho các Bồ-tát cùng tiến vào pháp này, cho nên nói là tiếp tục mở bày...

Phần hai từ “Dĩ pháp giới đẳng...” trở xuống là trình bày về phương tiện có thể thuyết giảng, có ba: Trước là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong riêng biệt: Mười một loại phương tiện, nói Dĩ ấy là Dụng, dùng các phương tiện như những pháp giới này mà đạt được mười loại thuyết giảng mở rộng về đức Tam-muội của Như Lai. Một pháp giới như nhau, nghĩa là như pháp giới đã không có giới hạn tận cùng, phương tiện có thể thuyết giảng này cũng giống như pháp giới, cho nên nói là như nhau; còn lại đều như vậy. Vì sao như vậy, là bởi vì nghiệp dụng rộng lớn của Định Phấn Tấn, dùng phương tiện khác không thể nào hiển bày, cho nên mười một loại đều lấy pháp không có phạm vi giới hạn, để dùng làm tương tự. Một câu này là câu tổng quát, mười câu còn lại đều là câu riêng biệt về pháp giới, trong đó: Hy vọng là dựa theo bắt đầu(Thí), mong muốn là dựa vào cuối cùng(Chung), ánh sáng giáo pháp là pháp có thể giáo hóa, tùy theo thời gian là dựa vào thời gian căn cơ phát sinh và thuần thục..., những câu còn lại có thể biết.

Sau từ “Vị chư Bồ-tát...” trở xuống là ý hiển bày kết luận về thành tựu, nghĩa là dùng phương tiện như pháp giới..., vì các Bồ-tát mà thuyết giảng mở rộng về mười loại Tam-muội Sư Tử, phương tiện như hư không giới cũng thuyết giảng mười loại, còn lại đều dựa theo đó.

Phần ba từ “Hà đẳng vi thập...” trở xuống trình bày về pháp đã thuyết giảng cũng có mười môn. Hưởng về có thể thuyết giảng trước đây có hai môn: 1) Theo thứ tự phối hợp với mười một phương tiện trước đây, nghĩa là dùng phương tiện trước đây như thứ tự ấy mà thuyết giảng về pháp đã thuyết giảng này, vì vậy đều phối hợp với một loại, riêng trong loại thứ mười thâu nhiếp hai phương tiện sau cuối, dựa theo giải thích có thể biết. 2) Mười một phương tiện trước đây, mỗi một loại đều có mười loại thuyết giảng mở rộng, thì trở thành một trăm mười môn,

suy nghĩ kỹ càng dựa theo giải thích thì nghĩa lý có thể thấy rõ. Mười loại này có gì sai khác? Đó là: 1) Nêu ra nhiều Đức Phật; 2) Thuyết giảng nhiều thời gian; 3) Hiện rõ ở nhiều nơi; 4) Thâu nhiếp nhiều chúng; 5) Một niệm thâu nhiếp chín đời; 6) Một thân đầy khắp pháp giới; 7) Trong cảnh của Y báo hiện rõ phần vị thuộc đức của Phật; 8) Trong vi trần Y báo hiện rõ Phật tự tại, cùng với trước có gì sai khác, là bởi vì cảnh thì thô mà trần thì tế cho nên sai khác; 9) Lỗ chân lông của Chánh báo phát ra âm thanh luôn luôn giáo hóa; 10) An tọa khắp nơi đạo tràng thường chuyển pháp luân. Mười loại này đều là đức của Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn, hãy còn là thuyết giảng sơ lược.

Từ “Phật tử...” trở xuống là hiển bày về phần chưa thuyết giảng, lại tiếp tục mở rộng ra nhiều. Chỉ có cảnh thuộc trí của Như Lai, là trình bày còn có mở rộng ra nhiều, không phải Bồ-tát có thể nhận biết.

Phần sau từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về phần trùng tụng, trong văn cũng có hai: Trước là ý mở đầu, sau là chánh tụng.

Trong ý mở đầu: Nương theo Phật lực, là hiển bày không phải tự mình có năng lực. Quán sát Như Lai, là trình bày đã có sự tiếp nhận. Quán sát đại chúng, là trình bày đã có những việc làm. Những câu còn lại quán sát về pháp đã thuyết giảng ấy. Như vậy đều vốn là đức sai biệt của quả Phật.

Trong phần chánh tụng: Đối với mười pháp trước đây theo thứ tự mà tụng. Trong tụng một, trong mỗi một lỗ chân lông là tụng về trong tất cả pháp giới trước đây, ba câu còn lại tụng về Phật xuất thế... Trong tụng hai, Pháp luân thanh tịnh là tụng về tất cả chư Phật đã thuyết giảng trước đây. Trong tụng ba, Tối thắng làm cho an tọa... là tụng về thị hiện thành tựu Chánh giác trước đây. Trong tụng bốn, Bồ-tát vân tập... là tụng về Đại chúng đều hướng đến... trước đây. Trong tụng năm, thuyết giảng về các pháp giới... là tụng về đầy khắp tất cả pháp giới trước đây. Trong tụng sáu, hiển bày rõ ràng thế giới của chư Phật hòa vào Trí hải của pháp giới... là tụng về đầy khắp tất cả Thế giới hải... trước đây. Trong bảy-tám là hai tụng rưỡi tụng về pháp thứ bảy trước đây; an trú vào tất cả các cảnh giới của Như Lai, là tụng về mỗi một cảnh giới trước đây. Cũng có bản chép là tất cả các thế giới, thế giới cũng là cảnh của Y báo. An trú Như Lai địa, là tụng về Địa của công đức tự tại trước đây. Phần giữa đều là pháp công đức của chư Phật ba đời. Trong tụng chín, hai câu đầu là tụng về pháp thứ chín trước đây, hai câu sau là lùi lại tụng về pháp thứ tám trước đây. Trong tụng cuối cùng, hai câu đầu là tụng về an tọa khắp nơi trước đây, hai câu sau là tụng về thường xuyên



thuyết giảng. Trên đây là phần khai phát niềm tin, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ chín về Hào quang nêu rõ lợi ích khiến cho Đại chúng chứng thực tiến vào pháp giới, trong đó có ba: Một, Nêu rõ Phật phát ra ánh sáng là duyên thị hiện về pháp; Hai, Từ “Thời Kỳ Hoàn...” trở xuống là trình bày về Đại chúng dựa vào duyên thấy pháp; Ba, Từ “Kỳ hữu chúng sinh...” trở xuống là phân rõ về thấy pháp được lợi ích, đích thực tiến vào pháp giới.

Trong phần một có năm câu: 1) Nêu rõ về ý, muốn khiến cho Bồ-tát dựa vào người tùy theo từng phần cũng đạt được Tam-muội này. Lại trong Tam-muội này đã biểu hiện rõ ràng sự việc, chính là những điều nghi ngờ thưa hỏi trước đây của Đại chúng, Đức Phật giải đáp câu hỏi mà tiến vào Định này, khiến cho Đại chúng cũng đạt được mới thực sự là lợi ích. 2) Phát ra ánh sáng từ lông trắng giữa chạng mày, là hiển bày về pháp giới trong sáng bình đẳng thuộc Trung đạo, là Dụng thâm nhiếp chúng sinh của Tam-muội trước đây. 3) Tên gọi y theo pháp giới, là dựa vào nghĩa mà thiết lập tên gọi, nghĩa là soi chiếu hiện rõ pháp môn pháp giới thuộc ba đời, khiến cho các Bồ-tát có thể tiến vào môn này, cho nên nói như vậy. 4) Thâm nhiếp quyến thuộc, là trình bày về có đủ chủ-bạn. 5) Soi chiếu mười phương..., là phân rõ về phạm vi giới hạn thâm nhiếp giáo hóa.

Trong phần hai là khiến cho Đại chúng nhìn thấy pháp giới, có hai: 1) Nêu ra người có thể nhìn thấy, đó là vân tập tất cả bao gồm hai chúng cũ và mới. 2) Trong phần trình bày về pháp đã nhìn thấy, cũng có hai: Đầu là nhìn thấy pháp giới ở phương này, sau là tương tự nhìn thấy pháp giới ở mười phương.

Trong phần đầu cũng có hai: Một là thấy hiện thân thuyết pháp trong tất cả thế giới; Hai từ “Hoặc kiến Thiên cung...” trở xuống là trình bày về thấy hiện thân thuyết pháp trong tất cả cung điện.

Trong mục một: a) Nêu ra nơi chốn đã hiện rõ; b) Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là chính thức trình bày về hiện thân thuyết pháp, có đủ ba thế gian có thể biết.

Trong mục hai là các Thiên cung cũng có hai: a) Nơi chốn đã hiện rõ tức là ở trong thế giới trước đây lại chọn lấy mười loại cung điện vi tế; b) Từ “Hiện chủng chủng thân...” trở xuống là chính thức trình bày về hiện thân thuyết pháp cũng có mười loại, trong đó: Các loại Trì là Nghĩa trì, Giáo trì là Pháp trì. Như vậy đã hiện rõ đều là bao gồm giải đáp về mười câu nghi ngờ thưa hỏi trước đây, nghĩa là Phật tự tại... có thể dựa theo suy nghĩ để giải thích.

Trong phần sau là tướng tự nhìn thấy mười phương, có hai: Một là nêu ra phương này tướng tự phương kia; hai là hiển bày tự tại.

Trong mục một là tướng tự phương kia: a) Tho tướng tự với thế giới mười phương, các nghiệp đã khởi lên là Khí thế gian và Chúng sinh... trong mười phương ấy, đều là Thật báo biểu hiện rõ ràng mà gọi tên; b) Tế tướng tự trong lỗ chân lông, có thể biết.

Trong mục hai là hiển bày tự tại: Một câu đầu là không làm hỏng sự việc rộng lớn, nghĩa là tuy ở trong lỗ chân lông vi tế, mà cũng không làm hỏng Chúng sinh giới rộng lớn vô biên trong ba đời-chín đời..., sai biệt rõ ràng. Ba câu tiếp là trình bày về nghiệp dụng, một là soi chiếu tâm ấy, hai là vì chúng sinh mà hiện thân, ba là khai thị về pháp. Một câu sau cuối là kết luận về thần lực.

Trong phần ba là trình bày về thấy pháp được lợi ích, có hai: 1) Phân rõ về nhân duyên thấy pháp; 2) Phân rõ về lợi ích đã đạt được.

Trong phần một cũng có hai: Một, Dựa theo Phật có duyên, vốn có duyên được nhìn thấy; Hai, Dựa theo hạnh đã tu, đầy đủ đức mới tiến vào, có ba câu: Một là Lợi tha, hai là Tự lợi, ba là thâm nhiếp thành tựu phương tiện tiến vào pháp.

Trong phần hai là trình bày về lợi ích đã đạt được, có ba: Một là trình bày về nhờ vào thấy mà đạt được pháp; Hai từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về nhờ vào pháp mà thành tựu đức; Ba từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về nhờ vào đức mà khởi Dụng.

Trong mục một có hai: 1) Từ “Đãi đắc...” trở xuống là một câu nêu rõ về pháp đã đạt được ấy, nghĩa là đạt được Tam-muội rộng lớn của Phật Địa, bởi vì Đại chúng này đều là các Bồ-tát trong phần vị Phổ Hiền, cho nên pháp đã đạt được không có dần dần từng bước mà lập tức đến cứu cánh. 2) Từ “Hoặc đắc...” trở xuống là phân rõ về pháp đã đạt được ấy, trong đó có ba: Một, Tổng quát nêu ra pháp đã đạt được, sơ lược đưa ra mười môn, trong đó sáu môn đầu trình bày về đạt được hạnh vị cứu cánh của Bồ-tát, bốn môn sau trình bày về đạt được quả Phật tự tại thành tựu đầy đủ. Hai, Từ “Thử chư Bồ-tát...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng, trong đó đầu là kết luận về số lượng, sau là kết luận về tên gọi. Trong tên gọi có mười một câu là số tăng của mười. Vì sao biết được? Bởi vì trong kết luận về số lượng nói đến mười loại Bất khả thuyết..., vì vậy mà biết. 1) Chúng chúng Đạo là kết luận về phần trước, Pháp thân là nơi Trí đã đi qua cho nên nói là Đạo, nhưng có nhiều loại không giống nhau cho nên nói là Chúng chúng. Lý thật không hai, vì sao nói là nhiều? Nghĩa là

thâu nhiếp chúng sinh vốn khác nhau, Trí có thể đi qua vốn có sâu-cạn. 2) Chủng chủng Môn là kết luận về Sắc thân khác loại trước đây, nêu ra riêng biệt mà nói là Môn. 3) Chủng chủng Nhập là kết luận về có đủ các hạnh mà có thể có chứng nhập. 4) Chủng chủng Độ là kết luận về các Ba-la-mật Độ mà đến bờ giải thoát. 5) Phương tiện là kết luận về hạnh thanh tịnh trước đây mà khéo léo có thể tròn vẹn. 6) Chí là kết luận đạt được Địa cứu cánh của Bồ-tát. 7) Phương là kết luận về Bồ-đề tự tại khắp nơi mười phương. 8) Quang minh là kết luận về nghiệp dụng của Tam-muội phát khởi ánh sáng. 9) Công đức đầy đủ là kết luận về Trí lực của các hạnh. 10) Tự tại là kết luận về Biện tài vô ngại. Ba, Từ “Thâm nhập Bồ-tát...” trở xuống là giải thích trước đây chỉ mở rộng, câu đầu là đã đạt được một môn Tam-muội, những câu còn lại tương tự dựa theo đó.

Ngay trong mục này có hai: 1) Trình bày về nhân để hiển bày về nghĩa mở rộng, trong đó có hai: Đầu là sâu xa tận cùng nhân vị trình bày về cuối cùng của Tự phần; sau từ “Nhập Như Lai hải...” trở xuống là khéo léo phù hợp với quả hải hiển bày về viên mãn thuộc Thắng tiến. Trong mục đầu có ba: a) Một câu tổng quát nêu ra; b) Từ “Sở vị...” trở xuống là trăm môn riêng biệt phân rõ; c) Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận tóm lược hiển bày mở rộng. Trăm Tam-muội này ở trong mười câu Chủng chủng trên đây, mỗi một câu đều có trăm môn như vậy và sau kết luận về mở rộng, bởi vì mười loại ấy là nêu ra Đại môn. Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt phân rõ, vì vậy văn trên kết luận về số lượng nói là mười Bất khả thuyết, trong này về sau kết luận thẳng thắn nói là Bất khả thuyết, cho nên biết đây là một trong mười. Lại giải thích: Trăm môn này chỉ là một môn trong Chủng chủng Môn ở trong mười câu trước đây. Vì sao có thể biết? Bởi vì về sau kết luận nói là Bất khả thuyết sát trần Tam-muội môn, chứ không nói là Đạo... cho nên có thể biết. Lại văn trên chỉ nói công đức tuyệt diệu như mười Bất khả thuyết..., chứ không chỉ nói riêng Tam-muội.

Hỏi: Trong Chủng chủng Môn này bao hàm vô lượng các môn như Đà-la-ni môn..., vì sao trong này chỉ phân rõ về môn Tam-muội?

Đáp: Bởi vì ban đầu nêu ra nói là cho đến đạt được Tam-muội tự tại không thể nghĩ bàn của Như Lai, cho nên dựa vào đây để mở rộng hiển bày. Lại trước đây nói: Vì muốn khiến cho các Bồ-tát an trú trong Tam-muội Sư Tử Phấn Tấn, cho nên chỉ hiển bày về môn này. Lý thật thì các môn không có gì không đều đầy đủ, như văn sau nói: Mỗi một loại đều đạt được pháp môn Đại Bi như Bất khả thuyết..., cũng là loại

này.

Lại trăm môn này đều bởi vì nghiệp dụng khác nhau cho nên thiết lập tên gọi sai biệt, dựa theo giải thích có thể biết. Trong đó: Đầu là một Môn trình bày về căn bản của chỗ dựa, bởi vì Dụng của Vô tận hạnh hải tương tự với pháp giới bình đẳng, khiến cho ra khỏi ràng buộc là kết luận về cứu cánh viên minh đầy đủ đức, cho nên lấy làm tên gọi; cuối cùng là một Môn trình bày thâm nhiếp quy về phần vị ấy, gọi là Tam-muội Quán Sát Sư Tử Phấn Tấn Bồ-tát. Các Tam-muội trước đều bởi vì hướng đến Tam-muội này cho nên nói là Quán Sát, nhưng Tam-muội này không giống như pháp đã đạt được của Phật Địa cho nên nói là Bồ-tát. Các tên gọi ở phần giữa tùy theo nghĩa suy nghĩ giải thích.

2) Tiến vào quả Phật, là bởi vì trước đây đã đạt được nhân vị đến cuối cùng, cho nên quả hải mới có thể hưởng vào, có thể biết.

Trên đây là nhờ vào thấy mà đạt được pháp, xong.

Trong mục hai là nhờ vào pháp mà thành tựu đức, có hai: 1) Khiến cho pháp tòa rộng lớn; 2) Từ “Hiện đại tự tại...” trở xuống là chính thức hiển bày về đức đã thành tựu. Trong đó có hai: Trước là riêng biệt hiển bày, sau là tổng quát kết luận.

Trong phần trước là riêng biệt có mười môn hiển bày về đức: 1) Đức về thành tựu trí sâu xa. 2) Từ “Tất vị chúng sinh...” trở xuống là đức về hiểu rõ pháp làm bậc thầy. 3) Từ “Lạc tịch diệt...” trở xuống là đức về tùy duyên không đấm trước. 4) Từ “An trú trang nghiêm...” trở xuống là đức về thành tựu chúng sinh. 5) Từ “Giải nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là đức về hiểu sâu xa đầy đủ hạnh. 6) Từ “Cụ túc thập lực...” trở xuống là đức về trí có thể đạt được pháp. 7) Từ “Xảo diệu phương tiện...” trở xuống là đức về trí thù thắng phương tiện khéo léo. 8) Từ “Đắc nhất thiết pháp vô ngại...” trở xuống là đức về Lý-Trí phù hợp với Chân. 9) Từ “Phóng tịnh pháp quang...” trở xuống là đức về thâm nhiếp chúng sinh được thấy Phật, trong đó đầu là thâm nhiếp chúng sinh thành tựu lợi ích, sau từ “Thường kiến...” trở xuống là thấy Phật đạt được lợi ích, bởi vì phân biệt nhận biết rõ ràng các pháp Đại-Tiểu tự tại thâm nhiếp lẫn nhau, cho nên đạt được cảnh giới Vô tranh đối với tất cả các pháp. 10) Từ “Quyết liễu Như Lai...” trở xuống là đức về soi chiếu pháp viên dung, trong đó một là đức về tổng trì chuyển pháp, hai từ “Thành tựu Như Lai...” trở xuống là đức về khéo léo tận cùng cảnh Phật.

Trong phần sau từ “Bỉ chư...” trở xuống là tổng quát kết luận, có thể biết.

Trên đây là nhờ vào pháp mà thành tựu đức, xong.

Trong mục ba là trình bày nhờ vào đức mà khởi Dụng, có ba: Đầu là tổng quát, tiếp là riêng biệt, sau là kết luận.

Trong mục đầu là tổng quát: Tiến sâu vào... là kết luận về phần trước; trong thân... là nơi khởi Dụng; bởi vì vui với pháp lực... là nhân của Dụng; đối với từng niệm... là tổng quát nêu ra tướng của Dụng.

Trong riêng biệt có mười sự việc sai biệt, có thể biết.

Trong kết luận: Pháp lực là lực của pháp môn pháp giới đã đạt được này.

Trên đây là đoạn lớn thứ chín thuộc phần thị hiện về pháp thành tựu lợi ích, xong.

Từ đây trở xuống là phần thứ mười-Văn Thù nói rõ về đức, trong đó có hai: Đầu là nói về ca ngợi, sau là hiển bày về đức.

Trong phần đầu có hai: Trước là ý mở đầu, có thể biết. Sau là chánh tụng có mười ba tụng rưỡi phân hai: 1) Năm tụng đầu ca ngợi về pháp đã hiển bày rõ ràng trong Kỳ Hoàn, trong đó: Đầu là hai tụng ca ngợi về Dụng thuộc Khí thể gian tự tại trong Kỳ Hoàn, tiếp là hai tụng ca ngợi về Dụng thuộc Chúng sinh thể gian tự tại của Bồ-tát, tiếp là một tụng ca ngợi về Dụng thuộc Trí chánh giác thể gian tự tại. 2) Những tụng còn lại ca ngợi về nghiệp dụng đạt được pháp của các Bồ-tát..., trong đó: Đầu là một tụng ca ngợi về công đức của chư Phật ba đời, là câu thứ nhất trong Diệu Dụng đã phát sinh ở trong cảnh giới... trước đây; tiếp là một tụng ca ngợi về thuyết giảng chúng sinh tịnh nghiệp quả báo..., là câu thứ hai trước đây; tiếp là một tụng vượt lên trên tụng về Phật xuất thế hóa hiện thân mây...; tiếp là một tụng ca ngợi về công đức của Phật đối với tất cả cõi Phật; tiếp là một tụng vượt lên trên tụng về chuyển pháp cuối cùng..., tức là phương tiện hóa độ chúng sinh; tiếp là một tụng lùi lại tụng về nguyện hạnh trang nghiêm...; tiếp là một tụng về mây... của chư Phật ba đời trang nghiêm đạo tràng; cuối cùng là một tụng rưỡi tụng về hạnh Phổ Hiền đã ca ngợi... Những điều này đều là sự việc đã hiện rõ lúc bấy giờ ở trong rừng Kỳ Hoàn, nay Văn Thù thuật lại ca ngợi phân rõ trong tụng.

Trong phần sau là hiển bày về đức làm lợi ích, có ba: Một, Trình bày về Thể của hành đã đạt được; Hai, Từ “Nhất nhất mao khổng...” trở xuống là trình bày về Tướng của hành đã đạt được; Ba, Từ “Tùy kỳ sở ứng...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng của hành.

Trong phần một: Nhờ vào Tam-muội của Phật soi chiếu mà đạt được Đại Bi này, là Thể của hành Lợi tha.

Phần hai: Ánh sáng từ lỗ chân lông phát ra thân mây tôn trọng, là

trình bày về Tướng của Đại Bi.

Ngay trong phần ba là Dụng thù thắng, có hai: 1) Tổng quát phân rõ về Đại Dụng, bởi vì đây khắp pháp giới; 2) Từ “Hiện bất khả thuyết...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về Dụng của Bi, trong đó có năm môn:

Một, Dùng hai môn vui mừng và chán ngán để giáo hóa.

Hai: Từ “Hoặc ư nhất thiết thế...” trở xuống là dùng môn thuộc mười Độ để giáo hóa, trong đó có ba: 1) Trình bày về nơi chốn hiện rõ. 2) Từ “Vi nhất thiết chúng sinh...” trở xuống là chính thức trình bày về mười Độ đã hiện rõ, trong đó: Sáu Độ đầu có thể biết; Độ thứ bảy từ “Thiện tri thời hội...” trở xuống là trình bày về Phương tiện Độ; Độ thứ tám là dốc hết khả năng cúng dường chư Phật Bồ-tát, một câu này là Nguyên Độ; Độ thứ chín từ “Hàng phục...” trở xuống là Lực Độ; Độ thứ mười từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là Trí Độ. 3) Từ “Dĩ như thị...” trở xuống là kết luận về pháp thành tựu giáo hóa.

Ba: Từ “Hoặc hiện Thiên cung...” trở xuống là trình bày về dùng môn thuộc ba Luân để giáo hóa, trong đó có bốn: 1) Trình bày về Xứ giáo hóa. 2) Từ “Đại Bi Trí...” trở xuống là trình bày về Tâm giáo hóa. 3) Từ “Hoặc dĩ danh hiệu...” trở xuống là trình bày về Hạnh giáo hóa, trong đó ánh sáng... là Thần thông Luân thuộc thân nghiệp, hai Luân còn lại có thể biết. 4) Từ “Hiện xứ xứ...” trở xuống là trình bày về Thật giáo hóa, nghĩa là Bồ-tát này tuy giáo hóa khắp nơi pháp giới để thâu nhiếp chúng sinh, mà vốn không rời khỏi chỗ ngồi trong lầu gác nơi chúng của Phật này, đây là hiển bày về không chuyển động mà có khắp tất cả, phát khởi rất nhiều mà luôn luôn vắng lặng.

Bốn: Từ “Hoặc phóng Hóa thân...” trở xuống là dùng thân của ba thế gian để giáo hóa, trong đó: 1) Dùng thân của Trí chánh giác để giáo hóa, không hai là bởi vì Vô vi không hai, lại một thân tức là tất cả cho nên không hai. 2) Từ “Hoặc hiện Thanh văn...” trở xuống là trình bày về dùng thân của Chúng sinh thế gian để giáo hóa. 3) Hoặc hiện rõ tất cả cảnh tượng như thành ấp... là thân của Khí thế gian. Tùy theo sự thích hợp là kết luận về thành tựu Dụng của giáo hóa.

Năm: Từ “Hoặc hiện chủng chủng...” trở xuống là dùng môn thuộc ba nghiệp để giáo hóa, trong đó: 1) Trình bày về thân-ngữ giáo hóa. 2) Từ “Chủng chủng xảo thuật...” trở xuống là trình bày về ý giáo hóa. 3) Từ “Tất hiện...” trở xuống là kết luận về thành tựu nơi chốn giáo hóa.

Trên đây từ lúc bắt đầu Hội đến đây là mười đoạn không giống nhau, tổng quát trình bày về Hội này, xong.

Phần thứ hai từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là trình bày về cuối Hội, trong đó: Trước là gốc mà không khác với ngọn, tuy tụ vào nhưng luôn luôn tản ra, tức là văn sau; sau là ngọn mà không khác với gốc, tuy tản ra nhưng luôn luôn tụ vào, tức là văn trước. Vì vậy gốc và ngọn vô ngại cùng làm một Phẩm, ý ở tại nơi này.

Nay giải thích tất cả, văn dưới đây tóm lược đưa ra mười môn: Một, Nói về các thuyết cổ xưa; hai, Số Hội khai hợp; ba, Hội chủ nhiều ít; bốn, Xác định về danh nghĩa của Hội; năm, Hai phần vị thâu nhiếp tất cả; sáu, Phân thành năm tướng; bảy, Thâu nhiếp trọn vẹn trước sau; tám, Trình bày về pháp giới nhân loại; chín, Nghĩa về sự của pháp giới; mười, Tùy theo văn giải thích.

Trong phần một là nói về cổ xưa: Các thuyết rất nhiều, khó mà nêu ra đầy đủ, tạm thời nói về một vài thuyết. Một thuyết nói rằng: “Trong này, Tri thức có bốn mươi lăm người, sau Văn Thù không thiết lập chỉ có bốn mươi bốn người, đầu một người là Tri thức ở phần vị Thập Tín, tiếp bốn mươi người là Tri thức ở bốn mươi phần vị như Thập Trú..., tiếp hai người là Tri thức ở phần vị Đẳng Giác, sau cuối một người là Tri thức ở phần vị Diệu Giác.” Bởi vì xưa không có văn bổ khuyết, cho nên chỉ phân rõ bốn mươi bốn-bốn mươi lăm mà thôi. Các Sư như Quang Thống... phần nhiều đều giống như thuyết này. Lại dựa vào một thuyết, toàn bộ không phối hợp với phần vị, cũng không phân tích sâu xa, chỉ tùy theo các Hội dựa vào văn giải thích phân tán ra, tức là như luận Ngũ Đài và Pháp sư Ý... đều giống như cách giải thích này. Trong hai thuyết này, thuyết trước đối với văn có phần xa cách, thuyết sau đối với nghĩa không có gì ngăn ngại, dựa theo suy nghĩ có thể thấy.

Phần hai là trình bày về số Hội khai hợp, trong đó có sáu: 1) Nếu dựa theo Cơ đã thâu nhiếp thì chỉ có ba Hội, một là Hội thâu nhiếp Tỳ-kheo, hai là Hội thâu nhiếp Long Vương, ba là Hội thâu nhiếp Thiện Tài, Công Đức Vân trở đi đều cùng Hội thứ ba thâu nhiếp, bởi vì Cơ đã thâu nhiếp không có gì sai biệt. 2) Nếu dựa vào Hội chủ có thể giáo hóa thì có năm mươi hai Hội, đó là ba Hội đầu và sau cuối là Hội thứ năm mươi bốn ở thành Phổ Môn, đều là Văn Thù chứ không có Hội chủ nào khác, năm mươi một Hội còn lại đều do người khác làm Hội chủ, vì vậy dựa theo Hội chủ thì chỉ có năm mươi hai Hội. 3) Nếu dựa theo phân rõ bao gồm chủ động-thụ động (Năng-Sở) thì có năm mươi lăm Hội, đó là Thiện Tài có năm mươi ba Hội, Tỳ-kheo và Long Vương đều có một Hội. 4) Nếu dựa theo phạm vi riêng biệt của chủ-bạn thì có một trăm mười Hội, như văn sau phân rõ. 5) Nếu dựa theo chỗ dựa thuyết giảng

phân tán ra thì có số Hội như vi trần khắp Tam thiên Đại thiên thế giới, như nói ở phần Văn Thù sau này, đây là dựa theo dẫn ra Cơ thuộc Tam thừa ấy để phân rõ. 6) Nếu dựa theo đức của Phổ Hiền thì có số Hội như vi trần khắp thế giới ở mười phương, như văn sau phân rõ ở phần kết luận nối thông với nhau.

Phần ba là trình bày về Hội chủ nhiều ít, có hai lớp: 1) Nếu chỉ dựa vào người thuyết giảng thì có năm mươi bốn người, nghĩa là ở trong năm mươi lăm Hội thì bốn Hội chỉ có một người, đó là Văn Thù. Lại có hai Hội đều có hai người, đó là Biến Hữu-Chúng Nghệ và Đồng Tử-Đồng Nữ. Vì vậy Hội có năm mươi lăm mà Chủ thì có năm mươi bốn. 2) Nếu dựa theo Hội để hiển bày về người thì có năm mươi bảy người, nghĩa là ở trong năm mươi lăm Hội có hai nơi đều thêm một người, đó là Biến Hữu... có thể biết.

Phần bốn là xác định về danh nghĩa của Hội. Hỏi: Các Hội như vậy đều không có Phật thuyết giảng, sao có thể là Kinh? Đáp: Như vậy đều là sự việc truyền pháp của Bồ-tát, các Bồ-tát cầu pháp-thuyết pháp đang lúc kết tập, giống như pháp tự tại... đã hiện rõ ở Kỳ Hoàn thuộc Hội này trước đây, khiến cho Đại chúng ấy nhìn thấy rồi tiến vào pháp, tuy không có lời nói của Phật nhưng lẽ nào cũng không phải là Kinh hay sao?

Hỏi: Trước đây trong Hội này Phật tuy không có thuyết giảng, nhưng các sự việc đã hiện rõ đều ở trong Hội của Phật, nay lúc này thuyết giảng lại ở nơi khác từ phương xa, không phải Phật thuyết giảng, cũng không hưởng về Phật, lẽ nào có thể làm ví dụ hay sao?

Đáp: Tuy ở nơi xa mà không rời khỏi Hội này, vì vậy thường ở trước Phật, như trong rừng Kỳ Hoàn ở trong văn trước đây, mỗi một cảnh giới hãy còn thâm nhiếp tất cả cõi Phật ở mười phương, hưởng gì những nơi này mà không thâm nhiếp hay sao? Vì vậy năm mươi lăm Hội này không rời khỏi gốc cho nên gọi là một Hội, đó là phẩm Nhập Pháp Giới.

Hỏi: Những nơi này đã đều ở Kỳ Hoàn, thì văn sau lẽ ra Thiện Tài thấy Phổ Hiền và Đại chúng của Phật ở tại Trùng Các này, vì sao lại thấy ở Đạo tràng Kim Cang? Đáp: Bởi vì pháp tòa Kim Cang ở cây Bồ-đề là gốc của tám Hội, cho nên không rời khỏi cây Bồ-đề mà ở khắp nơi các Hội, tìm theo ngọn nhìn thấy gốc, vốn cũng ở tại nơi này. Lại đầu Hội này thì Phổ Hiền và Phật ở trong Kỳ Hoàn, cũng không có chuyển dời mà nhìn thấy cây Bồ-đề, tức là Kỳ Hoàn này cũng ở dưới tán cây Bồ-đề, suy nghĩ có thể thấy.



Phần năm là thuộc về hai phần vị: Hai vị Hội chủ của năm mươi lăm Hội này thấu nhiếp tất cả, đầu là Văn Thù đến sau là Văn Thù, là phần vị Văn Thù thuộc về môn Bát-nhã; sau là một phần vị Phổ Hiền thuộc về môn Pháp giới. Không phải Bát-nhã thì không thể tiến vào Pháp giới, vì vậy Thiện Tài bắt đầu thấy ở Văn Thù. Không tiến vào Pháp giới thì không thể hiển bày Bát-nhã, vì vậy Thiện Tài cuối cùng thấy ở Phổ Hiền. Vì thế cho nên hai người dựa vào hai phần vị để trình bày về tiến vào Pháp giới. Lại trước Văn Thù tức là nghĩa rất sâu xa của Pháp giới, sau Phổ Hiền hiển bày về nghĩa rộng lớn của Pháp giới, vì vậy hai môn đầy đủ đức soi chiếu lẫn nhau.

Hỏi: Trong đoạn trước cũng có những Thiện tri thức khác như Công Đức Vân..., vì sao lại nói toàn bộ là Văn Thù? Đáp: Bởi vì đều là đức nhiếp hóa của Văn Thù, đều từ biển rộng trí tuệ của Văn Thù mà xuất thế. Vì vậy văn sau có lúc nói: Văn Thù dạy cho tôi những pháp tự mình chán ngán... Di Lặc cũng nói: Nay ông được gặp các Thiện tri thức đến chỗ Ta, đều nhờ vào sự nhiếp thọ của Văn Thù Sư Lợi.

Vì thế cho nên có hình tướng của Văn Thù làm Sơ duyên của mở mang giác ngộ, Diệu Đức vô tướng làm Diệu thú của cuối cùng quay về. Trong đó có ba: 1) Một vị là trình bày về bắt đầu phát khởi ở thời gian trước; 2) Từ “Công Đức Vân...” trở xuống là trình bày về khéo léo tu tập ở thời gian giữa; 3) Văn Thù là trình bày cuối cùng quay về ở thời gian sau. Đây cũng là hành tướng của một vòng tròn mà thôi. Ngay trong thời gian giữa: Đầu là bốn mươi người trình bày về duyên thực hành trong phần vị, tức là dựa vào phần vị của bốn mươi tâm; sau là mười người trình bày về duyên thực hành sau phần vị, tức là những sự tu tập ở ngoài phần vị.

Phần sáu là phân thành năm tướng: Phân tích mở rộng về văn này tổng quát làm năm tướng: 1) Dựa vào tướng tu hành của phần vị có bốn mươi một người; 2) Từ “Ma-da phu nhân...” trở xuống có chín Hội-mười một người trình bày về tướng hội tụ duyên tiến vào Thật; 3) Di Lặc là một người trình bày về tướng thấu nhiếp đức thành tựu nhân; 4) Sau cuối Văn Thù là một người trình bày về tướng thuộc Trí soi chiếu không hai; 5) Phổ Hiền là một vị trình bày về tướng hiển bày nhân rộng lớn. Lại năm tướng này cũng là tướng thuộc năm loại hạnh của Bồ-tát: 1) Cao hạnh; 2) Đại hạnh; 3) Thắng hạnh; 4) Thâm hạnh; 5) Quảng hạnh.

Phần bảy là thấu nhiếp trọn vẹn trước sau: Trong phần vị sai biệt của các Hội này, mỗi một phần vị đều thấu nhiếp tất cả các môn, vì vậy một phần vị cũng có năm mươi lăm phần vị và một trăm mười môn cùng

với sát trần pháp môn... Như một phần vị, tất cả phần vị cũng như vậy, trùng trùng dựa theo đó. Nhưng bởi vì dựa vào pháp hiển bày khác nhau mà phân bố trước-sau, suy nghĩ có thể thấy.

Hỏi: Nếu một cũng có đủ tất cả, thì Thiện Tài đâu cần phải trải qua các phần vị?

Đáp: Các phần vị đã trải qua này, đều là tất cả trong một mà không vượt ra ngoài một.

Hỏi: Nếu là tất cả trong một thì đạt được một tức là đạt được tất cả, đâu cần phải tiếp tục trải qua?

Đáp: Đạt được một tức là trải qua nhiều, vì vậy cùng lúc không có gì chướng ngại, suy nghĩ có thể thấy.

Phần tám là trình bày về pháp giới nhân loại, có hai: Trước là phân rõ về chủng loại khác nhau, sau là hiển bày về ý nghĩa của tướng.

Trong phần trước tuy tổng quát luận chung có năm mươi bảy người, nhưng thâm nhiếp chủng loại lưu chuyển chỉ có hai mươi: 1) Bồ-tát; 2) Tỳ-kheo; 3) Tỳ-kheo Ni; 4) Ưu-bà-tắc; 5) Ưu-bà-di; 6) Đồng nam; 7) Đồng nữ; 8) Thiên tử; 9) Thiên nữ; 10) Ngoại đạo; 11) Bà-la-môn; 12) Trưởng giả; 13) Người hiểu biết nhiều; 14) Người chữa bệnh; 15) Người chèo thuyền; 16) Quốc vương; 17) Tiên nhân; 18) Phật mẫu; 19) Phật phi; 20) Thần.

Trong phần sau là hiển bày về ý nghĩa của tướng có bốn câu: 1) Dựa theo quả thâm nhiếp giáo hóa, toàn bộ là Dụng thâm nhiếp chúng sinh của trí Phật, do Tam-muội Hải Ấn mà biểu hiện rõ ràng. 2) Dựa theo nhân thành tựu hạnh, toàn bộ là thành tựu hạnh thâm nhiếp chúng sinh của Bồ-tát, chỉ tùy theo nguyện lực mà hiện hình sai biệt, để ứng với căn cơ chúng sinh. 3) Dựa theo nghĩa hiển bày về đức, toàn bộ là thâm nhiếp pháp môn thuộc về con người trong pháp giới duyên khởi. 4) Dựa theo tướng phân rõ khác nhau, tức là Bồ-tát. Do năm loại Sinh đã thu nhận: Một, Sinh ngừng khổ; Hai, Sinh tùy loại; Ba-Sinh tối thắng; Bốn, Sinh tăng thượng; năm-Sinh tối hậu. Như Lương y... là Sinh ngừng khổ thâm nhiếp; Ngoại đạo... Nữ nhân... Dạ Thiên... đều là Sinh tùy loại thâm nhiếp; Đại Quang Vương... Tỳ-kheo Thiện Hiện... đều là Sinh tối thắng thâm nhiếp; Mãn Túc Vương... và những vị còn lại đều là Sinh tăng thượng thâm nhiếp; Di Lạc... đều là Sinh tối thắng thâm nhiếp. Bao gồm thì bốn loại trước đều có đủ. Trong đó Bồ-tát có sáu, hiện thân ở ba nơi: Một, Đầu là Văn Thù, vốn là Phật mẫu, bởi vì vốn có duyên, bởi vì phần vị ban đầu yếu kém, cho nên chỉ có một người. Hai, Phần giữa từ từ tiến lên hiện rõ hai người, đó là Quán Âm-Chánh Thú. Ba, Phần

vị thành tựu đầy đủ, hiển bày về đức thù thắng, có đủ ba người, đó là Di Lặc-Văn Thù và Phổ Hiền. Những người còn lại dựa vào hiển bày về phần vị riêng biệt, đến văn sẽ phân rõ.

Trong phần chín là nghĩa về sự của pháp giới, nối thông với các phần vị sau, tổng quát có mười môn: 1) Chánh báo của pháp giới; 2) Y báo của pháp giới; 3) Hiện tướng của pháp giới; 4) Biểu hiện ý nghĩa của pháp giới; 5) Ngôn thuyết của pháp giới; 6) Nghĩa lý của pháp giới; 7) Nghiệp dụng của pháp giới; 8) Thuyết giảng về nhân xưa kia của pháp giới; 9) Kết luận về Tự phần của pháp giới; 10) Suy ra Thắng tiến của pháp giới. Những mười môn này cùng một duyên khởi dung thông lẫn nhau vô ngại, tùy theo một đều có đủ. Ở trong văn sau có đủ và không đủ, tùy theo văn mà xác định.

Phần mười là tùy theo văn giải thích: Nay dựa vào văn này giải thích để phân tích về năm tướng. Ngay trong phần đầu dựa vào tướng tu hành của phần vị có bốn mươi một Tri thức, trong đó: Đầu là Văn Thù chỉ một người nhận làm Tri thức Thập Tín, bởi vì Tín không thành tựu phần vị cho nên không phân rõ mười người; bốn phần vị còn lại thành tựu cho nên đều có mười.

Ngay trong phần đầu phân hai: Trước là trình bày về duyên phát khởi của chủ động giáo hóa; sau từ “Nhĩ thời Tôn giả thừa lực...” là trình bày về thành tựu sự việc giáo hóa ấy.

Trong phần trước có ba: Một, Chủ bạn ra khỏi lầu các là trình bày dựa vào gốc (Bốn) khởi lên ngọn (Mạt). Chứng Như lìa niệm gọi là khéo léo an trú, pháp giới nhiều lớp gọi là lầu các, từ Chánh Chứng này khởi lên Diệu Trí sau gọi là từ lầu các đi ra. Đồng hành là quyến thuộc của Trí, bởi vì Văn Thù là biểu thị cho Trí Cát Tường; Bồ-tát là quyến thuộc bên trong, còn lại những Lực sĩ là quyến thuộc bên ngoài. Thập Thiên, tiếng Phạm nói là Đê-bà, Trung Hoa nói là Thiên, cũng nói là Thần, giống như Địa thần-Hà thần... trong Hội thứ nhất trước đây, đều là Thần của pháp môn, như tên gọi dựa theo giải thích. Đây là hiển bày về Nội báo lìa nhiễm. Tiếp có tám vị vua biểu thị cho pháp tự tại, có thể biết. Đây đều là hiển bày về uy đức của Văn Thù mà thôi. Hai, Cùng đi đến trước Phật. Ba, Thiết lễ cung kính rồi từ tạ ra đi, trình bày dựa vào cơ mà cứu giúp.

Trong phần sau là thành tựu sự việc giáo hóa, có ba Hội tức là ba đoạn.

**Đoạn thứ nhất:** Trong Hội đầu nhiếp Tỳ-kheo, có hai: Một, Trình bày về oai nghi của thân thâu nhiếp lợi ích, bởi vì khiến cho căn cơ chín

muối khởi lên mong muốn; Hai, Từ “Nhĩ thời Văn Thù cáo chư...” trở xuống là trình bày về ngũ nghiệp thâm nhiếp lợi ích, bởi vì chính thức trao cho pháp môn.

Trong phần một có bảy: 1) Nhìn thấy duyên thù thắng; 2) Khởi lên ý niệm thù thắng; 3) Thâm nhiếp căn cơ thù thắng; 4) Nêu rõ cảnh giới thù thắng; 5) Đạt được lợi ích thù thắng; 6) Đến nơi của người thù thắng; 7) Được thâm nhiếp thù thắng.

Trong câu một: Thu Tử ở Hội trước đây như mù, vì sao trong này lại nói là được nhìn thấy? Giải thích: Bởi vì ra khỏi Hội này, bởi vì nương theo Phật lực.

Câu hai: Thấy rồi..., là bởi vì căn cơ chín muối cho nên đẩy lên ý niệm thù thắng này.

Câu ba từ “Nhĩ thời...” trở xuống là thâm nhiếp căn cơ thù thắng, trong đó: Một, Tổng quát phân rõ, sáu ngàn Tỳ-kheo là căn cơ đã gặp, từ phòng của mình đi ra là biểu thị cho rời bỏ Niết-bàn của Tiểu thừa, hướng về Văn Thù là biểu thị cho hướng về đạo Nhất thừa. Lại Văn Thù ra khỏi lầu các già từ Đức Phật đi về phía Nam mà làm Hóa chủ, Thu Tử ra khỏi phòng già từ Đức Phật đi về phía Nam thuận theo làm Trợ hóa, dẫn dắt thâm nhiếp sáu ngàn Tỳ-kheo chính là căn cơ đã giáo hóa.

Hỏi: Nếu như vậy thì Thu Tử cũng là Đại Bồ-tát, sao không cùng ở trong lầu các? Đáp: Dựa vào dấu tích là Thanh văn cho nên không ở trong lầu các.

Hai: Từ “Thử lục thiên...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về căn cơ đã gặp, trong đó có ba: 1) Nêu ra số lượng phần vị, cộng hành là hạnh giống như Thu Tử, như trước đây Văn Thù cùng hạnh Bồ-tát, ở đây cũng như vậy. Lại giải thích: Giống như Thu Tử ấy tướng thị hiện Thanh văn, dựa vào đức thật sự là hạnh của Bồ-tát, cho nên nói là Cộng. Người mới xuất gia bởi vì chưa đạt được quả La-hán, tập nhiễm chưa ăn sâu, cho nên rõ ràng dễ dàng xoay chuyển. Lại giải thích: Mới ra khỏi nhà của tâm phân biệt Tiểu thừa, đã tiến vào phần vị Tam thừa, bởi vì Thu Tử là Pháp tướng trong Tam thừa, cho nên dẫn dắt người mới ra khỏi; Văn Thù là Pháp tướng trong Nhất thừa này, phương tiện mà dẫn dắt họ. 2) Từ “Kỳ danh viết...” trở xuống là nêu ra tên gọi, Tỳ-kheo thì tiếng Phạm có ba tên gọi, hoặc nói là Tỷ-hô, hoặc nói là Tất-sô, hoặc nói là Tỷ-kheo; Trung Hoa không có phiên dịch chính xác, phiên ra nghĩa có ba, đó là Bố ma-Phá ác và Khất sĩ, giải thích về tướng có thể biết. 3) Từ “Dĩ tăng...” trở xuống là ca ngợi về đức, trong đó có tám câu: Hai câu đầu trình bày về xưa có nhân Đại thừa, câu ba

từ “Tánh lạc...” trở xuống là hiện tại có niềm tin sâu xa, câu bốn là hiện tại thực hành Đại nguyện, câu năm là quán sát cảnh giới thù thắng của Phật, câu sáu là hiểu rõ Thật tướng của pháp, câu bảy là Đại Bi lợi ích chúng sinh, câu tám là vui thích mong cầu quả Phật. Từ “Thử đẳng giai thị...” trở xuống là kết luận về đức nhờ vào duyên, nghĩa là trình bày về quá khứ đã được Văn Thù thâm nhiếp bảo vệ, vì thế cho nên hôm nay trở lại để cứu giúp.

Câu bốn từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày nêu rõ cảnh giới thù thắng, trong đó có hai: Một, Khuyến khích quán sát về cảnh thuộc Tự phần, có sáu: 1) Khiến cho quán sát Thân quang thù thắng; 2) Quyến thuộc thù thắng; 3) Oai nghi thù thắng; 4) Hành xứ thù thắng; 5) Y quả thù thắng; 6) Cúng dường thù thắng. Hai, Từ “Hải trí...” trở xuống là khuyến khích quán sát về cảnh thuộc Thắng tiến, đó là gia trì thù thắng.

Câu năm từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày về đạt được lợi ích thù thắng, trong đó: Đầu nghe ca ngợi đều hoan hỷ là câu tổng quát; sau là riêng biệt có mười ba câu về lợi ích cho nên hoan hỷ. Trong đó phân năm: 1) Năm câu đầu trình bày về lợi ích lìa chướng; 2) Từ “Hiện kiến...” trở xuống là hai câu về lợi ích phát tâm; 3) Từ “Đãi đắc...” trở xuống là hai câu về lợi ích thành tựu căn khí; 4) Từ “Trưởng dưỡng...” trở xuống là ba câu về lợi ích tăng thêm hạnh; 5) Từ “Tất kiến...” trở xuống là một câu về lợi ích được thấy Phật.

Câu sáu từ “Thời chư Tỳ-kheo...” trở xuống là trình bày đến nơi của người thù thắng, trong đó có hai: Một, Thưa với Tôn giả... là khởi lên mong muốn ưa thích thù thắng; Hai, Đi đến... là bày tỏ về ý đưa ra.

Câu bảy từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là trình bày về được thâm nhiếp thù thắng, trong đó có ba: Một, Voi quay đầu lại nhìn là trình bày về tướng thâm nhiếp tiếp nhận; Hai, Tỳ kheo lễ lạy sát chân là trình bày về tướng chân thành quay về, chấp tay mà đứng là trình bày về tướng đợi chờ nghe thuyết giảng; Ba, Từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là hiển bày về nguyện thù thắng xông ướp trong tâm mới có thể tiếp nhận giáo pháp. Đầu là nguyện nhận biết giáo pháp để đạt được Niết-bàn, sau là nguyện thân tướng như nhau để đạt được Bồ-đề. Trong phần đầu: Như Xá-lợi-phất là dựa theo Thật tướng thuộc Sinh Không, Thích-ca là dựa theo Thật tướng thuộc Pháp Không. Lại giải thích: Như Thích-ca là chỗ dựa của Xá-lợi-phất, đây là nêu ra Xá-lợi-phất mà chọn lấy Thích-ca.

Trên đây là phần một về thân nghi nhiếp hóa của Văn Thù,

xong.

Từ đây trở xuống là trong phần hai về ngữ nghiệp trao cho pháp môn, văn có hai: 1) Trao cho pháp thuộc Tự phần; 2) Từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là trao cho pháp thuộc Thắng tiến.

Trong phần một cũng có hai: Một, Trao cho pháp; Hai, Từ “Bỉ chư Tỳ-kheo...” trở xuống là trình bày về lợi ích.

Trong phần một có ba: a) Nhắc nhở tổng quát nêu ra; b) Từ “Hà đẳng...” trở xuống là riêng biệt nêu rõ về hành pháp; c) Từ “Nhược thiện nam tử...” trở xuống là nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập.

Trong phần b là riêng biệt có mười môn để hiển bày về vô tận, thâm nhiếp làm năm cặp: Hai môn đầu làm một cặp, đó là Đại tâm kính Phật. Hai môn tiếp làm một cặp, đó là cầu pháp tu hành. Hai môn tiếp làm một cặp, đó là dựa vào Định khởi lên Dụng, Dụng tức là Đại Bi phương tiện, tùy theo quả báo thọ sinh không mất đi Chánh niệm, có thể ở trong sinh tử lâu dài mà thâm nhiếp chúng sinh, đây tức là trái với hàng Nhị thừa thấy sinh tử mà sợ hãi. Hai môn tiếp làm một cặp, đó là trang nghiêm quốc độ thâm nhiếp chúng sinh. Hai môn sau cuối làm một cặp, đó là Tự hành-Hóa tha. Lại giải thích: Tám môn trước thuộc Tự phần, hai môn sau thuộc Thắng tiến, có thể biết.

Trong phần c là nêu ra lợi ích khuyến khích tu tập, nêu ra mười loại lợi ích để khuyến khích tu học: 1) Lợi ích về sinh thiện; 2) Lợi ích về lìa nhiễm; 3) Lợi ích về vượt ra-cùng vượt ra Tiểu thừa; 4) Lợi ích về sinh trong nhà Như Lai cùng tiến vào Đại thừa; 5) Lợi ích về đầy đủ những Đại nguyện; 6) Lợi ích về thực hành hạnh Bồ-tát thành tựu hạnh; 7) Lợi ích về trú vào phần vị; 8) Lợi ích về thành tựu quả; 9) Lợi ích về làm cho ma phải khuất phục; 10) Lợi ích về chế phục ngoại đạo.

Trong phần hai từ “Bỉ chư...” trở xuống là chính thức trình bày về nghe pháp được lợi ích, có hai: a) Trình bày về lợi ích nghe pháp đạt được Định; b) Từ “Đắc thử...” trở xuống là trình bày về lợi ích nhờ vào Định mà thành tựu hạnh.

Trong phần a cũng có hai: Trước là trình bày về Thể của Định đã đạt được, nghĩa là đã nhìn thấy thấu suốt quá khứ cho nên nói là Vô ngại, có thể nhìn thấy lìa xa màng che cho nên nói là ánh mắt trong sáng. Sau là trình bày về nghiệp dụng cũng có hai: Đầu là nhìn thấy hiện tại Vô ngại, sau từ “Hựu năng...” trở xuống là nhìn thấy quá khứ-vị lai Vô ngại. Trong phần đầu: 1) Nhìn thấy Chánh giác và Chúng sinh; 2) Nhìn thấy Khí thế gian, đó là đã nhìn thấy cảnh giới rộng lớn vô biên cho nên nói là cảnh thuộc về mười Nhãn của Như Lai; 3) Nghe chư Phật

thuyết giảng về những điều đã nhìn thấy trước đây; 4) Dùng Tha tâm thông... để nhận biết về Căn-Dục của chúng sinh đã nhìn thấy trước đây; 5) Dùng Sinh tử trí thông để nhận biết về nơi thọ sinh của họ. Trong phần sau là nhận biết về quá khứ-vị lai có tám phần vị đều nói là mười, bởi vì thuận theo số tròn để hiển bày về Vô tận.

Trong phần b là trình bày về nhờ đạt được Định này khiến cho hạnh thành tựu: Câu đầu nêu ra tâm đã đạt được, đầy đủ mười là rộng lớn không có giới hạn, thật tế là sâu thẳm không có đáy; Hai, Định thuộc chủ-bạn; Ba, Giới thuộc chủ-bạn; Bốn, Trí thuộc chủ-bạn; Năm, Thập Minh là Dụng thuộc Trí, nói như phẩm Thập Minh. Đây là Viên giáo thâm nhiếp căn cơ lập tức thành tựu lợi ích to lớn, bắt đầu thành lập Đại tâm mới đạt được Dụng của Thập Minh sau Thập Địa, dùng trước thâm nhiếp sau, nói như phẩm Phát Tâm Công Đức và phẩm Tiểu Tướng... trước đây, trong giáo khác thì không có sự việc này.

Trong phần hai là Thắng tiến cũng có hai: Trước là dạy dỗ khuyến khích, sau là đạt được lợi ích. Bất tử và Thông minh, Đại Bi làm nhân vốn là lìa xa nghiệp ràng buộc. Lại giải thích: Vốn là lìa xa Phần đoạn. Lại giải thích: Tác dụng của Thông minh vốn không hề dừng nghỉ. Không rời khỏi nơi này... có hai: Một, Không lay động nhân này mà sinh ra quả, cho nên nói là sinh trong nhà Như Lai...; Hai, Không rời khỏi một nơi mà có thể sinh ra thân Phật đầy khắp thế giới mười phương. Đây là lực của Bất tử và Thông minh. Đây đủ tất cả pháp của Phật, là trình bày về pháp thành tựu của quả đức.

Trên đây trình bày về một Hội thâm nhiếp Tỳ-kheo khiến cho tiến vào pháp giới, xong.

Trong này trình bày về nghĩa hồi tâm của Nhị thừa, sơ lược đưa ra ba môn: 1) Trình bày về hồi tâm thuộc có-không; 2) Trình bày về hồi tâm thuộc phần vị của thân; 3) Phân rõ về hồi tâm đến đạt được v.v...

Từ đây trở xuống là đoạn thứ hai trong Hội thâm nhiếp Long Vương tiến vào pháp giới, có bốn: Một, Kết thúc phần trước phát khởi phần sau; Hai, Phân rõ về nơi thuyết pháp; Ba, Phân rõ về pháp đã thuyết; bốn-Lợi ích đã đạt được.

Trong phần phân rõ về nơi chốn, Pháp sư Biện Giải thích rằng: “Giác Thành là Bốn giác, phía Đông là Thủ giác, Đại tháp miếu là Thủ giác hiểu rõ Bốn giác, tức là thuyết giảng ở nơi này. Soi chiếu tất cả pháp giới, tức là ở nơi Thủ giác hiểu rõ Bốn giác, hiểu rõ về tâm không có bắt đầu, bởi vì từ xưa đến nay soi chiếu khắp nơi pháp giới.”

**Lại Tam tạng Nhật Chiếu nói:** “Tòa thành này ở Nam Thiên Trúc,

Đại tháp ở phía Đông tòa thành là tháp thờ Cổ Phật, lúc Đức Phật tại thế đã có tòa tháp này.”

Tam tạng đích thân đến nơi ấy, tòa tháp ấy rất lớn, phía Đông trời nhạc cúng dường mà phía Tây không nghe, đến nay vẫn còn. Tất cả mọi người ở đây đều ca bài ca về Thiện Tài. Người ở trong tòa thành này đều có thiện căn thuộc phần giải thoát, có thể làm căn khí của tu đạo. Người có phần Giác ngộ ở trong tòa thành này, cho nên nói là Giác Thành. Đây là tòa thành của người Giác ngộ cho nên gọi là Giác Thành.

Lại trong văn giải thích đã nói là nơi qua lại dừng nghỉ của chư Phật quá khứ; Phật đã gọi là Giác, cho nên biết cũng là tòa thành của người Giác ngộ.

Lại dựa theo văn sau giải thích: Thành-núi-xứ sở... vốn có danh nghĩa đều là biểu thị cho pháp môn. Đó là: Giác thì biểu thị đối với sinh tử vốn có giác ngộ rõ ràng; Thành là ngăn ngừa nạn thù địch bên ngoài, giữ gìn đức bên trong, tức là Dụng của Giác; phía Đông là mở đầu của sự sáng suốt, biểu thị cho bắt đầu của sự phát khởi giác ngộ, chọn lấy Giác của phần vị cuối cùng mà nói; Tháp miếu là hiển bày về đức của Giác này vốn là nơi của tông chỉ quay về. Nếu trong Giáo khác thì dựa vào nơi chốn để biểu thị cho pháp, chứ không phải nơi chốn tức là pháp; trong Viên giáo này thì nơi chốn đã dựa vào tức là pháp đã biểu thị, nghĩa của tên gọi tức là nghĩa của sự việc, suy nghĩ dựa theo đó. Ý nơi văn sau đều giống như ở đây phân rõ.

Phần ba là pháp đã thuyết, kinh từ pháp đã giải thích mà thiết lập tên gọi, nghĩa là Dụng của Trí mở ra rộng lớn gọi là Phổ chiếu, đã soi chiếu sâu rộng gọi là Pháp giới, tức là kinh tiến vào pháp giới, đầy đủ chủ-bạn là pháp môn Viên giáo.

Trong phần bốn là đạt được lợi ích: Đầu là thân rời bỏ pháp ác, sau là tâm vững vàng thù thắng. Đây cũng giống như Tỳ-kheo trú vào phần vị tâm Bồ-đề của Phổ Hiền không thối chuyển trước đây. Hội thứ hai, xong.

Từ đây trở xuống là đoạn thứ ba trong Hội đầu nhiếp Thiện Tài. Nay phân rõ tất cả không giống như tướng riêng biệt ở văn sau, sơ lược đưa ra mười môn: 1) Trình bày đi đến mong cầu sai biệt; 2) Tu tập tiến vào chúng sai biệt; 3) Nêu rõ phương hướng sai biệt; 4) Nêu rõ nơi chốn sai biệt; 5) Chỉ dạy thưa hỏi sai biệt; 6) Khen ngợi và không khen ngợi sai biệt; 7) Mở rộng và không mở rộng sai biệt; 8) Kết luận và không kết luận sai biệt; 9) Rời xa và không rời xa sai biệt; 10) Giải thích văn.



Trong phần một có ba câu: Một, Văn Thù tự mình đi đến thành Giác, bởi vì căn cơ chúng sinh ban đầu còn yếu kém mà chưa phát tâm, cho nên đi đến nơi ấy mới thâm nhiếp. Hai, Từ Công Đức Vân trở đi có Thiện Tài hướng về mong cầu, hiển bày về phần vị thành tựu; căn cơ dần dần thù thắng, đã phát tâm mà Tri thức không đến, hiển bày về pháp tôn trọng-người tôn quý. Ba, Cuối cùng trong Phổ Hiền, Tri thức không đến, Thiện Tài không hướng về, trình bày về phần vị pháp giới đầy đủ vốn không có đến-đi.

Phần hai, Tu tập tiến vào chúng sai biệt, trong đó chỉ trong phần vị thứ nhất có ba Hội-bốn Chúng, bởi vì là bắt đầu tu tập; phần vị còn lại chỉ có một mình Thiện Tài, bởi vì hành riêng biệt quyết định bởi con người.

Phần ba, Nêu rõ phương hướng sai biệt, tất cả phần vị có ba: Một, Tri thức Địa tiền phần nhiều ở phương Nam, Tri thức Địa nội không có phương hướng, Tri thức Địa hậu cũng có người ở phương Nam. Phương Nam có bốn nghĩa: Một là nghĩa thuộc chính xác, như nói đến Chỉ Nam..., biểu thị cho nơi hướng về không sai lạc. Hai là nghĩa thuộc rời bỏ tối tăm hướng đến sáng suốt, biểu thị cho rời bỏ chướng ngại hướng đến lý. Ba là nghĩa thuộc lìa xa tăng giảm, như mặt trời mọc ở phương Đông lặn ở phương Tây là tướng tăng giảm, phương Nam lìa xa hai phía biểu thị cho pháp giới Trung đạo. Bốn là nghĩa thuộc sinh ra, phương Nam chủ yếu là Dương, là nghĩa thuộc sinh ra; phương Bắc chủ yếu là Âm, là nghĩa thuộc diệt đi. Đây là biểu thị cho nhân hạnh của Thiện Tài từ từ tăng lên vốn hiển bày về nghĩa thuộc sinh ra, Như Lai nhập Niết-bàn mà quan tài bằng vàng ròng xoay đầu về phía Bắc biểu thị cho nghĩa thuộc diệt đi. Ở trong bốn nghĩa này, hai nghĩa trước-một nghĩa sau là biểu thị cho Địa tiền, nghĩa thứ ba lìa xa tăng giảm là biểu thị cho Địa hậu, bởi vì Chánh Chứng trong Địa lìa xa tướng cho nên không thể biểu thị về phương Nam, Địa hậu hiển bày về nghiệp dụng không giống như Địa nội. Hai, Văn Thù có nêu rõ mà không có phương hướng, biểu thị cho Bát-nhã có gia hạnh mà Chứng không hai. Ba, Phổ Hiền không có nêu rõ cũng không có phương hướng, vốn biểu thị cho đức của pháp giới tròn vẹn rộng khắp mọi nơi.

Phần bốn, Nêu rõ nơi chốn sai biệt, có bốn câu: Một, Tam Hiền chưa chứng phân tán ra ở các nơi; Hai, Địa thượng chứng Chân sinh vào nhà của Phật, cho nên phần nhiều ở trong chúng của Phật...; Ba, Địa hậu khởi Dụng cũng phân tán ra tùy theo duyên; Bốn, Phổ Hiền biểu thị cho nhân tròn vẹn dẫn đến quả, cũng ở nơi Phật.

Trong phần năm, Chỉ dạy thừa hỏi sai biệt, có hai: Hai phần vị đầu và sau không có chỉ dạy thừa hỏi mà tự mình hưởng đến. Đầu là Văn Thù tự mình đi đến cho nên không có người chỉ dạy, sau là Phổ Hiền có khắp mọi nơi cho nên mở mắt tự mình nhìn thấy lại đến. Sau Văn Thù thành tựu trí Bát-nhã tự mình nhìn thấy pháp giới, cho nên không đợi chỉ dạy. Phần vị khác không có hai nghĩa này, cho nên đều có chỉ dạy thừa hỏi. Lại nếu không chỉ dạy thừa hỏi, thì các Tri thức chỉ đắm theo mình, sao thành tựu Tự hành? Lại chỉ nói biết một, nếu không chỉ dạy mong cầu nơi khác, thì sao thành tựu lợi ích đầy đủ trọn vẹn? Lại nếu không chỉ dạy, thì lẽ nào khiến cho một phần vị không tiến lên hưởng về sau hay sao?

Trong phần sáu, Khen ngợi và không khen ngợi sai biệt, có ba: Đầu là Văn Thù cũng khen ngợi cũng không khen ngợi, nghĩa là Thiệt Tài chưa phát tâm, chỉ khuyến khích khiến cho phát tâm mà không khen ngợi, sau khuyến khích khiến cho phát tâm rồi mới khen ngợi. Tri thức ở phần giữa đều có khen ngợi, bởi vì phát khởi tu tập tiến lên, có vị không khen ngợi là thuận theo lược qua. Sau Văn Thù-Phổ Hiền không khen ngợi bởi vì phần vị thành tựu đầy đủ.

Trong phần bảy, Mở rộng và không mở rộng sai biệt, có hai: Các vị Tri thức đều có kết luận về Tự phần, nhờ vào mở rộng về Thắng tiến chỉ có một phần vị bắt đầu. Ba phần vị sau không có kết luận-không có mở rộng bởi vì hiển bày về người tôn quý-đức đầy đủ. Nếu như vậy thì vì sao có chỉ dạy? Đó là biểu thị khiến cho phần vị tăng lên, hiển bày về pháp giới sai khác. Phần vị khác có kết luận-có mở rộng, bởi vì nhân hạnh chưa tròn vẹn. Nếu như vậy thì Phổ Hiền... vì sao không mở rộng về Phật? Bởi vì không phải nhân vị của Thiệt hữu thâm nhiếp.

Trong phần tám, Kết luận và không kết luận sai biệt: Các văn trước đều không có kết luận nối thông, bởi vì hành chưa cứu cánh; chỉ sau Phổ Hiền có kết luận nối thông mười phương giống như trần sát, bởi vì có khắp mọi nơi, bởi vì hành đầy đủ, bởi vì sự cứu cánh.

Trong phần chín, Rời xa và không rời xa sai biệt: Chỉ có hai phần vị cuối cùng không có từ tạ ra đi, Văn Thù bởi vì lìa xa tướng cho nên không có rời xa, Phổ Hiền bởi vì đức đầy đủ cho nên không có rời xa, phần vị khác không phải như vậy cho nên đều có từ tạ ra đi. Nếu không từ tạ ra đi thì giữ chắc ở một vị Thầy, sao có thể đi khắp nơi mong cầu Tri thức về pháp giới, sao thành tựu về hạnh tiến lên trên cao?

Trong phần mười, Giải thích văn: Ngay trong Hội thâm nhiếp Thiệt Tài ở Giác Thành khiến cho thành tựu về hạnh Thập Tín, văn

riêng biệt có bốn: Một, Trình bày về chúng quy tụ hiển bày căn cơ đã gặp; Hai, Trình bày về quán sát căn cơ phân rõ trao cho phương tiện thuyết giảng; Ba, Chính thức thuyết giảng về pháp đã trao cho; Bốn, Dẫn dắt phát khởi hạnh thuộc Thắng tiến.

Trong phần một có hai: 1) Tổng quát nêu ra; 2) Từ “Thời hữu...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong phần hai là riêng biệt hiển bày: Bốn chúng Ưu-bà-tắc, xưa phiên ra gọi là Thiện Túc Nam, nay dịch ra gọi là Cận Sự Nam, nghĩa là gần gũi Tỳ-kheo mà tiếp nhận công việc, phái nữ cũng giống như vậy. Lại Tu-đạt-đa, Trung Hoa gọi là Thiện Thí; Bà-tu-đạt-đa, Trung Hoa gọi là Tài Thí; Bạt-đà-la, Trung Hoa gọi là Hiền; những tên gọi còn lại dựa theo giải thích có thể biết.

Trong phần hai từ “Văn Thù tri Giác Thành nhân...” trở xuống là trình bày về quán sát căn cơ phân rõ trao cho phương tiện thuyết giảng, có hai: 1) Tổng quát nêu rõ về ý thuyết giảng, có thể biết; 2) Từ “Quán sát...” trở xuống là riêng biệt quán sát Thiện Tài.

Trong phần hai cũng có hai: a) Quán sát về sự việc thù thắng trong đời hiện tại của Thiện Tài; b) Từ “Thử Đồng tử giả...” trở xuống là quán sát về đức hạnh thuộc nhân đời trước của Thiện Tài.

Trong phần a có ba: Một, Tổng quát nêu ra; Hai, Riêng biệt hiển bày; Ba, Từ “Thiện minh tướng Sư...” trở xuống là tổng quát kết luận.

Trong phần hai là riêng biệt hiển bày: Nhờ vào phước báo này mà khởi lên tướng tài vật quý báu, lập thành tên gọi Thiện Tài, tức Thiện là nhân-Tài là quả. Lại có được tài vật này thuận với đạo, cho nên nói là Thiện Tài. Lại lúc sinh có vật báu hiện rõ là Tài, sau khen ngợi về đức của hạnh ấy là Thiện, cũng như Thiện Hiện-Không Sinh... Lại trong Trí Luận giải thích về tên gọi Thường Đề..., dựa theo đây có thể biết.

Trong phần b là khen ngợi về đức hạnh của Thiện Tài, có mười câu làm năm cặp: Một, Đã từng cúng dường Đức Phật gieo trồng thiện căn, trình bày về Thiện Tài này đã từng vốn có gieo trồng thiện căn thuộc phần giải thoát; Hai, Vui với thanh tịnh gần gũi thiện hữu; Ba, Ba nghiệp thanh tịnh tu tập; Bốn, Mong cầu tu tập về pháp của quả; năm, Tâm thanh tịnh có đủ hạnh. Bởi vì tâm không có ý niệm gì khác cho nên thanh tịnh như hư không, lại bởi vì không có những phiền não hiện hành.

Hỏi: Thiện Tài này là Bồ-tát ở phần vị nào?

Đáp: Kinh không có quyết định chính xác, tướng của phần vị khó trình bày. Hoặc có nơi phân định là Bồ-tát Địa thượng, nếu như sau phát

tâm thì chính là hai phần vị sau trong bốn loại phát tâm, lại là Chứng phát tâm trong ba loại phát tâm trong luận. Hoặc có nơi nói là Thật báo phàm phu, nhưng có Tín tâm có thể mong cầu Thiện hữu. Nay lại dựa theo giải thích, phù hợp với người thực hành trong phần vị Thiện thú. Dựa vào tông chỉ của Viên giáo thì có ba phần vị: 1) Phần vị Kiến văn, tức là Thiện Tài tiếp theo thân đời trước, thấy nghe như pháp Phổ Hiền này, mà thành tựu thiện căn thuộc phần giải thoát ấy, như trong phần khen ngợi về đức đã phân rõ. 2) Phần vị Giải hạnh, là lập tức tu tập như pháp hành của năm phần vị này, như Thiện Tài ở đời này đã thành tựu đến phần vị Phổ Hiền. 3) Phần vị Chứng nhập, tức là nhân vị đến cuối cùng tiềm ẩn giống như quả hải, là đời sau của Thiện Tài. Nếu như vậy thì Thiện Tài quyết định là phần vị nào? Nói là phần vị nào, bởi vì ở Tín là phần vị Tín, ở Trú là phần vị Trú. Một thân trải qua năm phần vị, hễ ở nơi nào thì thuộc về phần vị ấy, bởi vì có khắp tất cả như phần vị Phổ Hiền. Nghĩa còn lại dựa theo tông chỉ suy nghĩ để giải thích.

Trong phần ba từ “Văn Thù như tượng hồi...” trở xuống là trình bày chính thức thuyết giảng về pháp đã trao cho, có hai: 1) Trình bày về thâm nhiếp căn cơ nhận lời thuyết giảng, thâm và đầu cùng quay lại giống như voi chúa là hiện rõ tướng thâm nhiếp tiếp nhận của thân, quán sát tự nhìn là trình bày về tướng thâm nhiếp tiếp nhận của ý, nói cho biết mà nhận lời thuyết giảng là trình bày về tướng thâm nhiếp tiếp nhận của ngữ. 2) Từ “Tắc vi...” trở xuống là chính thức nói về những pháp đã thuyết giảng, thuyết giảng về pháp của quả Phật, bởi vì khiến cho thành tựu về Tín, bởi vì khiến cho phát tâm mong cầu quả này. Trong đó có tám câu: Một câu đầu là tổng quát, bảy câu sau là riêng biệt. Trong riêng biệt: Ba câu đầu là đức của Diệu Dụng thâm nhiếp chúng sinh, một là trình bày vì căn cơ mà xuất thế, hai là phát ra ánh sáng quy tụ chúng, ba là chính thức thuyết giảng về pháp đã thuyết. Bốn câu sau là trình bày về đức của Thể-Tướng trọn vẹn đầy đủ, trong đó hai câu trước-hai câu sau, đều là trước Tướng-sau Thể, có thể biết.

Phần bốn từ “Nhĩ thời Văn Thù...” trở xuống là trình bày về dẫn dắt thành tựu về hạnh thuộc Thắng tiến, trong đó có ba: 1) Văn Thù đi về phương Nam để dẫn dắt phát khởi; 2) Thiện Tài đi theo cầu mong cứu giúp; 3) Văn Thù như quay lại thâm nhiếp tiếp nhận.

Trong phần một: Đầu là kết thúc phần trước; sau đi về phương Nam là sinh khởi phần sau. Trong phần đầu: Khiến cho thành tựu tâm Bồ-đề của phần vị Tín, cho nên nói là hoan hỷ... Hiện bày rõ ràng về thiện căn quá khứ, là khiến cho thiện căn đã tu ở quá khứ, nhờ vào tâm

Bồ-đề này mà lại được tăng trưởng, khiến cho không mất đi, cho nên nói là hiển bày rõ ràng. Không rời khỏi chỗ ngồi của mình, là trình bày về không rời khỏi Giác Thành mà đi khắp nơi, giống như trước đây không rời khỏi cội cây Bồ-đề mà đến sáu tầng trời cõi Dục..., như trước đây đã giải thích. Nếu như vậy thì Đồng tử cũng như Văn Thù, không đi mà đến khắp các phần vị.

Trong phần hai, Thiện Tài đi theo cầu mong cứu giúp, có hai: a) Người kết tập kinh thuật lại sự việc; b) Thiện Tài nói kệ cầu mong cứu giúp.

Trong phần b, Thiện Tài nói kệ, có ba mươi bốn tụng phân hai: Đầu là bốn tụng về thương cho mình mê muội chìm đắm không thể nào tự vượt ra; sau là ba mươi tụng ca ngợi về đức của Văn Thù để thỉnh cầu cứu giúp.

Trong phần đầu, tất cả bốn tụng đều có đủ ba loại riêng biệt là phiền não-nghiệp và khổ, phân ba: Hai tụng đầu là khởi lên phiền não, một tụng tiếp là tạo nghiệp, một tụng sau là do khổ mà lưu chuyển. Trong hai tụng đầu: Ba cõi... là nơi khởi lên phiền não, si ám... là nhân khởi lên phiền não, ác ma... là duyên khởi lên phiền não, ba độc... là đích thực khởi lên phiền não. Ngay trong một tụng về tạo nghiệp: Hai câu đầu là mất đi Chánh hạnh, hai câu sau là trở thành Tà hạnh. Ngay trong một tụng về khổ báo: Bùn xỉ... là nêu ra nhân của ngạ quỷ, sau là kết luận về thành tựu quả báo khổ đau, có thể biết.

Ngay trong phần sau là ba mươi tụng, cũng có hai: Chín tụng đầu là ca ngợi về đức của Văn Thù cầu mong cứu giúp tai ách, mong mỗi lìa xa nỗi khổ của sinh tử; hai mươi một tụng sau là ca ngợi về đức cầu mong trao cho pháp ấy, mong mỗi thành tựu hạnh đạt được quả. Lại trước là mong mỗi lìa xa nỗi khổ của phàm địa, sau là mong mỗi lìa xa niềm vui của Nhị thừa. Lại trước là mong mỗi đạt được Niết-bàn, sau là mong mỗi đạt được Bồ-đề.

Trong phần đầu là chín tụng ca ngợi về chín loại công đức của Văn Thù: 1) Đức thuộc Bi Trí; 2) Đức thuộc Từ Tuệ; 3) Đức thuộc Pháp hóa; 4) Đức thuộc Nguyên mãn; 5) Đức thuộc Cứu khổ; 6) Đức thuộc Tự tại; 7) Đức thuộc Lực dụng; 8) Đức thuộc Thiện tịnh; 9) Đức thuộc Tịnh nhãn. Lại tám tụng trước và một tụng sau, đều có ba câu đầu ca ngợi về đức, một câu sau là cầu mong cứu giúp.

Trong phần sau từ “Viễn ly...” trở xuống là hai mươi một tụng về cầu mong pháp Bồ-đề, phân bốn: Đầu là hai tụng cầu mong chỉ bày về pháp của quả khiến cho nhận biết Bồ-đề đã mong cầu; tiếp là một tụng

cầu mong được thấy chư Phật ba đời làm duyên thành tựu hạnh Bồ-đề; tiếp là mười bảy tụng chính thức cầu mong về nhân hạnh có thể đạt được Bồ-đề, vì thế cho nên đều nói là Thừa, hoặc nói là Đạo; sau cuối là một tụng kết thúc thừa thỉnh.

Ngay trong mười bảy tụng về nhân hạnh, phân bốn: Đầu là năm tụng ca ngợi về đức Bi-Trí-Định thâm nhiếp; tiếp là ba tụng ca ngợi về đức mười Độ hạnh tròn vẹn; tiếp là bốn tụng ca ngợi về đức Tự lợi-Lợi tha diệt trừ chướng ngại; sau là năm tụng ca ngợi về đức Tùy theo sự việc thâm nhiếp chúng sinh.

Trong phần ba, Văn Thù như quay lại thâm nhiếp tiếp nhận, phân năm: a) Quay lại nhìn khen ngợi tốt lành là trình bày về tướng tiếp nhận; b) Từ “Thị cố thiện nam tử...” trở xuống là khuyên dạy gần gũi Thiện hữu thưa hỏi về hạnh Bồ-tát; c) Thuyết kệ khen ngợi về đức khiến cho hoan hỷ tu tập; d) Chỉ ra phần vị sau khiến cho hướng về tiến vào; e) Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là vui mừng nghe rồi từ tạ rút lui, vâng theo lời dạy hướng về mong cầu.

Ngay trong phần b là khuyên dạy gần gũi Thiện hữu thưa hỏi về hạnh: Một, Khuyên dạy gần gũi Thiện hữu; Hai, Khuyên dạy thưa hỏi về hạnh. Trong đó có mười câu, đầu là một câu tổng quát, sau là chín câu riêng biệt.

Trong riêng biệt: 1) Hỏi về pháp bắt đầu tu hạnh; 2) Hỏi về pháp của hạnh thành tựu đầy đủ; 3) Hỏi về pháp thanh tịnh đối trị của hạnh; 4) Hỏi về pháp thanh tịnh đã thành tựu trọn vẹn; 5) Hỏi về pháp thuận theo hạnh sinh ra hạnh; 6) Hỏi về đạo nghĩ đến hạnh đã duy trì; 7) Hỏi về đạo duyên với cảnh giới sai biệt ấy; 8) Hỏi về dụng tăng trưởng của pháp; 9) Hỏi về thâm nhiếp thành tựu hạnh Phổ Hiền, cũng là thâm nhiếp riêng biệt thành tựu tất cả các hạnh. Chín loại trên đây đều dựa vào trước phát khởi sau, có thể biết.

Trong phần c là kệ tụng, có mười tụng phân hai: Đầu là một tụng khen ngợi Thiện Tài đã thành tựu hạnh khiến cho hoan hỷ; sau là chín tụng ca ngợi hạnh Phổ Hiền khiến cho tu tập. Trong đó: Đầu là một tụng khuyên dạy phát khởi Đại nguyện làm căn bản của hạnh. Tiếp là hai tụng nêu ra hạnh Phổ Hiền: 1) Nêu ra hạnh; 2) Khuyên khích mong cầu. Sau là sáu tụng phân rõ về hạnh Phổ Hiền khiến cho tu tập: 1) Hạnh nghe nhiều giáo pháp; 2) Hạnh thấy nhiều Đức Phật; 3) Hạnh thuận theo Giáo tu tập; 4) Hạnh về tất cả mọi nơi; 5) Hạnh về tất cả mọi lúc; 6) Hạnh thành tựu lợi ích to lớn, nghĩa là có chúng sinh nghe đến danh hiệu Phổ Hiền ấy thì cũng thành tựu hạnh ấy đạt

được Đại Bồ-đề.

Trên đây trình bày về phần vị Tín thành tựu đầy đủ, xong.

Ngay trong phần d là chỉ ra phần vị sau và phần e là vui mừng nghe rồi từ tạ rút lui, vẫn hai đoạn này nếu dựa theo phạm vi của Hội thì thuộc về Hội trước, bởi vì vốn là Thiện hữu ở phần vị trước thuyết giảng; nếu dựa theo phạm vi của Pháp thì thuộc về phần vị sau, bởi vì vốn là phương tiện của phần vị sau. Nay phân rõ tất cả các Thiện tri thức ở văn sau, tóm lược đưa ra bốn môn: Một, Trình bày về ý mong cầu Thiện hữu; Hai, Hiển bày về nghĩa của Thiện tri thức; Ba, Phân tích đoạn văn; Bốn, Mất hẳn nguyên văn.

Trong phần một: Vì sao Văn Thù không lập tức giảng giải tất cả những điều ấy cho Thiện Tài, mà khiến cho Thiện Tài phải trải qua rất nhiều nơi để cầu tìm Thiện hữu? Giải thích rằng ý quả là nhiều cách, sơ lược nói theo tám loại:

1) Bởi vì quỹ phạm: Nghĩa là các Bồ-tát đối với Thánh pháp của Phật luôn luôn tu tập hai hạnh, đó là Cầu pháp và Thuyết pháp. Kinh nói: “Rõ ràng các Bồ-tát cầu pháp không lười nhác, thuyết pháp không có gì luyến tiếc.” Trong này hiển bày về hai hạnh này chỉ rõ cho các chúng sinh, vì vậy Thiện Tài trở thành quy phạm tuyệt vời của Cầu pháp, Thiện hữu hiện rõ về quy phạm tốt đẹp của Thuyết pháp, khiến cho các chúng sinh dựa theo quy phạm này mà thành tựu về hạnh, tức là đóa hoa Phật thường nở rộ, khắp nơi luôn luôn được trang nghiêm.

2) Bởi vì duyên thù thắng của hạnh: Nghĩa là quan trọng để thành tựu hạnh, thì tất cả đều lấy bạn hiền làm đầu. Như A-nan nói: Thiện tri thức là một nửa của Phạm hạnh. Đức Phật nói: Không phải như vậy, Thiện tri thức là hoàn toàn Phạm hạnh. Kinh nói: “Nếu vua A-xà-thế không làm theo lời nói của Kỳ-bà, thì ngày mồng bảy tháng sau chắc chắn rơi vào địa ngục, vì thế cho nên Ta nói tương lai đạt được đạo không có gì bằng Thiện hữu.” Lại như Trí Luận nói: “Ca-chiên-diên khiến cho phải vào địa ngục, mà đệ tử đạt được Thánh quả...” Lại trong kinh nói: “Thiện tri thức là Đại nhân duyên, có thể khiến cho các ông sẽ được gặp Phật.” Lại văn sau nói: Thiện tri thức là pháp đặc biệt hiếm có... Bởi vì tác dụng quan trọng này, cho nên Thiện Tài mong cầu không hề thỏa mãn.

3) Bởi vì phá bỏ kiến chấp kiêu mạn: Để cho Bồ-tát mới học như Thiện Tài... phá bỏ kiêu mạn và kiến chấp của mình. Khiến cho mong cầu pháp, không chọn lựa nam nữ lớn nhỏ, sang hèn đạo tục, tôn quý hèn mọn, trời thần ngoại đạo, chỉ nhún mình chịu nhục, cốt phải đạt

được pháp. Kinh nói: “Người có hiểu biết về pháp, hoặc già hay trẻ đều nên cung kính, giống như chư Thiên tôn thờ kính trọng Đấng Thích.”

4) Bởi vì lìa Ma vi tế: Nếu chấp theo người giữ lấy một, không tiến thẳng về sau thì hạnh không tăng thêm, cũng chính là trở thành lỗi của chấp trước. Trong mười loại Ma ở phẩm Ly Thế Gian có Ma thuộc về Thiện tri thức, bởi vì đối với Thiện tri thức ấy sinh tâm đắm trước, do đó lìa xa đắm trước mà tiếp tục tiến lên tu tập.

5) Bởi vì nhờ vào thành tựu hạnh. Hỏi: Thiện Tài này đạt được một pháp môn đủ để thành tựu tu tập thực hành, sao không tu tập mà lại trải qua khắp nơi không hề thỏa mãn? Đáp: Chính điều này là mở rộng mong cầu thành tựu về hạnh Thiện hữu và hạnh Cầu pháp là việc làm của Bồ-tát, cho dù không đạt được pháp mà điều này đã thành tựu hạnh, huống là đều đạt được pháp chưa từng đạt được ấy, Tuệ nhãn sáng suốt nhìn thấy pháp giới chân thật hay sao? Như trong kinh Hoa Thủ nói: “Cầu pháp trải qua ngàn năm mà không được nghe, nhờ vào điều này xả mạng sinh về cõi Phật...” Đây chính là pháp đã đạt được của người ấy, nghĩa là vốn đạt được pháp thực hành.

Hỏi: Sao không quán về Không để tiến vào lý, mà lại tùy theo sự việc ồn ào náo loạn, lẽ nào thành tựu hạnh rất sâu xa của Bồ-tát hay sao?

Đáp: Chính điều này là tùy theo sự việc mà thường thấy rõ lý, vì vậy đi lại khắp nơi mà chưa hề có rời xa.

Hỏi: Nếu chưa hề có rời xa nhưng có đi lại khắp nơi, thì sao không thể chưa hề có rời xa mà không rời xa?

Đáp: Cũng tương tự, bởi vì rời xa và không rời xa vốn không có hai tướng. Nếu như vậy thì sao không thể ngồi mà có rời xa nơi khác? Rời xa và ngồi cũng tương tự, bởi vì đều là vô tánh.

6) Bởi vì dựa vào phần vị hiện tại: Nghĩa là mở rộng nhờ vào Thiện hữu để hiển bày về tướng sai biệt của năm phần vị như Tín... Nơi vẫn có thể thấy.

Hỏi: Vì sao Thiện Tài không hướng về nơi Phật để cầu pháp?

Đáp: Bởi vì biểu thị cho nhân hạnh chưa tròn vẹn, vốn chưa đến Phật, cho nên không đến nơi Phật.

7) Bởi vì hiển bày về sâu rộng: Nghĩa là biểu thị hiển bày về pháp của Phật vốn rộng lớn vô biên, các vị Tri thức tuy có phần vị cao nhất là Pháp Vân, mà hãy còn nói là tôi chỉ biết một pháp môn này. Lẽ nào có thể biết rõ ràng về vô lượng hành tướng của các Đại Bồ-tát hay sao? Biểu thị hiển bày về pháp của Phật vốn sâu thẳm không có đáy, Thiện



Tài tuy là phần vị đến Đẳng Địa, mà hãy còn nói nhưng mà con chưa biết thế nào là hạnh của Bồ-tát, đạo của Bồ-tát.. Huống hồ ngày nay phàm phu ít thiện căn mà có đủ phiền não, có một chút hiểu biết liền tự cho rằng mình hiểu biết tất cả Phật pháp, khởi lên kiêu mạn tự đề cao mình mà lấn hiếp coi khinh người khác hay sao? Có người không hiểu biết thì đoán định kinh luận theo chủ quan, tự làm hại mình mà còn làm hại cho người, sao quá xót thương!

8) Bởi vì hiển bày về duyên khởi: Thiện Tài và Thiện hữu cùng trở thành một duyên khởi, bởi vì chủ động tiến vào và thụ động tiến vào vốn không hai tướng. Vì vậy không có Thiện Tài ở ngoài Thiện hữu, vốn làm sáng tỏ một tức là tất cả, trình bày Thiện Tài trải qua các phần vị; không có Thiện hữu ở ngoài Thiện Tài, vốn hiển bày về tất cả tức là một, trình bày nhiều phần vị thành tựu ở nơi Thiện Tài. Vì vậy tự vào tản ra tự tại, dung thông với nhau vô ngại, suy nghĩ điều đó có thể biết.

Phần hai, Giải thích về nghĩa của Tri thức, có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Phần trước là luận tổng quát về Thiện tri thức chân thật, có ba loại: 1) Người; 2) Pháp; 3) Người và Pháp kết hợp phân rõ.

1) Trong Thiện tri thức thuộc về Người có sáu: Một, Có người tuy có thể cứu giúp nỗi khổ hiện tại, mà không khuyến khích tu thiện, không phải Thiện hữu chân thật. Hai, Tuy khuyến khích tu thiện thế gian để tránh khỏi nẻo ác, mà không khuyến khích tu tập hướng về con đường xuất thế, cũng không phải Thiện hữu chân thật. Ba, Tuy tu thiện hạnh xuất thế của Nhị thừa tránh khỏi nỗi khổ của ba cõi, mà không khuyến khích thực hành Bồ-tát đạo, cũng không phải Thiện hữu chân thật. Bốn, Tuy khuyến khích tu tập Bồ-tát đạo tránh khỏi Nhị thừa, mà hãy còn giữ lại tướng thiện, cũng không phải Thiện hữu chân thật. Năm, Cần phải khuyến khích chúng sinh tu tập về hạnh Vô tướng, mới là Thiện tri thức chân thật, đây là dựa vào kinh Phật Tạng và Trí Luận... phân rõ. Sáu, Cần phải khuyến khích khiến cho đầy đủ hạnh nguyện Phổ Hiền, mới gọi là Thiện tri thức chân thật cứu cánh. Trên đây đều là Thiện tri thức thuộc về hạnh, bởi vì hạnh dẫn dắt căn cơ cho nên chỉ thuộc về người.

2) Thiện tri thức thuộc về Pháp cũng có sáu loại: Một, Pháp thuộc trời-người; Hai, Pháp thuộc Nhị thừa; Ba, Pháp thuộc Sơ giáo; Bốn, Pháp thuộc Chung giáo; Năm, Pháp thuộc Đốn giáo; Sáu, Pháp thuộc Viên giáo. Dựa vào những pháp này mà thành tựu Chánh hạnh, cho nên

gọi là Thiện hữu, nhưng tùy theo giáo Quyển-Thật mà phân rõ về Thiện hữu chân thật.

3) Trong Thiện tri thức thuộc Người và Pháp kết hợp phân rõ cũng có sáu loại, nghĩa là pháp ở sáu phần vị trên đều nói về một môn, bởi vì trao cho cơ duyên tức là Người và Pháp cùng phân rõ, bởi vì đây là giải thích về Thiện tri thức thuyết pháp trao cho người, không giống như những Thiện hữu chân thật ở phần vị trước đây, dựa theo đó có thể hiểu.

Nay văn sau này ở trong sáu môn thuộc ba phần vị trên, có chung-có riêng, chung thì sáu môn đều có, riêng thì chỉ có môn cuối cùng, bởi vì đều thành tựu về hạnh Phổ Hiền. Lại phẩm Ly Thế Gian có mười loại Thiện tri thức, cũng thuật ra ở đây.

Phần sau là riêng biệt phân rõ, các Thiện tri thức ở văn sau đều có đủ ba phần vị trước. Trong ba phần vị này đều có ba nghĩa:

Một: Trong Thiện tri thức thuộc về Người có ba: 1) Nghe tên gọi đều là phương tiện; 2) Chính thức thấy người là đạt được pháp giới; 3) Thừa hỏi về các pháp là làm sáng tỏ về đức.

Hai: Trong Thiện tri thức thuộc về Pháp có ba: 1) Lời nói chỉ dạy là phương tiện; 2) Trí nhãn đã đạt được là đạt được pháp giới; 3) Nghiệp dụng của Thông và Minh là hiển bày về đức ấy.

Ba: Trong Thiện tri thức thuộc Người và Pháp kết hợp phân rõ: 1) Nghe tên gọi tìm đến nơi chốn là phương tiện; 2) Thấy người đạt được pháp là đạt được pháp giới; 3) Nói về nhân đời trước và mở rộng về Thắng tiến là hiển bày về đức ấy.

Các vị Tri thức sau đều dựa theo đây biết rõ.

Phần ba, Trình bày về phạm vi giới hạn của văn phân tích, số tăng lên có mười:

1) Tổng quát làm một, nghĩa là tất cả vốn là một phần vị.

2) Dựa vào Pháp sư Viễn phân hai: Một, Thân cận Thiện hữu; Hai, Từ “Cáo ngôn...” trở xuống là kết luận về lắng nghe Chánh pháp. Lắng lòng tư duy và như thuyết thực hành đều thấu nhiếp ở trong lắng nghe.

Ngay trong phần một là thân cận Thiện hữu, có bốn: 1) Nghe đến Thiện hữu; 2) Cầu tìm Thiện hữu; 3) Gặp được Thiện hữu; 4) Thừa hỏi về pháp.

Ngay trong mục một là nghe đến Thiện hữu, cũng có bốn: a) Nêu ra tên gọi đất nước, là nơi chốn tổng quát; b) Tên gọi của núi, là nơi chốn riêng biệt; c) Tên gọi của Thiện hữu; d) Khuyến dạy đi đến.

Trong mục hai là câu tìm Thiện hữu, có ba: a) Mới nghe tâm sinh vui mừng; b) Lạy sát chân từ tạ ra đi; c) Từ từ đi tìm hỏi Thiện hữu.

Trong mục ba là gặp được Thiện hữu, có hai: a) Đi đến gặp mặt; b) Lễ lạy rồi lùi lại đứng về một bên.

Trong mục bốn là thưa hỏi về pháp, có ba: a) Bày tỏ đã phát tâm là trình bày đã có căn cơ; b) Mà chưa biết... là thưa hỏi về pháp thực hành; c) Con nghe... là ca ngợi về đức để thưa thỉnh. Thân cận Thiện hữu, xong.

Trong phần hai là lắng nghe Chánh pháp, có hai: 1) Khen ngợi về phát tâm; 2) Chính thức thuyết pháp cho nghe. Trong thuyết pháp: Đầu là thuyết về pháp môn Chứng lượng, sau là dựa vào mở rộng... thuyết về pháp môn Giáo lượng. Văn phân tích về các phần vị trên đây phần nhiều giống nhau, có một ít không giống nhau.

3) Dựa vào Pháp sư Biện phân ra ba phần: Một-Nghe đến tên gọi câu tìm... là phần vị Gia hạnh; hai-Tiếp nhận về pháp đã thuyết là chính thức chứng được pháp giới; ba-Dựa vào mở rộng về Thắng tiến là phần vị Hậu đắc.

4) Dựa vào Pháp sư Diễn... phân làm bốn Lượng: Một, Mới nghe đến tên gọi... là Giáo lượng; Hai, Dựa vào Giáo tìm câu là Tín lượng; Ba, Gặp được Y-Chánh ấy là Tỷ lượng; Bốn, Nghe pháp đã thuyết ấy là Hiện lượng. Bốn Lượng này tức là Văn-Tư-Tu-Chứng.

5) Có các Sư phân ra năm phần: Ở trong Hiện lượng thứ tư trên đây tách ra hai phần vị thuộc Tự phần và Thắng tiến, còn lại giống như trước phân rõ.

6) Dựa vào Pháp sư Ý... phân ra làm sáu phần: Một, Trình bày về mong cầu đến tâm hành; Hai, Trình bày về gặp gỡ cung kính thưa hỏi; Ba, Khen ngợi nói mình biết mà trao cho Thiện Tài; Bốn, Nói mình chưa biết; Năm-Lại chỉ ra người biết để khuyến khích khiến cho đi đến; sáu-Từ tạ rút lui đi đến nơi ấy.

7) Hoặc phân làm bảy: Ở trong phần thứ hai trong sáu phần này, trước là gặp gỡ, sau là cung kính.

8) Hoặc phân làm tám: Ở trong phần thứ ba trong sáu phần này, trước là khen ngợi phát tâm, sau là nói về pháp của mình.

9) Hoặc phân làm chín: Ở trong phần thứ năm trong tám phần này, trước là chỉ ra, sau là khuyến khích đi đến.

10) Hoặc phân làm mười: Ở trong phần thứ sáu trong chín phần trên thứ, trước là chào hỏi cung kính, sau là từ tạ ra đi. Đó là: Một, Mong cầu; Hai, Gặp gỡ; Ba, Lễ lạy; Bốn, Thưa hỏi; Năm, Khen ngợi;

Sáu, Thuyết giảng; Bảy, Mở rộng; Tám, Chỉ rõ; Chín, Cung kính; Mười, Ra đi.

Trong phân tích mười loại thuộc số tăng lên trên đây: Năm loại đầu là dựa theo phần vị để phân tích, năm loại sau là dựa theo Hội để phân tích.

Phần bốn, Trong giải thích văn. Nay tạm thời dựa vào phần vị để giải thích phân tích theo năm phần: 1) Nêu ra pháp khuyến khích tu tập; 2) Y theo lời dạy hướng đến tiến vào; 3) Suy xét tìm tòi lựa chọn; 4) Chính thức đạt được pháp giới; 5) Dựa vào mở rộng Thắng tiến.

Ngay trong Tri thức Phát Tâm Trú thuộc phần vị thứ nhất này, trong năm phần:

Trong phần một, Nêu ra khuyến khích, có bốn: Một, Tên gọi của xứ sở; Hai, Tên gọi của con người; Ba, Chỉ dạy thưa hỏi; Bốn, Ca ngợi về đức.

Trong phần một là tên gọi của xứ sở: Đất nước là nghĩa biểu thị của phạm vi giới hạn thân nghiệp chúng sinh, nhưng Thập Trú này, bắt đầu là niềm vui của Tín địa, cho nên gọi là Khả Lạc. Núi là tùy theo tướng vắng lặng thanh thản, nơi ở của Hiền Thánh, cũng là nơi tu tập Tam-muội. Nếu dựa theo pháp thì biểu thị cho phần vị Trú cao vượt lên trên Tín môn. Gọi là Hòa Hợp, là Tỳ-kheo ở trong đó đạt được Tam-muội, tương ứng cho nên nói là Hòa Hợp. Lại khiến cho Thiện Tài tương ứng với phần vị Trú, cũng gọi là Hòa Hợp. Lại Pháp sư Biện nói: “Nghe xong ướp hòa hợp với tánh hiểu biết, chuyển thành chỗ dựa của Thánh nhân, cho nên tiến vào Phát Tâm Trú.”

Trong phần hai là tên gọi của con người: Nghĩa của Tỳ-kheo như trước giải thích, bởi vì bắt đầu ra khỏi ngoại phạm, cho nên dùng Tỳ-kheo để biểu thị. Đối chiếu bản văn Thiên Trú, tiếng Phạm gọi là Mê-già Thất-lợi. Mê-già, Trung Hoa gọi là Vân; Thất-lợi, Trung Hoa nói là Đức, thuận theo đó nên gọi là Tỳ-kheo Đức Vân. Nhưng Vân có bốn nghĩa: 1) Nghĩa về rộng khắp; 2) Nghĩa về ẩm ướt; 3) Nghĩa về che phủ; 4) Nghĩa về tuôn mưa. Đức cũng có bốn nghĩa: 1) Đức thuộc Định; 2) Đức thuộc Phước; 3) Đức thuộc Bi; 4) Đức thuộc Trí. Đối với bốn nghĩa của Vân, như thứ tự phối hợp giải thích có thể biết. Lại Định nhãn mở rộng khắp nơi như mây, nhìn thấy đức tốt lành của Phật, từ Cảnh-Trí mà lập thành tên gọi. Lại Phổ nhãn nhìn thấy nhiều Phật cho nên như mây, có đức này mà lập thành tên gọi ấy. Kinh này là bản Vu Điện, nghĩa phiên ra gọi là Công Đức Vân, cũng tương tự có thể biết.

Phần ba từ “Nhữ nghệ bỉ...” trở xuống là khuyến khích hướng đến

chỉ dạy thưa hỏi, trong thưa hỏi có mười câu hỏi giống như trước, cho nên đưa ra hai câu đầu cho đến mười.

Phần bốn từ “Thiện nam tử...” trở xuống là ca ngợi về đức của Tỳ-kheo ấy, khiến cho hoan hỷ ra đi. Phần nêu ra pháp khuyến khích tu tập, xong.

Trong phần hai, Y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Nghe pháp hoan hỷ là bởi vì biết có nơi hướng đến, buồn bã lưu luyến là bởi vì mang nặng ân sâu.

Trong phần ba, Suy xét tìm tòi lựa chọn, có hai: Một, Leo lên núi là trình bày về phần vị thấy tâm lên cao; Hai, Từ “Ư bỉ...” trở xuống là trình bày về suy xét tìm tòi Thật nghĩa. Bảy ngày là Cổ thuyết biểu thị cho vượt qua bảy phương tiện mới thấy phần vị của mình. Lại cũng phải là ở nơi núi ấy, trước tiên làm sạch sẽ lỗi lầm của bảy Chi thuộc thân-ngũ, sau đó mới thấy được Thiện tri thức chân thật.

Phần bốn, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến bỉ...” trở xuống là trình bày chính thức đạt được pháp giới, trong đó có năm: Một, Thấy người; Hai, Lễ lạy; Ba, Thưa hỏi; Bốn, Khen ngợi thưa hỏi; Năm, Chính thức thuyết giảng.

Trong phần một: Thấy ở đỉnh núi là biểu thị về phạm vi không lui sụt của phần vị Trú này. Yên lặng tư duy kinh hành là trình bày về tu Tam-muội Bàn Chu..., cũng là Tam-muội Nhất Hành. Lại yên lặng tư duy là tu pháp Chỉ, kinh hành là thành tựu pháp Quán. Lại các kinh như Hiền Hộ... nói tư duy là tướng trạng Tam-muội hiện tiền của chư Phật.

Trong phần hai là lễ lạy, vòng quanh về phía tay phải là tướng vô cùng tôn kính.

Trong phần ba là thưa hỏi, có hai: Trước bày tỏ đã phát tâm là hiển bày về có pháp khí, khiến cho vị ấy dễ dàng thuyết giảng; sau thưa hỏi những điều chưa biết là làm sáng tỏ về pháp đã khao khát, khiến cho khởi tâm Bi nhanh chóng thuyết giảng. Văn sau ở các phần đều giống như ở đây giải thích. Trong thưa hỏi tuy trước là chỉ dạy về mười câu hỏi, nhưng sau trong các phần vị phần nhiều giữ lại hai câu này. Dựa vào đối chiếu bản tiếng Phạm, nên nói: Mà chưa biết Bồ-tát đối với đạo của Bồ-tát nên học thế nào, nên hành thế nào? Đây tức là trước Giải-sau Hạnh, ở nơi văn có thể hiểu. Con nghe Đại Sư có thể khéo léo giảng giải thông suốt, dựa vào bản tiếng Phạm nên nói: Con nghe Đại Sư đối với các Bồ-tát có thể khéo léo giảng dạy, có thể khéo léo khuyên nhủ. Đây tức là nhờ vào giảng dạy mà thành tựu về Giải trước đây, nhờ vào khuyên nhủ mà thành tựu về Hạnh trước đây. Truyền dịch

vốn giữ lại tóm lược, cho nên tổng quát nói là giảng giải thông suốt; các văn sau đều giống như ở đây giải thích.

Trong phần bốn là khen ngợi thừa hỏi, có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong riêng biệt có chín câu, giống như trước đây đã chỉ dạy: Hai câu đầu đích thực giống nhau, những câu còn lại không theo thứ tự. Câu ba, Tiến vào cảnh của Bồ-tát là duyên với cảnh của Bồ-tát trước đây. Câu bốn, Sinh ra... cũng giống nhau. Câu năm, Tâm rộng rãi là tăng thêm rộng rãi... trước đây. Câu sáu, Đầy đủ... là đầy đủ hạnh Phổ Hiền trước đây. Câu bảy, Tùy thuận... là đầy đủ... trước đây. Câu tám, Đối với sinh tử... là cứu cánh... trước đây. Câu chín, Hữu vi... là thanh tịnh và chánh niệm... trước đây. Đây là đều dùng Tha tâm trí phù hợp với căn cơ mà khen ngợi.

Phần năm từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức nêu ra pháp giới, trong đó có hai: Trước là nêu ra nghĩa; sau từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi.

Trong phần trước có hai: 1) Trình bày về Thể của pháp đã đạt được; 2) Từ “Phổ chiếu...” trở xuống là trình bày về nghiệp dụng của pháp ấy.

Trong phần một: Giải thoát lực, Pháp sư Chánh nói rằng: “Đây là Thể của Phát Tâm Trú, nghĩa là tánh của Giải vốn có, do nghe pháp Đại thừa mà huân tập, thay đổi dựa vào phàm phu khiến cho được thoát khỏi, gọi là Giải thoát. Dựa vào đây mà chứng, Trí chủ động chứng gọi đó là Lực.” Nay giải thích: Đây là dựa vào Định mà phát khởi tác dụng vô ngại, gọi là Giải thoát, như Giải thoát Bất tư nghị..., ở trong một mảy trần nhìn thấy nhiều thế giới; nay ở đây cũng như vậy, không rời khỏi nơi này mà nhìn thấy Y-Chánh sai biệt của chư Phật mười phương, là lực dụng của Giải thoát này mà thôi. Nói là đến được Tuệ nhãn, nhưng Giải thoát này có năng lực ở nơi nhỏ bé dung nạp dẫn đến rộng lớn, có năng lực ở một nơi mà nhìn thấy tất cả. Nay ở trong hai năng lực chỉ chọn lấy năng lực nhìn thấy, không chọn lấy năng lực dẫn đến, cho nên nói là ở nơi kia đến được nơi này. Đây là riêng biệt chọn lấy Thể của pháp đã đạt được do Định.

Trong phần hai là trình bày về nghiệp dụng, có hai: Một, Tổng quát; Hai, Riêng biệt.

Trong phần một là luận tổng quát thì Tuệ nhãn này nhìn thấy tất cả thế giới..., không phải chỉ nhìn thấy Phật. Soi chiếu khắp nơi... là giải thích về Tuệ nhãn. Cảnh giới vô ngại là giải thích về phương tiện. Trừ

sạch tất cả chướng ngại là giải thích về thanh tịnh.

Trong phần hai từ “Nhất thiết Phật hóa...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về nhìn thấy Phật, có hai: Trước là trình bày về lực của chủ động nhìn thấy, đó là Đà-la-ni, Trung Hoa nói là Tổng trì, lấy Niệm Tuệ làm tánh. Nhưng có nhiều loại, hoặc là Pháp trì, hoặc là Đẳng trì của Phật, nay giản lược Đẳng trì thuộc Pháp cho nên nói là Phật. Nhưng trong Phật cũng có Pháp thân-Báo thân-Hóa thân, nay giản lược Pháp-Báo chỉ chọn lấy Hóa Phật, cho nên nói là tất cả Phật Hóa, vì vậy các loại hình sắc... của Phật đã nhìn thấy đều là Hóa thân của Phật. Sau là trong phần chính thức trình bày về Phật đã nhìn thấy, có hai: a) Nhìn thấy thân Phật, đầu là ở phương Đông, sau là tương tự chín phương. b) Từ “Chủng chủng...” trở xuống là tác dụng nhìn thấy Phật, trong đó: Một là nhìn thấy Phật tùy theo căn cơ hiện rõ các loại Y-Chánh; hai là nhìn thấy Phật thuyết pháp quyết định cho Đại chúng.

Trong phần sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết luận về phạm vi giới hạn của tên gọi: Phổ Môn là chọn lấy khác với Biệt Môn, nghĩa là trong Biệt Môn hoặc nhìn thấy một phương-hai phương, một Phật-hai Phật..., đều không xứng với mười phương. Nay không dựa vào đó, cho nên nói là Phổ Môn. Môn này nếu tách ra thì nhìn thấy tất cả trần số chư Phật ở mười phương, như văn đã hiển bày. Quang minh là trình bày đã nhìn thấy rõ ràng, Quang minh của Phổ Môn này là soi chiếu khắp nơi trước đây. Quán sát là đã nhìn thấy tường tận, là quán sát trước đây. Chánh niệm là lúc nhìn thấy không tạp loạn, là trừ sạch chướng ngại... trước đây. Trên đây là năng lực nhìn thấy, chư Phật là đã nhìn thấy, Tam-muội là Định làm chỗ dựa cho sự nhìn thấy kia. Bắt đầu tiến vào Tam-muội Quang Minh Niệm Phật của phần vị Trú nhìn thấy Phật khắp nơi, bởi vì Phật là căn bản làm chỗ dựa cứu cánh, cho nên dựa vào Phật mới thành tựu những hạnh khác. Hạnh thuộc Tự phần, xong.

Trong phần năm, Từ “Khởi năng liễu tri...” trở xuống là trình bày về dựa vào mở rộng Thắng tiến, có hai: Trước là tổng quát, sau là riêng biệt.

Trong phần trước là tổng quát: Lẽ nào có thể biết rõ ràng..., là hiển bày về mình đối với Thật pháp ấy không thể nào nhận biết. Không nhận biết pháp gì? Đó là những pháp viên mãn của Bồ-tát, tức là soi chiếu thông hiểu cảnh Phật, gọi là Trí hạnh. Chướng hoàn toàn không còn cho nên nói là thanh tịnh, Đức hoàn toàn đầy đủ cho nên nói là viên mãn.

Trong phần sau từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt hiển

bày có hai mươi một môn, đều trước là nêu ra Định môn đã đạt được, sau là phân rõ về nghiệp dụng sai biệt. Mười môn đầu trình bày về nghĩ đến đức thù thắng trọn vẹn đầy đủ của Phật, mười một môn sau là nghĩ đến Diệu Dụng tự tại của Phật.

Trong mười môn trước: 1) Nhìn thấy đầy đủ Y-Chánh chủ-bạn của Phật, cho nên gọi là soi chiếu tất cả đầy đủ trọn vẹn. 2) Nghĩ đến đức của Phật khiến cho chúng sinh lìa xa điên đảo, cho nên gọi là thanh tịnh. Trong tổng quát thanh tịnh tròn vẹn dựa vào đây nên biết. 3) Nghĩ đến đức của Phật là mười Lực như Thị xứ phi xứ..., cũng là mười Lực như Đại lực Na-la-diên... 4) Nghĩ đến Phật đối với pháp không có trái ngược, có thể thuyết giảng-có thể truyền trao, cũng là tâm Bồ-tát đối với pháp không có trái ngược, cho nên có thể nhìn thấy Phật rồi nghe pháp thọ trì. 5) Dùng trí thông hiểu về Phật hải để phân biệt Như Lai, dựa theo Trí có thể nghĩ đến làm tên gọi. 6) Nghĩ đến cảnh vi tế của Phật, nghĩa là một niệm đầy đủ tám tướng..., nói như trước-sau cho nên gọi là tự tại, Bồ-tát ở phần vị dưới hoàn toàn không có thể nhìn thấy, Bồ-tát ở phần vị trên tuy nhìn thấy mà không thể nào chứng nhập. 7) Bởi vì nghĩ đến Phật thường trú cho nên nói là không trái ngược. 8) Nghĩ đến Phật ứng với căn cơ chưa từng đoạn tuyệt, cho nên nói là bất cứ lúc nào... 9) Nghĩ đến Phật dựa vào quốc độ mà hiện thân. 10) Nghĩ đến cùng tận chư Phật ba đời.

Trong mười một môn sau là trình bày về Diệu Dụng tự tại: 1) Nghĩ đến Phật khắp nơi trong tất cả các cảnh sai biệt. 2) Nghĩ đến tướng Niết-bàn của Phật cho nên nói là tịch tịnh. 3) Nghĩ đến Phật vượt lên trên thời gian mà không lìa xa thời gian. 4) Nghĩ đến thân Phật đầy khắp pháp giới cho nên nói là rộng lớn. 5) Nghĩ đến lỗ chân lông của Phật trở lại hiện rõ. 6) Nghĩ đến Phật thị hiện thành tựu Chánh giác ở tất cả mọi nơi cho nên gọi là trang nghiêm. 7) Nghĩ đến ánh sáng của Phật soi chiếu lìa xa nhiễm mà chuyển Pháp luân thanh tịnh. 8) Chỉ riêng tâm nghĩ đến Phật. 9) Nhờ nghĩ đến Phật cho nên nhìn thấy nghiệp đã làm, bởi vì như cảnh tượng trong gương, không có Thể mà có Tướng lìa xa chấp trước cấu nhiễm cho nên nói là nghiệp thanh tịnh. 10) Nghĩ đến công đức thuộc Tu sinh của Phật trang nghiêm pháp giới Chân Như. 11) Nghĩ đến công đức như Đại Trí... của Phật soi chiếu rộng khắp pháp giới... Phần vị thứ nhất trong Thập Trú, xong.

Trong phần vị thứ hai là Trị Địa Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Trước đã mở



rộng về mình không biết, ai là người có thể biết đây? Vì vậy nay chỉ ra phần vị sau để khuyến khích khiến cho tu tập tiến vào. Trong đó: Một, Nói là Hải Môn, đất nước này tiếp cận ở Nam Hải, cổng thành hướng về biển mà gọi tên. Lại biểu thị cho quán sát Hải Môn mở ra nhìn thấy pháp giới Trị Địa, cho nên lấy làm tên gọi. Tỳ-kheo giống như trước. Hải Vân, là Tỳ-kheo này thường ở bên bờ biển, quán sát về duyên khởi của biển rộng và người-pháp trang nghiêm trên bờ biển ấy che kín khắp nơi như mây. Từ pháp đã quán sát làm tên gọi, như Bồ-đề Tát-đỏa... Lại biểu thị cho Tỳ-kheo này bên trong có đủ đức thù thắng sâu rộng như biển, bên ngoài ứng với căn cơ chúng sinh rưới mưa pháp như mây. Lại pháp giới đã quán sát rộng sâu như biển, Đại Trí có thể quán sát rộng khắp như mây, vốn từ Cảnh-Trí làm tên gọi. Khuyến khích hướng về chỉ dạy thưa hỏi, giống như trước có thể biết. Hai, Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là ca ngợi về đức thù thắng ấy có mười câu: Một câu đầu là tổng quát, chín câu còn lại là riêng biệt. Trong riêng biệt: Đây đủ nhân thiện là thiện của Địa tiền. Đại địa là Địa thượng. Đại lực là Phật Địa. Hai câu tiếp là chủ động ca ngợi nhờ đó khiến cho tăng thêm rộng rãi. Hai câu tiếp là khiến cho hạnh nguyện thanh tịnh hiện rõ. Hai câu tiếp là khiến cho đức của Tự lợi-Lợi tha đầy đủ. Ba, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là lễ lạy cung kính từ tạ ra đi.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trình bày y theo lời dạy hướng đến mong cầu: Một, Tâm nghĩ đến pháp môn, là hiển bày bởi vì không có gì tán động, bởi vì ôn lại những pháp đã đạt được trước đây, bởi vì hy vọng hướng đến phần vị sau, bởi vì nuôi lớn tâm thanh tịnh. Hai, Tự mình bước đi dần dần tiến đến phần vị sau.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có hai: Trước là chào hỏi cung kính, sau là trình bày thưa hỏi. Trong đó: Một, Trình bày về ý thích của mình. Hai, Từ “Nhĩ vị tri...” trở xuống là chính thức thưa thỉnh những điều quan trọng, có mười câu: Năm câu đầu là thưa hỏi về Tự hành, năm câu sau thưa hỏi về hạnh Lợi tha. Mỗi một câu đều có hai, đó là rời bỏ phàm phu hướng về Phật, rời bỏ sinh tử hướng về quả Phật. Một câu đầu dựa theo phần vị chuyển đổi, còn lại phần nhiều dựa theo Dụ, dựa theo giải thích có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Nhĩ thời Hải Vân...” trở xuống là trình bày nêu ra pháp giới, có hai: Đầu là khen ngợi về pháp khí là phương tiện trao pháp; sau là chính thức nêu ra pháp giới khiến cho tu học.

Trong phần đầu cũng có hai: Một, Hỏi đáp để xét định; Hai, Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là chính thức khen ngợi về đức ấy. Trong

đó: a) Tổng quát khen ngợi; b) Từ “Đắc phổ môn...” trở xuống là riêng biệt khen ngợi.

Trong riêng biệt khen ngợi: 1) Mười câu khen ngợi về đức có thể phát khởi, nghĩa là đầy đủ đức này thì mới có thể phát tâm; 2) Từ “Đại Bi tâm...” trở xuống là mười câu khen ngợi về đức đã phát tâm, nghĩa là có đủ mười đức này chính là tâm Bồ-đề.

Trong mục một: Đầu là chữ Đắc nối liền với chín câu dưới, sau là chữ Giả cũng nối thông với chín môn trước. Bắt đầu từ Phổ Môn-Phổ Chiếu... phần nhiều là pháp đã đạt được nơi Công Đức Vân trước đây, cũng là xưa kia vốn có chủng tánh Phổ Hiền.

Trong mục hai là mười tâm thì số tăng thêm có mười một: Bốn câu trước là tâm thâm nhiếp chúng sinh, một là cứu giúp nỗi khổ hiện tại, hai là trao cho niềm vui hiện tại, ba là diệt trừ nỗi khổ vị lai, bốn là trừ bỏ nhân ấy, đó là ác nghiệp. Hai câu tiếp là tâm diệt chướng, một là đoạn trừ phiền não chướng, hai là trừ diệt sở tri chướng. Hai câu tiếp là tâm chứng lý, một là Chánh chứng, hai là Hậu đắc. Ba câu sau là tâm hướng đến Phật, một là được thấy thân Phật, hai là thuận theo Lượng trí của Phật, ba là cứu cánh Lý trí của Phật.

Phần sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là nêu ra pháp giới, có năm: 1) Quán sát biển rộng làm phương tiện Chứng môn; 2) Có thể nhìn thấy Y-Chánh vô ngại của pháp giới; 3) Tiếp nhận giáo pháp vô biên đã lưu truyền; 4) Truyền thụ cho chúng sinh cùng tiến vào pháp giới; 5) Kết luận về những pháp mình đã nhận biết, chỉ có một chứ không phải là khác.

Trong mục một: Mười hai năm, có người giải thích quán sát về biển rộng vốn là mười hai nhân duyên; có người nói vốn là trú vào mười hai Trú của Bồ-tát; có người nói đây là Trú thứ hai của Thập Trú cho nên nói là mười hai. Trong quán sát biển rộng: Hai câu đầu là tổng quát nêu ra thụ động quán và chủ động quán, mười câu sau là riêng biệt hiển bày về tướng quán sát. Mười loại trong này cùng với mười tướng biển rộng trong phẩm Thập Địa, có giống nhau-có khác nhau, dựa theo giải thích có thể biết. Từ “Thiện nam tử ngã như thị...” trở xuống là tiếp tục trải qua nghiên ngẫm tỉ mỉ khiến cho Hải Môn mở ra.

Mục hai từ “Tác thị dĩ...” trở xuống là trình bày về Hải Môn đã mở ra nhìn thấy Y-Chánh của pháp giới, trong đó: Trước là nhìn thấy Y báo, sau là nhìn thấy Chánh báo.

Trong mục trước có bốn: Một, Nhìn thấy hoa sen mọc lên là trình bày về Tịnh độ tập thành dựa vào pháp giới chân thật. Hai, Từ “Bách

van...” trở xuống là trình bày về tướng trang nghiêm bên ngoài, có hai mươi câu, mười một câu đầu trình bày về Chúng sinh thế gian trang nghiêm, chín câu sau là Khí thế gian trang nghiêm. Ba, Từ “Bỉ bảo liên hoa...” trở xuống là trình bày nguyên do mọc lên, cũng là Trí chánh giác thế gian trang nghiêm, trong đó cũng có mười câu, có thể biết. Bốn, Từ “Tùy thuận thế gian...” trở xuống là kết luận ca ngợi về vô tận, nghĩa là dựa vào Thật vốn chỉ là cảnh Phật, toàn bộ không thể nào nói được; nếu dựa theo phương tiện thuận với thế gian mà nói thì cũng không hết được.

Trong mục sau từ “Kiến bỉ hoa thượng...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Chánh báo của thân Phật, có hai mươi câu: Mười câu đầu trình bày về đức đầy đủ của quả Phật, mười câu sau trình bày về Diệu Dụng tự tại, đều có thể biết.

Mục ba từ “Thời Như Lai...” trở xuống là trình bày về tiếp nhận giáo pháp đã lưu truyền, trong đó có năm: Một, Xoa đỉnh đầu là thân gia hộ, hiển bày về tướng thân nhiếp tiếp nhận. Hai, Từ “Thuyết phổ nhân...” trở xuống là trình bày về kinh pháp đã thuyết giảng, Phổ Nhân là từ kinh pháp đã giải thích làm đề mục, đây là tên gọi tổng quát, từ “Duy Như Lai cảnh...” trở xuống là mười loại tên gọi riêng biệt, dựa theo giải thích có thể biết. Ba, Từ “Thiện nam tử ngã tùng...” trở xuống là tổng quát hiển bày về mình đã nghe. Bốn, Từ “Giả sử...” trở xuống là riêng biệt phân rõ về pháp rộng lớn đã nghe. Năm, Từ “Ngã ư Phật sở...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về mình có lực Văn trì rộng lớn. Trong mười Trì lực này đều trước là nêu ra pháp rộng lớn đã nghe, sau là phân rõ về Đại lực có thể duy trì. Dùng mục như biển rộng cùng viết một phẩm không hết, ở trong một ngày dùng mười Trì này tiếp nhận bảy nhiều A-tăng-kỳ phẩm, như vậy trải qua một ngàn hai trăm năm, mỗi một ngày tiếp nhận thêm mới, bởi vì kinh Phổ Nhân này vốn là Tu-đa-la Vô tận của Nhất thừa.

Mục bốn từ “Kỳ hữu thập phương...” trở xuống là trình bày về truyền thụ cho chúng sinh cùng tiến vào pháp này, có thể biết.

Mục năm từ “Thiện nam tử...” trở xuống là kết luận về những pháp mình đã nhận biết.

Phần năm, Từ “Khởi năng tận tri...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, trong đó có hai: Một, Tổng quát nêu ra; Hai, Từ “Hà dĩ cố...” trở xuống là mười câu riêng biệt phân rõ. Năm câu đầu là hạnh thuộc Tự phần, năm câu sau là hạnh tiến vào quả Phật, đều nói là biển, bởi vì Tỳ-kheo này chỉ nhận biết một biển của mình, lại có nhiều biển

không phải mình có thể nhận biết, cho nên đều mở rộng. Phần vị thứ hai là Trị Địa Trú, xong.

Trong phần vị thứ ba là Tu Hành Trú, cũng có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Sáu mươi Do-tuần, Cổ nhân nói: “Vốn là tu sáu Độ Hạnh.” Đất nước tên là Hải Ngạn, bởi vì đất nước này ở bên bờ biển. Bản văn Thiên Trúc gọi là Hải Ngạn Lăng Già Đạo, giải thích là bởi vì đất nước này nối thông hướng đến núi Lăng Già. Lại vốn là đến bờ của pháp giới lưu truyền thù thắng. Lại vốn là trước tiến vào ở Hải Môn, nay đến được Hải Ngạn. Thiệu Vãng là khéo léo tiến vào lý an trú. Lại thân trú giữa hư không, đường đi vô ngại gọi là Thiệu Trú. Khuyến khích hướng về, chỉ dạy thưa hỏi, cung kính vòng quanh, từ tạ rút lui, đều có thể biết. Lược qua không có ca ngợi về đức.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiệu Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào. Trong phần trước là nhớ lại pháp trước đây, theo đường mà đi có mười câu: Đầu là nghĩ đến giáo pháp ấy, tiếp là tư duy về nghĩa ấy, tiếp là tu tập về pháp hành. Trong phần sau là tiến sâu vào Chánh Chứng, nhiếp pháp trừ chướng.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có bốn: Một, Đến nơi ấy suy xét tìm tòi nhìn thấy Y báo. Hai, Từ “Kiến bỉ...” trở xuống là trình bày nhìn thấy Chánh báo, dùng Trí trú trong Vô tướng, thân đi lại giữa hư không, cõi trời phía dưới đều cúng dường có mười câu, trình bày về hạnh quyển thuộc. Ba, Từ “Nhĩ thời Thiệu Tài...” trở xuống là tự mình đến chào hỏi cung kính. Bốn, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ về ý thưa thỉnh của mình: Đầu là mười câu thưa hỏi về pháp khởi hạnh; sau từ “Ngã văn Đại Thánh...” trở xuống là mười câu thưa hỏi về hạnh phát khởi Dụng thù thắng. Trong phần đầu, mười loại đều từ sâu xa đến hiện rõ, dựa theo giải thích có thể biết. Trong mười câu sau: Hai câu đầu trình bày về hạnh không lìa xa Tam Bảo; tiếp từ “Bất xả Đại nguyện...” trở xuống là hai câu trình bày về hạnh Tự lợi-Lợi tha; tiếp từ “Bất xả Phật sát...” trở xuống là hai câu trình bày về hạnh thâm nhiếp Y-Chánh của Phật; tiếp từ “Bất ly hữu vi...” trở xuống là hai câu trình bày về hạnh Bi-Trí vô trú; sau từ “Thường văn...” trở xuống là hai câu trình bày về hạnh Nhiếp pháp.

Trong phần bốn Từ “Nhĩ thời Thiệu Tài...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới, có hai: Một, Khen ngợi về phát khởi pháp khí. Hai, Từ “Ngã dĩ thành tựu...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, trong

đó có bốn: a) Tổng quát nêu về pháp môn, đó là chứng về nghĩa thuộc pháp giới vô chướng ngại, có thể khiến cho Dụng tùy theo sự việc cũng vô ngại. b) Từ “Ngã dĩ tu tập...” trở xuống là giải thích về pháp môn trước đây: Đầu là giải thích về nghĩa thành tựu trước đây, đó là vốn tu tập rõ ràng; sau từ “Đãi đắc...” trở xuống là giải thích về nghĩa vô ngại, đó là soi chiếu thông suốt những việc đã làm, gọi là Tuệ quang vô ngại, có mười hai câu là Tướng soi chiếu của Dụng tự tại vô ngại. Sát-na, Trung Hoa nói là Niệm Khoảnh; ở trong khoảng một cái bật ngón tay có 60 Sát-na; 120 Sát-na gọi là một Đán Sát-na, giống như trong phút chốc ở đây; 60 Đán Sát-na gọi là một La-bà; 30 La-bà gọi là một Ma-hầu-đổ-lộ, Trung Hoa nói là Tu Du; 30 Ma-hầu-đổ-lộ gọi là một ngày một đêm. Từ “Hà dĩ...” trở xuống là giải thích về nghĩa thành tựu vô ngại. Vô sở hữu là bởi vì xứng với lý tánh. Vô tác là bởi vì không có công dụng. Bản văn Thiên Trúc gọi là Vô thể tánh, Vô tác thần lực. c) Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trong phần hiển bày về nghiệp dụng của pháp môn, có ba: Một là tổng quát nêu về Dụng của Thần thông; hai từ “Ưu nhất niệm trung...” trở xuống là trình bày về hạnh như nhanh chóng đến khắp mười phương, thấy Phật, cúng dường, nghe pháp...; ba từ “Nhược hữu chúng sinh...” trở xuống là trình bày về hạnh lợi ích cho chúng sinh không trống rỗng; bốn là kết luận về tên gọi, có thể biết. Bản văn Thiên Trúc nói: Đắc phổ tốc tạt bất không siêu độ cứu cánh vô tận Bồ-tát giải thoát. Giải thích rằng: Nhanh chóng đến khắp mười phương gọi là Phổ tạt siêu độ, cúng dường Đức Phật làm lợi ích cho chúng sinh gọi là Bất không, Dụng này không có giới hạn cho nên nói là Cứu cánh vô tận.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có hai: Đầu là riêng biệt phân rõ về hai mươi môn tịnh giới; sau từ “Thiện nam tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về vô lượng, đều nói là không thể nào nhận biết. Phần vị thứ ba là Tu Hành Trú, xong.

Trong phần vị thứ tư là Sinh Quý Trú, cũng có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước là gồm chung mà khu thành là riêng biệt. Tên gọi Tự Tại, là vị Lương y ở nơi này thâm nhiếp giáo hóa tự tại, cho nên lấy làm tên gọi. Lại biểu thị cho chủng tánh tôn quý trong phần vị này sinh vào trong nhà Phật, vì vậy đất nước tên là Tự Tại. Khu thành tên gọi Chúc Dực, nghĩa là ở trong khu thành này phát ra ánh sáng của Tam-muội, phá tan bóng tối của Vô minh, như chú thuật trừ diệt bệnh quỷ; thuyết về pháp Luân Tự

phá trừ những phiền não khác, như thuốc chữa trị những bệnh tật khác. Vì vậy Lương y, trong bản văn Thiên Trúc gọi là Đạt-bế-đa. Giải thích rằng đây là tên gọi của chủng loại ở Nam Thiên Trúc, cũng như chủng loại Ngô-Sở... ở phương này. Nhưng trong chủng loại này, bởi vì người này có sở trường về chữa bệnh, có thể dùng thuốc pháp khéo léo chữa trị căn bệnh phiền não, cho nên lấy làm tên gọi. Vì vậy dựa vào phần vị Vô lậu ấy, hiển bày về nghĩa diệt chướng, để biểu thị cho điều đó. Di-già, Trung Hoa phiên ra gọi là Vân, nghĩa là có thể rưới làn mưa pháp tưới thấm làm lợi ích cho chúng sinh mà gọi tên. Lược qua không có ca ngợi về đức. Còn lại giống như trước phân rõ.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Tư duy nghĩ đến pháp trước đây làm cho thuần thực thành tựu đầy đủ. Trong mười câu: Hai câu đầu là nghĩ đến những pháp đã đạt được-đã đầy đủ; tiếp từ “Chánh niệm Phật...” trở xuống là hai câu nghĩ đến những pháp đã quay về-đã lìa xa; tiếp từ “Niệm thiện tri thức...” trở xuống là hai câu nghĩ đến những pháp đã mong cầu-đã vượt qua; tiếp từ “Ưu nhất thiết...” trở xuống là hai câu trình bày về hạnh bảo vệ phiền não; sau từ “Tất năng...” trở xuống là hai câu về hạnh bảo vệ Tiểu thừa. Từ đây xông ướp trong tâm tăng thêm Chánh hạnh. Từ từ đi đến... là trình bày về tiến đến nơi tiếp phía sau.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có bốn: Một, Tiến vào nhìn thấy Y báo. Hai, Nhìn thấy Chánh báo trong Pháp đường, hiển bày về phần vị chính thức ấy. Thuyết về kinh Luân Tự Trang Nghiêm Quang là trình bày về giáo pháp đã thuyết. Có bản viết nhầm là Luận Tự, các Sư giải thích nhiều cách, gần đây đối chiếu hai bản kinh tiếng Phạm đều gọi là Luân Tự. Xin cải chính theo quy phạm, đó là Tam Tạng Giải thích rằng: “Luân có nhiều nghĩa: 1) Dựa theo Tướng của chữ, chữ Luân trong Lăng Già viên mãn như dấu chân voi...; 2) Dựa theo Sở thuyết, có đủ tất cả nghĩa lý như vòng tròn đầy đủ; 3) Dựa theo Dụng, đó là sau những pháp đã nói không hư rỗng, đều có nghĩa về truyền thụ-nghĩa về diệt trừ phiền não, giống như Pháp luân..., tức Luân Tự là giáo pháp giải thích chỉ bày, Trang Nghiêm Quang là hạnh, trừ chướng là Quang, chứng lý là Nghiêm.” Ba, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là gần gũi lễ lạy cung kính. Bốn, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ thưa hỏi. Trong thưa hỏi: Hai câu đầu là tổng quát, mười câu sau là riêng biệt, đều dựa theo giải thích có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Nhĩ thời Lương y...” trở xuống là trình bày về nêu rõ pháp giới, có hai: Đầu là cung kính ca ngợi pháp khí; sau là trao

cho pháp môn của mình.

Trong phần đầu có bốn: Một, Xem xét sự phát tâm ấy. Hai, Lễ lạy cung kính cúng dường. Vì sao lễ lạy? Xưa Giải thích rằng: “Bởi vì hiển bày cung kính đối với pháp, tôn trọng đối với người. Trình bày về các đệ tử lúc tu tập thực hành giáo pháp thì cung kính giáo pháp đầy đủ, hiển bày về đức dạy dỗ của Sư thì không như vậy đã có lỗi, vì thế chắc chắn đối với đệ tử luôn luôn có sự cung kính giáo pháp. Nhưng thân hầu hạ không thể nào lễ lạy được, nay ở đây bởi vì tâm hạnh khó hiểu, cho nên hiện rõ tướng để biểu hiện.” Lại nói: Cung kính Đạo khí của vị ấy. Lại nói: Không coi thường những người học sau. Nay Lại giải thích: Bởi vì tâm Bồ-đề là nhân của Phật, cho nên tôn trọng quả ấy, mà cung kính nhân ấy; cung kính này tức là thực hành hạnh Bồ-tát, nêu ra quỹ tắc này khiến cho mọi người học theo. Lại giải thích: Quả Phật thì Đại tâm không đủ để cho là khó, bắt đầu phát khởi Đại tâm thì điều này là khó. Vì thế cho nên kinh nói: “Phát tâm và hoàn thành đến cùng là hai tâm không sai khác, hai tâm như vậy thì tâm trước là khó, tự mình chưa được độ mà độ người trước, cho nên Ta đánh lễ người mới phát tâm.” Lại giải thích: Tâm này hiếm có, có thể sinh ra rộng lớn, cho nên lễ lạy cung kính. Như trong luận Pháp Giới Vô Sai Biệt thuộc bản mới dịch: “Kính lễ tâm Bồ-đề, như người thế gian lễ lạy phần trăng sáng đầu tháng, không lễ lạy trăng tròn..., bởi vì ít hiện rõ, trăng tròn nhờ vào đây.” Ba, Từ “Kính trọng...” trở xuống là trình bày về lời lễ trong phần ca ngợi đức, trong đó có ba: a) Mười câu ca ngợi về năng lực công đức của Đại tâm: Hai câu đầu là tánh Y-Chánh của quả Phật, tánh là nhân; bởi vì tâm Bồ-đề là pháp thuộc nhân, cho nên đều nói là tánh. Hai câu tiếp là thành tựu về nhân của giáo hóa. Hai câu tiếp là thành tựu về nhân của nghiệp hành. Hai câu tiếp là nhân của Nguyên Trí, nghĩa là Nguyên thường tùy theo có, Trí luôn luôn lia xa dục. Hai câu sau cuối là nhân của Đại quả, nghĩa là Bồ-đề Niết-bàn. b) Từ “Vị nhất thiết Phật...” trở xuống có mười câu là mười vị vua cung kính bảo vệ. c) Từ “Bỉ vi an úy...” trở xuống là trình bày về nhân được cung kính bảo vệ, cũng có mười câu có thể biết. Bốn, Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là trong phần trình bày rộng về đức thù thắng của tất cả Bồ-tát, có hai: Một là Pháp thuyết; hai từ “Bồ-tát vi đại phong...” trở xuống có mười ba câu dựa theo Dụ để hiển bày về đức, dựa theo giải thích có thể biết.

Trong phần sau từ “Nhĩ thời Lương y...” trở xuống là nêu rõ pháp giới của mình, có hai: Một, Miệng tỏa ánh sáng quy tụ chúng thuyết pháp làm lợi ích rộng lớn; Hai, Trở lại bước lên chỗ ngồi ban đầu rồi

mới nêu rõ pháp giới của mình.

Hỏi: Trước đã lễ lạy cung kính, nay vì sao lại ngồi? Đáp: Trước đây chưa trao cho pháp, không phải đệ tử, cho nên kính chào không có lỗi; nay hiện rõ phần vị bậc Thầy, vì thế cho nên trở lại chỗ ngồi. Pháp đã nói không hư rộng, là bởi vì nói thì chắc chắn làm cho lợi ích. Bản văn Thiên Trúc gọi là đạt được pháp môn Diệu Âm Đà-la-ni. Giải thích rằng: Tức là trong này phân biệt nhận biết về ngôn ngữ như Thiên-Long... Phần nghiệp dụng và kết luận về tên gọi, có thể biết.

Trong phần năm, Từ “Vân hà năng thuyết...” trở xuống là dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Câu đầu là tổng quát nêu ra. Hai, Từ “Bỉ chư Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt hiển bày, mười câu đều là ngôn âm-tự cú thi thiết... rộng nhiều như biển, Thắng tiến đi sâu vào không phải mình có thể nhận biết. Ba, Từ “Đãi đắc...” trở xuống là kết luận về pháp sâu xa vì diệu đã đạt được ấy. Phần vị thứ tư là Sinh Quý Trú, xong.

Trong phần vị thứ năm là Phương Tiện Cụ Túc Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Trú Lâm, kiến lập hạnh đức gọi là Lâm, yên ổn vững vàng không lay động gọi là Trú. Lại Trưởng giả này ở sát nơi khu rừng lớn tăng thêm đạo, nhân đó lấy làm tên gọi. Lại trong thân trú vào Tam-muội, hiện rõ nhiều nhân quả Y-Chánh của cảnh Phật như rừng. Trưởng giả tên gọi Giải thoát, người có tài có đức gọi là Trưởng giả; trong thân dung nạp hiện rõ cảnh Phật vô biên, Định-Dụng tự tại gọi là Giải Thoát.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Nghĩ đến pháp huân tu; Hai, Từ “Như thị tác dĩ...” trở xuống là trình bày về tự mình đi trải qua.

Trong phần một: a) Một câu đầu là tổng quát nghĩ đến pháp trước đây; b) Từ “Nhập Bồ-tát...” trở xuống có sáu câu trình bày về hạnh Lợi tha; c) Từ “Kiên cố Bồ-tát...” trở xuống có mười câu trình bày về thành tựu hạnh thuộc Tự phần; d) Từ “Đãi đắc Phổ nhân...” trở xuống có mười câu trình bày về thành lập hạnh thuộc Thắng tiến.

Trong phần hai là tự mình ra đi: Mười hai năm, Cổ nhân nói: “Tự phần và Thắng tiến đều tu sáu Độ, cho nên dùng để biểu hiện.” Sau dần dần tiến đến nơi tiếp phía sau.

Trong phần ba, Chính thức cung kính thưa thỉnh, có ba: Một, Suy xét tìm tòi lựa chọn, nhìn thấy rồi lễ lạy cung kính. Hai, Từ “Tác như thị niệm...” trở xuống là phát sinh vui thích mong muốn thù thắng, khởi



lên nghĩ rằng khó gặp được, bởi vì mong mỗi hướng về nhiều năm nay mới nhìn thấy, có chín câu có thể biết. Ba, Từ “Bạch ngôn...” trở xuống là bày tỏ về ý thưa hỏi, các văn đều trước là thuật về lực của mình phát tâm Bồ-đề, sau đó thưa thỉnh giáo pháp. Dùng văn này nghiệm xét thì biết, muốn tiếp nhận Đại pháp thì cần phải phát tâm Bồ-đề, nếu không phát tâm này thì không phải pháp khí này, vì thế cho nên các văn đều trước là xác định về phát tâm, hoặc là Thiện hữu hỏi lại, sau đó thuyết pháp cho nghe, đây là con đường rộng lớn của Phật pháp, cần phải suy nghĩ ghi nhớ!

Trong thưa thỉnh có ba: a) Bày tỏ về vui thích mong muốn của mình; b) Từ “Ngã văn Đại Thánh...” trở xuống là ca ngợi về đức khuyến khích thuyết giảng; c) Từ “Duy nguyện...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh để cho thuyết giảng.

Trong phần a có bốn: Một là mười câu về mong muốn cùng tận cảnh giới của Phật Bảo. Hai từ “Dục văn nhất thiết Phật pháp...” trở xuống là mười câu về mong muốn cùng tận cảnh giới của Pháp Bảo-Tăng Bảo, đều có năm câu có thể biết. Ba từ “Dục đắc nhất thiết chư Phật Bồ-tát nhân duyên...” trở xuống là mười câu trình bày về mong muốn cùng tận ngọn nguồn của mười Tạng. Bốn từ “Dục mãn chư nguyện...” trở xuống là mười câu trình bày về mong muốn khiến cho vạn hạnh tròn vẹn đầy đủ, thiếu mất một câu.

Trong phần b từ “Bạch ngôn ngã văn...” trở xuống là ca ngợi về đức khuyến khích thuyết giảng: Một là ca ngợi có thể khéo léo chỉ dạy khiến cho Bồ-tát khác lìa xa chướng-đạt được quả. Hai từ “Kỳ tâm...” trở xuống là ca ngợi tự tâm vị ấy thường thanh tịnh đầy đủ đức. Ba từ “Duy nguyện...” trở xuống là kết thúc thưa thỉnh, có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Nhĩ thời Giải Thoát trưởng giả...” trở xuống là nêu rõ về pháp giới, có ba: Một, Nhập Định im lặng nêu rõ; Hai, Xuất Định nêu rõ cho biết; Ba, Kết luận là chỉ nhận biết một pháp này.

Trong phần một cũng có ba: a) Trong đầy đủ duyên nhập Định, lực nhớ lại của Văn Thù là lực không rời bỏ Thiện hữu của Thiện Tài, thâm nhiếp quốc độ từ Cảnh làm đề mục, xoay chuyển duy trì từ Trí làm tên gọi, bởi vì thâm nhiếp quốc độ ấy tùy theo Trí của mình mà chuyển, hàm chứa thâm nhiếp tổng trì mà làm tên gọi. b) Từ “Nhập dĩ...” trở xuống là trình bày về tướng nghiệp dụng vô ngại của pháp giới, trong đó: Một là trong thân hiện rõ Phật, nhân quả thật báo của ba loại thế gian; hai từ “Hoặc ư nhất sát...” trở xuống là trình bày về hiện rõ tám tướng của Phật quyền biến hóa hiện thâm nhiếp chúng sinh. c) Từ “Thiện Tài tất

văn...” trở xuống trình bày về Thiện Tài tiến vào pháp giới trước đây nghe pháp mà Phật trong thân ấy đã thuyết, lại thấy thân lực... của Phật trong thân ấy.

Trong phần hai từ “Nhĩ thời Giải Thoát...” trở xuống là trình bày về xuất Định nêu rõ cho biết, cũng có ba: a) Nêu ra Thể của pháp môn; b) Chính thức phân rõ về nghiệp dụng; c) Khuyến khích tu tập khiến cho tiến vào.

Trong phần a, Vô ngại có bốn nghĩa: Một là mỗi một Như Lai đều có đủ tất cả trang nghiêm vô ngại; hai là mỗi một Như Lai khắp nơi vô ngại lẫn nhau; ba là tất cả Như Lai trang nghiêm thấy đều hòa vào trong thân Trưởng giả này; bốn là Trưởng giả nhìn thấy thấu suốt Phật hải khắp mười phương. Văn này có đủ bốn cho nên nói là Vô ngại.

Trong phần b từ “Đắc thử pháp môn...” trở xuống là chính thức hiển bày về nghiệp dụng, có bốn:

Một là sơ lược nhìn thấy mười phương, mỗi một phương có vô số quốc độ của Phật.

Hai từ “Nhược dục kiến an lạc...” trở xuống là tùy tâm mở rộng nhìn thấy tất cả chư Phật, đều là Phật không đến nơi này mà khiến cho nhìn thấy nơi này, nơi này không đi đến nơi kia mà thường nhìn thấy nơi kia, vô ngại như vậy.

Ba từ “Tri nhất thiết...” trở xuống là trong phần giải thích về nguyên do thấy biết mà không qua lại: Trước là nêu ra, sau là giải thích. Có năm cặp: 1) Một cặp nêu ra sau đó giải thích. Vì sao không có nơi nào qua lại? Bởi vì có thể nhìn thấy và đã nhìn thấy đều ở trong mộng, đều không có tự Thể, đầu hề có đến đi, bởi vì mộng không xứ sở. Đây là giải thích dựa theo Thể. 2) Trong cặp như ánh chớp..., dựa theo Đại Dụng của Phật có bốn loại nghĩa: a) Chiếu vào nước hiện rõ bóng, bởi vì ứng với căn cơ; b) Phá tan tâm tối nhìn thấy đạo, bởi vì diệt trừ chướng ngại của chúng sinh; c) Không thể nắm giữ, bởi vì lìa xa tướng vô ngại; d) Mau chóng diệt đi không dừng lại, bởi vì không phải thế gian thâm nhiếp. Nước tâm lặng trong có thể hiện rõ cảnh tượng ấy, nước cũng không đi, ánh chớp cũng không đến, mà tất cả cảnh tượng đều hiện rõ. 3) Trong cặp như huyễn, bởi vì tâm huyễn vô ngại cho nên có thể hiện rõ Phật huyễn vô ngại, ở trong thân huyễn hiện rõ nhiều Phật huyễn, không có gì chướng ngại. Đây là nghĩa của tự tại trong môn Duyên khởi dựa vào nhau, tư duy dựa theo đó. 4) Trong cặp như tiếng vang giải thích về nghe âm thanh thuyết pháp... của Phật trước đây. Từ “Như thị tri...” trở xuống là kết luận về nhận biết, chứng nhập cho nên

được tự tại.

Bốn từ “Thiện nam tử đương tri...” trở xuống là tổng quát kết luận, những việc làm đều do tự tâm, bởi vì cảnh giới chư Phật đầy khắp tất cả, nhưng do tâm cấu nhiễm hướng về mà không nhìn thấy, nếu tu sửa tự tâm khiến cho lìa xa chướng-đạt được Định thì cảnh giới chư Phật liền hiện rõ ngay nơi này.

Phần c từ “Thị cố thiện nam tử...” trở xuống là khuyến khích tu học pháp ấy, là trước đây đã nói do tự tâm mà đạt được. Khuyến khích dùng mười pháp để tu sửa tự tâm, đó là: 1) Dùng thiện nuôi lớn tâm; 2) Dùng pháp tưới thấm tâm; 3) Rèn luyện tâm đối với cảnh; 4) Dùng chịu khó thúc đẩy tâm; 5) Dùng Định thâm nhiếp tâm; 6) Dùng Trí gột rửa tâm; 7) Dùng Tuệ phản chiếu tâm; 8) Dùng pháp làm tâm thuần thực; 9) Tâm giống như quả Phật; 10) Mười Lực soi chiếu tâm. Sau là kết luận tôi chỉ có một pháp này, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến: Đầu là một câu tổng quát, tiếp là năm câu riêng biệt hiển bày về Thể vô ngại của hành, tiếp từ “Ưu nhất thiết chư phương...” trở xuống là trình bày về Dụng tự tại của hành. Nhưng các văn dựa vào mở rộng có hai loại: Một, Ngay ở trong pháp môn của tự mình lại có sâu xa vi tế, không phải mình có thể nhận biết, tức là như văn này và những phần vị trước. Hai, Mở rộng pháp môn thuộc chủng loại khác, không phải mình có thể nhận biết, như trong Trú thứ ba trước đây mở rộng về Bồ-tát giới... Các văn trên dưới đều dựa theo đây, nên biết. Phần vị thứ năm là Phương Tiện Cụ Túc Trú, xong.

Trong phần vị thứ sáu là Chánh Tâm Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước tên là Đảnh, đất nước này ở nơi bờ Nam cuối cùng của cõi Diêm-phù, cho nên nói là Đảnh, biểu thị cho cuối cùng vốn là Bát-nhã thứ sáu. Hải Tràng, Cổ nhân nói: “Định sâu thẳm như biển, Trí thù thắng như cột cao.” Lại giải thích: Định thân một mình vượt lên gọi là Tràng, nghiệp dụng nhiều loại nói là Hải. Trong phần lễ lạy cung kính-từ tạ rút lui có ca ngợi về đức, buồn khóc là bởi vì thương cho mình từ vô thủy không gặp được Thiện hữu, nay gặp được mà hiểu rõ nguồn tâm, lại chỉ ra môn Bát-nhã, cho nên mang nặng ân sâu.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào, đó là nghĩ đến pháp trước hướng về pháp sau. Trong nghĩ đến: Hai câu đầu là tổng quát. Mười câu sau là riêng biệt:

Một, Tuệ chủ động tiến vào; Hai, Lý đã chứng được; Ba, Đức đã thâm nhiếp; Bốn, Dụng đã phát khởi; tiếp là bốn câu nhận biết rõ ràng về sát hải; sau là hai câu về hạnh nguyện thọ trì. Đều là nghiệp dụng khó nhận biết của giải thoát, cùng gọi là Bất tư nghị. Sau dần dần tiến đến nơi tiếp phía sau.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi: Một, Nhìn thấy Y báo ấy rồi suy xét tìm tòi lựa chọn; Hai, Nhìn thấy Chánh báo an nhiên thiên định ở nơi vắng lặng.

Trong phần bốn, Từ “Tam-muội Chánh thọ...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới, trong đó có bảy: Một, Phân rõ về Thể của pháp; Hai, Nêu rõ nghiệp dụng của pháp giới; Ba, Khiến cho Thiện Tài quán sát chứng được pháp giới; Bốn, Xuất Định khen ngợi về đức; Năm, Hỏi đáp hiển bày tên gọi; Sáu, Hỏi đáp hiển bày về Dụng; Bảy, Kết luận chỉ biết một pháp.

Trong phần một: Thân an ổn không lay động, tâm vắng lặng không có cảm giác, bảy chuyển Thức đã ngừng, chỉ riêng Thức thứ tám duy trì thân, Định trước gia hạnh vốn là lực của thế nguyện, khiến cho từ Định thuộc thân khởi lên các nghiệp dụng. Nếu trong Viên giáo thì dung hòa thâm nhiếp pháp giới vốn tự tại vô ngại, nghiệp dụng không có phương hướng chưa từng khởi niệm.

Tổng quát có mười bốn môn: 1) Dưới chân xuất hiện các chúng như Trưởng giả..., trình bày về bắt đầu tu hành lấy bố thí làm đầu tiên. 2) Từ hai đầu gối xuất hiện Sát-lợi..., nói đầy đủ là Sát-đế-lợi. Sát, Trung Hoa nói là Thổ Điền; Đế-lợi, Trung Hoa nói là Chủ, tức là Vương chủng. Vương chủng dùng Phước để cảm hóa mọi người, Bà-la-môn dùng Trí để cảm hóa dẫn dắt. 3) Từ hông xuất hiện Tiên nhân, bởi vì phần nhiều đấm theo Đoạn-Thường, cho nên sinh ra hai bên; ở yên phía trên gây chống ba nhánh, cầm bình dùng để rửa sạch. Ngoại đạo ở Tây Vực phần nhiều cầm bình và gây chống này. 4) Bên sườn xuất hiện loài rồng. 5) Chũ Đức giữa ngực xuất hiện A-tu-la. 6) Lưng xuất hiện Nhị thừa, bởi vì trái với tướng chính diện của Đại thừa. Đây là tham lam tài sản của người, cho nên dùng Từ quán để đối trị; nóng giận vô tình đối với chúng sinh, cho nên khuyên dạy quán sát duyên khởi; là tà kiến ngu si, cho nên khuyên dạy khéo léo quán sát, Thể của pháp không có hai Ngã. 7) Vai xuất hiện Dạ-xoa. 8) Bụng xuất hiện Khẩn-na-la... 9) Miệng xuất hiện Luân vương. 10) Hai mắt xuất hiện mặt trời. 11) Giữa chạng mảy xuất hiện Đế Thích. 12) Trán xuất hiện Phạm vương. 13) Đầu xuất hiện Bồ-tát, dùng mười Ba-la-mật để giáo hóa chúng sinh. 14) Trên

đỉnh đầu xuất hiện Phật, trình bày về Cực quả tôn quý thù thắng.

Phần hai là nêu rõ nghiệp dụng của pháp giới, trong đó có hai: Đầu là mười hai phần vị thâm nhiếp chúng Bồ-tát, sau là hai mươi sự việc thâm nhiếp chúng tạp loại.

Trong phần đầu: 1) Pháp bình đẳng, là khiến cho Bồ-tát ở đạo tràng mau chóng thành tựu quả Phật, giống như các Cổ Phật. 2) Pháp phổ môn, là nhân vị đã đầy đủ khiến cho thâm nhiếp riêng biệt đưa về tổng quát. 3) Pháp phổ trang nghiêm, là đem pháp môn Quán đảnh tiếp nhận chức vị trang nghiêm khắp nơi trao cho Trú thứ chín, khiến cho tu học về pháp ấy. 4) Pháp kiên cố như núi, là bởi vì trong Trú thứ tám thành tựu Bất động lìa xa lỗi lầm của ba nghiệp, lại khiến cho không rời bỏ Bất động này mà tiến lên tiếp nhận thuyết pháp vô ngại thuộc Trú thứ chín, cho nên mới nói là kiên cố như núi. 5) Hải tạng, là đem Vô sinh tạng hải thuộc Trú thứ tám trao cho Trú thứ bảy, khiến cho tu học về pháp ấy. 6) Pháp phổ cảnh giới, là đem pháp khéo léo thuộc cảnh sở duyên rộng khắp trong Trú thứ bảy trao cho Trú thứ sáu, khiến cho tu học về pháp ấy. 7) Pháp âm thanh thuộc tự tánh của địa, là đem tự tánh khen-chê chỉ có ngôn ngữ âm thanh trong Trú thứ sáu trao cho Trú thứ năm, khiến cho tu học về pháp ấy. 8) Pháp tùy thuận thế gian, là khiến cho Trú thứ tư tiến lên tu tập về pháp của Trú thứ năm tùy theo như Ngũ Minh. 9) Pháp yếm ly, là khiến cho Trú thứ ba chán ngán lìa xa thế gian hướng về pháp xuất thế của Trú thứ tư. 10) Trưởng dưỡng pháp tạng, là khiến cho ở phần vị này thọ trì pháp Văn trì Đà-la-ni rất sâu xa của Trú thứ ba. 11) Pháp tinh tiến, là thúc đẩy sơ tâm này khiến cho tiếp tục tiến tu đến phần vị sau. 12) Tín hành, là Bồ-tát trong phần vị Tín trước Trú. Vì sao không nói Bồ-tát, là bởi vì không thành tựu phần vị, mà chỉ là Hành. Nói về pháp Vô tận, là khiến cho tu tập về hạnh Vô tận của Phổ Hiền.

Hỏi: Dựa vào văn này, Thập Trú đầy đủ về sau liền đến đạo tràng thành Phật mà không nói đến Thập Hạnh..., điều này thế nào?

Đáp: Đây là Thập Trú thuộc Phổ Hiền thâm nhiếp, các phần vị sau đều ở trong này, bởi vì hiển bày một phần vị tức là tất cả các phần vị, cho nên một phần vị đầy đủ về sau liền đến Phật Địa, như trước đây sau Thập Hạnh... thành Phật, ở đây cũng như vậy. Đây là môn dùng phần vị thâm nhiếp phần vị. Nếu dùng hạnh thâm nhiếp phần vị, thì Thập Tín đầy đủ tâm thành Phật, như phẩm Hiền Thủ nói. Đây là một con đường, không phải Viên giáo này thì nơi khác hoàn toàn không có, chính là quy phạm to lớn của Tông chỉ Nhất thừa.

Từ đây trở xuống là hai mươi môn, bởi vì chư Thiên đều là căn khí tiến vào pháp giới chứ không phải là pháp thế gian: 1) Bởi vì Sắc Cứu Cánh Thiên tuy là trường thọ nhưng cuối cùng có tận diệt, nay vì họ mà nói về pháp bình đẳng vô tận của Pháp thân. 2) Phạm Vương thuộc Thiên thứ nhất, có Từ mà không rộng khắp, vì họ mà nói về Đại Từ che phủ tất cả chúng sinh. 3) Tự Tại Thiên tuy là Đại lực trong thế gian mà cuối cùng vẫn diệt tận, vì họ mà nói về lực sinh ra thiện căn của Pháp thân. 4) Dựng lên cột cao Chánh pháp làm cho Tà tâm kia phải khuất phục, đây cũng là Tha Hóa Thiên thân nhiếp. 5) Hóa Lạc tự nghĩ rằng hóa làm nhạc cụ, vì họ mà nói về niệ thanh tịnh khiến cho nghĩ đến pháp môn. 6) Vì họ mà nói về ý thích thanh tịnh xuất thế gian, khiến cho họ xa rời tâm chấp thủ nhiễm ô. 7) Dạ-ma ưa thích niềm vui nhưng cuối cùng đều là Vô thường, vì họ mà nói về pháp hoan hỷ chân thật của xuất thế gian. 8) Họ đắm theo trang nghiêm hữu vi của Địa Cư, vì họ mà nói về tánh Không trang nghiêm của phước đức. 9) Khiến cho Dạ-xoa này rời bỏ ác tâm, bảo vệ mạng sống của chúng sinh, cho nên nói là hoan hỷ. 10) Chư Thiên quyến thuộc ấy mà không tự tại, vì họ mà nói về niềm vui của pháp xuất thế gian viên mãn chứ không hề thuộc nơi khác. 11) Đại lực của Tu-la bị chư Thiên làm cho khuất phục, vì họ mà nói về thân của Đại cảnh vật thuộc pháp xuất thế gian, không có gì có thể hơn được. 12) Chim cánh vàng kia tuy có Đại lực mà chỉ qua lại trong một thế giới, nay vì loài ấy mà nói về cánh vàng của Pháp thân che phủ vô lượng thế giới. 13) Khẩn-na-la tấu nhạc làm cho người ngu đắm theo không lợi ích gì, vì họ mà nói về lợi ích của Trí thù thắng xuất thế gian sinh ra làm cho mình và người đều vui thích. 14) Nhân vương vui thích đắm theo năm Dục của thế gian, vì họ mà nói về lỗi lầm của Dục gọi là không đáng vui thích. 15) Rồng có nỗi lo như cát nóng-chim cánh vàng..., vì loài Rồng mà nói về Vô ngã, khiến cho loài Rồng hoan hỷ. 16) Tánh ác của Ma-hầu-la-già, yêu thích nhân vắng lặng trong Sự, thì vì loài ấy mà nói về vắng lặng rất sâu xa. 17) Địa ngục khổ đau bức bách làm cho tâm hỗn loạn, vì địa ngục mà nói về pháp an tâm khiến cho đạt được Chánh niệ. 18) Nói về Trí đối trị si mê. 19) Diêm-la vương ở nơi có đủ khổ đau đáng sợ, nói pháp để trừ diệt, cho nên nói là Vô úy. 20) Ngạ quỷ đói khát thường mong mỏi xấu ác, nay nói pháp để cho vượt qua.

Từ “Tất linh chúng sinh...” trở xuống là kết luận về pháp đã nói trên đây, đều hướng về môn của Hiền Thánh xuất thế gian, trình bày về phát ra ánh sáng làm lợi ích, có thể biết.

Trong phần ba từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trình bày về Thiện Tài quán sát nhìn thấy đạt được pháp, có hai: 1) Quán sát thân của Tỳ-kheo trình bày về chứng pháp giới thuộc về Người. 2) Từ “Niệm bỉ Tam-muội...” trở xuống là chứng pháp giới thuộc về Pháp, trong đó có bốn câu: a) Nghĩ đến Thể của pháp ấy; b) Suy nghĩ về nghiệp dụng khó lường; c) Suy nghĩ về Đại Dụng sâu rộng ấy, nói Vô lượng là trình bày về mười bốn chỗ đã xuất hiện nhiều rộng trước đây, nói Vô tác là trình bày về không dấy lên công dụng, hiển bày về pháp rất sâu xa; d) Từ “Quán sát pháp giới...” trở xuống là trình bày nhân của pháp đã khởi lên, nghĩa là Trí trang nghiêm pháp giới là lực của nhân, dựa vào Phật trí... là lực của duyên. Xuất hiện Bồ-tát... hiện rõ những việc đã làm, trình bày về Thiện Tài đích thực đạt được căn bản của pháp ấy, cho nên nhận biết đầy đủ.

Trong phần bốn là xuất Định khen ngợi về đức, có hai: 1) Xuất Định là bởi vì việc làm lợi ích đã xong, sáu tháng-sáu ngày là Trú thứ sáu. 2) Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là trình bày trong lời lẽ ca ngợi về đức, trong đó có hai: a) Mười câu ca ngợi về Thể của Tam-muội sâu rộng đầy đủ đức; b) Từ “Đại Thánh kỳ hữu...” trở xuống là ca ngợi về nghiệp dụng, trong đó: Một là ca ngợi về cứu giúp ba nẻo-người-trời... trước đây; hai từ “Phát Bồ-đề...” trở xuống là ca ngợi về Dụng làm lợi ích cho Bồ-tát trước đây, nghĩa là từ Tín hạnh cuối cùng đến đạo tràng...

Phần năm là hỏi đáp hiển bày tên gọi. Trong đáp có ba tên gọi: 1) Tổng quát gọi là Pháp môn Phổ nhãn bình đẳng, bởi vì nhìn thấy pháp giới, không có chướng nào không hết gọi là Xả, không có lý nào không chứng gọi là Đắc; 2) Thanh tịnh Bát-nhã dựa theo Trí lìa xa chướng; 3) Thanh tịnh trang nghiêm dựa theo Cảnh chứng được đức. Từ “Thiện nam tử...” trở xuống là giải thích về nguyên do thiết lập, bởi vì đức này là phần vị Bát-nhã thứ sáu ấy.

Phần sáu từ “Đại Thánh...” trở xuống là hỏi đáp phân rõ về nghiệp dụng. Trong đáp có hai mươi ba câu: 1) Sáu câu trình bày về Khí thể gian tự tại; 2) Từ “Kiến nhất thiết Phật...” trở xuống là mười một câu trình bày về Trí chánh giác thể gian tự tại; 3) Từ “Đại Bi nhiếp...” trở xuống là trình bày về Chúng sinh thể gian tự tại.

Phần bảy là kết luận mình chỉ biết một pháp, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Một câu tổng quát mở rộng; Hai, Từ “Giai tất thâm nhập...” trở xuống là riêng biệt; Ba, Từ “Ngã thượng bất năng...” trở xuống là kết luận về

không thể nào nhận biết, bởi vì tích lũy hạnh mà thành tựu đức, hạnh hãy còn không nhận biết, huống là đức đã thành tựu hay sao? Phần vị thứ sáu là Chánh Tâm Trú, xong.

Trong phần vị thứ bảy là Bất Thối Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Một, Hải Triều là hiển bày về trú xứ riêng biệt, gần bên biển rộng mà sóng tràn đến, Xứ biểu thị cho phương tiện khéo léo của Trú thứ bảy dựa vào căn cơ mà Dụng không vượt quá giới hạn. Viên Lâm là các hành kiến lập nơi chốn dừng lại. Phổ Nghiêam là đức thù thắng trọn vẹn đầy đủ. Ưu-bà-di là tướng mạo Từ Bi. Hưu Xả, trong Trí Luận quyển thứ tám gọi là Hô-xả-la, đối chiếu bản văn Thiên Trúc gọi là A-hàm, Trung Hoa phiên ra gọi là Ý Lạc, cũng gọi là Mãn Nguyên, bởi vì có thể làm thỏa mãn tất cả mong ước của chúng sinh. Hai, Khuyến khích hưởng đến chỉ dạy thưa hỏi. Ba, Từ “Thời Thiện Tài...” trở xuống là vui mừng mình đã đạt được, lễ lạy cung kính từ tạ rút lui.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài chánh niệm...” trở xuống là trình bày y theo lời dạy hướng đến tiến vào, trong đó có hai: Một, Cung kính nghĩ đến pháp của người; Hai, Từ “Hựu tác thị niệm...” trở xuống là nhìn thấy đức thù thắng ấy tự mình dần dần đi đến.

Phần ba, Từ “Chí Hải Triều...” trở xuống là trình bày gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, trong đó có bốn: Một, Nhìn thấy Y báo; Hai, Nhìn thấy Chánh báo; Ba, Lễ lạy cung kính; Bốn, Trình bày thưa thỉnh.

Trong phần một có mười ba sự việc trang nghiêm vườn rừng này: 1) Tường vách bằng vật báu; 2) Cây và hoa; 3) Nhà lớn; 4) Lầu đài; 5) Điện thờ; 6) Hồ ao; 7) Có cung điện lớn; 8) Trong điện thờ có mười loại tòa ngồi; 9) Màn trướng quý báu che phủ tòa ngồi; 10) Lưới giăng quý báu che phủ màn trướng; 11) Ánh sáng rực rỡ soi chiếu khắp nơi; 12) Có mười loại làn chớp; 13) Trăm loại mây trang nghiêm.

Phần hai từ “Nhĩ thời Ưu-bà-di...” trở xuống là phân rõ về Chánh báo trang nghiêm, trong đó có ba: 1) Đức thù thắng trang nghiêm thân; Cát-do-la, Trung Hoa nói là Tí Ấn, tức là trang nghiêm. 2) Quyển thuộc vây tròn xung quanh. 3) Từ “Kỳ hữu kiến...” trở xuống là trình bày về lợi ích chúng sinh không trống rỗng.

Phần ba từ “Nhĩ thời...” trở xuống là trình bày Thiện Tài chính thức lễ lạy cung kính.

Phần bốn từ “Bạch ngôn...” trở xuống trình bày thưa thỉnh, có thể biết.



Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là chính thức nêu rõ pháp giới, trong đó có bốn: Một, Nêu ra Thể-Dụng của pháp môn; Hai, Trình bày về nhân duyên dày-mỏng; Ba, Đến quả xa-gần; Bốn, Hiển bày về tên gọi của pháp môn.

Trong phần một có bốn: a) Một câu nêu ra Thể của pháp môn; b) Từ “Nhược kiến văn...” trở xuống là trình bày về Dụng thù thắng của pháp môn; c) Từ “Đông phương...” trở xuống là hiển bày về lợi ích gặp được Phật; d) Từ “Ngã thử Đại chúng...” trở xuống là trình bày thành tựu về hạnh quyển thuộc.

Trong phần hai là nhân đời trước dày-mỏng: Trước là hỏi, sau là đáp. Trong đáp có hai: a) Nêu ra chư Phật đã hầu hạ ở quá khứ, nơi tám hằng hà sa Đức Phật trong Niết-bàn, trong phần vị này nhiều hơn số lượng ấy; b) Từ “Liễu tri...” trở xuống có mười câu trình bày về hạnh đức thuộc pháp giới đã thành tựu.

Trong phần ba là đến quả xa-gần, cũng trước là hỏi-sau là đáp. Trong đáp có ba: a) Không vì phạm vi giới hạn mà phát tâm; b) Từ “Dục giáo hóa nhất thiết...” trở xuống là chính thức vì việc làm không có phạm vi giới hạn mà phát tâm, trong đó tất cả có tướng của mười bốn sự việc, vượt qua có thể biết; c) Từ “Thị cố...” trở xuống là kết luận về tự mình tu hành, không có phạm vi giới hạn cho nên không phân rõ về hạn kỳ thành Phật của tự mình.

Hỏi: Nếu như vậy thì lẽ nào có thể không thành tựu hay sao?

Đáp: Bồ-tát Xiển-đề vốn cũng không thành tựu, chúng sinh cần phải thành tựu vốn cũng hiện rõ thành tựu, hướng về lý tự chứng vốn không có thành tựu hay không thành tựu.

Trong phần bốn là hiển bày về tên gọi của pháp: Trước là hỏi, sau là đáp. Nói Ly ưu an ổn tràng, là Đại tâm nhiều kiếp gặp phải khổ đau không hề lo buồn, thành tựu tu chánh hạnh an ổn không hề mệt mỏi, Đại chí một mình vượt lên, cho nên nói là Tràng. Bản văn Thiên Trúc gọi là Vô ưu kiến lập tràng. Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về mình, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có hai: Một, Một câu tổng quát nêu ra; Hai, Từ “Chư Bồ-tát tâm...” trở xuống có chín câu riêng biệt hiển bày về hạnh đức, từ “Ngã đương...” trở xuống là tổng quát kết luận. Phần vị thứ bảy là Bất Thối Trú, xong.

Trong phần vị thứ tám là Đồng Chân Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Một, Đất nước

tên gọi Hải Triều, tuy biển nổi lên sóng tràn mà không có thêm bớt, biểu thị cho phần vị này đạt được pháp giới không có tăng giảm. Lại chứng lý dấy khởi Bi như biển nổi lên sóng tràn. Giống như Xứ trước đây là biểu thị cho Trú thứ bảy trở lên cùng là Bồ-tát. Tiên nhân là biểu thị cho tướng mạo thanh khiết của Đồng Chân Trú thứ tám, lại biểu thị cho chỉ thuần vô lậu, lại biểu thị cho chỉ riêng thân Biến dịch, giống như Địa thứ tám... Tỳ-mục-đa-la, bản văn Thiên Trúc gọi là Tỳ-mục-đa-la Niết-cụ-sa, Trung Hoa phiên ra tên gọi Tối Thượng Vô Khủng Bồ Thanh. Văn trước ở phần ca ngợi Đức Phật, nói dùng âm vi diệu của Nhất-thiết-trí an ủi vô biên chúng sinh giới, Trung Hoa gọi là Đắc. Hai, Ca ngợi về đức, khuyến khích hưởng đến, chỉ dạy thưa hỏi, có thể biết. Ba, Trong phần Thiện Tài đội ân cung kính từ tạ, có mười một câu: Một câu đầu là tổng quát. Mười câu còn lại là riêng biệt: 1) Thiện hữu chân thật Đại thừa tạm thời gặp được cũng khó. 2) Hướng gì được cư trú với nhau một thời gian dài. Đây là hai Thiện hữu khó mà gặp được. 3) Tuy gặp được Thiện hữu khó gặp được, nhưng nếu tự mình không có căn khí Đại thừa thì cũng không thành tựu, cho nên nói là khó có được căn khí Bồ-tát. 4) Tuy có được căn khí, nhưng phát khởi chân tâm chánh trực này cũng khó. 5) Tuy có đủ nhân này, nhưng có được Thiện tri thức làm bạn cùng hạnh-cùng nguyện cũng lại càng khó. Đây là ba pháp khí khó phân rõ. 6) Đích thực đạt được Pháp thân khó chứng. 7) Đích thực thuyết giảng Pháp thân khó nghe. Đây là nghĩa về hai pháp khó đạt được. 8) Khó phát sinh Đại tâm. 9) Khó cầu Trí của quả. 10) Khó tăng thêm Đại hạnh. Đây là ba tâm hạnh khó có đủ.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Một, Nghĩ đến pháp trước đây: Câu đầu là tổng quát; từ “Tâm năng trưởng dưỡng...” trở xuống là mười câu riêng biệt hiển bày về pháp đã nghĩ đến, đều nói đến công năng của tâm, là nếu tâm thanh tịnh thì không có hạnh nào không thành tựu, vì thế cho nên thuận theo lời dạy nghĩ đến công năng của tâm pháp: Đầu là hai tâm làm duyên của hạnh, tiếp là hai tâm có thể phát khởi hạnh, tiếp là hai tâm có thể thâm nhiếp về pháp, tiếp là hai tâm có thể thành tựu Định-Tuệ, sau cuối là hai tâm có thể trừ chướng. Hai, Từ “Tiệm du...” trở xuống là chính thức hướng đến phần vị sau để suy xét tìm tòi lựa chọn.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có năm: Một, Nhìn thấy Y báo. Hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài kiến bỉ...” trở xuống là trình bày về nhìn thấy Chánh báo, áo vỏ cây... là trình bày về tướng của thiếu dục. Ba, Trong lễ lạy cung kính thì năm vóc gieo xuống sát đất vô cùng

cung kính. Bốn, Từ “Niệm thiện tri thức...” trở xuống có mười câu khởi lên ý nghĩ thù thắng, năm câu đầu là nghĩ đến vị ấy có thể làm nhân của thành tựu quả, năm câu sau là nghĩ đến Bi-Trí của vị ấy khéo léo vận dụng mà hóa độ. Năm, Từ “Tác thị niệm...” trở xuống là cung kính đi vòng quanh trình bày thưa thỉnh.

Trong phần bốn, Từ “Thời bỉ Tiên nhân...” trở xuống là trình bày về nêu rõ pháp giới, có hai: Một, Khen ngợi phát tâm mà trao cho pháp phương tiện, trong đó có ba: 1) Tiên nhân khen ngợi có mười câu, trình bày về do Đại chí mà làm thành đức của Thiện Tài; 2) Quyển thuộc cúng dường lễ lạy ca ngợi cũng có mười câu, trình bày về Thiện Tài làm nhiều lợi ích cho chúng sinh; 3) Từ “Thời bỉ Tiên cáo đại chúng...” trở xuống là kết luận khen ngợi về Đại tâm sẽ thành tựu Đại quả. Hai, Từ “Cáo Thiện Tài...” trở xuống là chính thức giảng dạy về pháp giới, trong đó có bốn: 1) Nêu ra Thể của tên gọi pháp môn, bởi vì trong phần vị này biểu thị cho công dụng cao vượt ra cho nên nói là Tràng, nhưng không bị tướng của phiền não làm lay động cho nên nói là Vô Hoại. Trí tuệ là Thể của pháp ấy, vì vậy bản văn Thiên Trúc gọi là Vô Năng Thắng Tràng Bồ-tát Giải Thoát. Lại tác dụng Định-Tuệ của Tiên nhân này thù thắng vượt ra không ngưng trệ, cho nên lấy làm tên gọi. 2) Trong phân rõ về nghiệp dụng: Trước là cảnh giới trong thưa hỏi, là thưa hỏi về phạm vi giới hạn của nghiệp dụng ấy; sau từ “Tắc thân hữu thủ...” trở xuống nêu ra Dụng để đáp ngay. Xoa đầu nắm tay là tướng của gia trì, trong đó có ba: a) Tiến vào nơi rộng rãi thấy Phật, nghe pháp để tu Đại hạnh; b) Từ “Hoặc tự kiến...” trở xuống là tiếp tục trải qua một thời gian dài để tu Thắng hạnh; c) Trình bày về tướng đạt được lợi ích của pháp môn soi chiếu có mười câu-năm cặp, một cặp đầu là tổng quát, bốn cặp sau là riêng biệt. Chủ động soi chiếu đều là nghĩa khác của Vô Hoại Tràng; nhờ vào soi chiếu mà đạt được, đều là đức khác của Minh Tịnh Tạng. Bởi vì Minh Tịnh này, bản Phạm gọi là Tỳ-lô-giá-na Tạng, cho nên thâm nhiếp đầy đủ. 3) Từ “Phóng thủ...” trở xuống là trình bày ngừng Dụng trở về ban đầu. Buông tay là khiến cho ra khỏi quán ấy. Trở về ở nơi chốn ban đầu, là không rời khỏi nơi này mà nhìn thấy mười phương. Nơi chốn đã trở về ban đầu, thời gian cũng chưa trải qua một ngày. Vì vậy ở trong một thời gian-một nơi chốn, nhanh chóng tu thành tựu về hạnh đã thành tựu nhiều kiếp khắp mười phương, đều là lực thuộc pháp môn Viên giáo của Thiện hữu. Vì vậy Thiện Tài trong một đời đạt đến phần vị cứu cánh, là nhờ vào những điều này. Văn sau nói tất cả chư Phật tu trong Vô lượng kiếp, Thiện Tài trong một đời đều đạt

được, là cũng từ đó. Vì vậy trong phần vị Phổ Hiền, hoặc là tu trải qua Vô lượng Bất khả thuyết kiếp chứ không phải chỉ là ba Tăng-kỳ. Như pháp lực gia trì đã trải qua thời kiếp, hoặc là một đời-một niệm như thời gian ban đầu..., đều không có giới hạn nhất định, có thể dựa theo thông hiểu điều đó. Ông nhớ lại, là hỏi về sự việc trong quán. Vâng không sai, là đích thực ghi nhớ không quên. Lực của Tri thức, là phần vị thù thắng gia trì, hiển bày không phải Tự lực, là đáp về nguyên do. 4) Từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về sự nhận biết của mình, trình bày trao cho pháp đã hết, vốn không còn gì luyến tiếc để lại.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Tổng quát mở rộng. Hai, Từ “Chư Đại Bồ-tát...” trở xuống là riêng biệt, Luân tự tại đối với tất cả mọi lúc, Cổ nhân nói: “Ba Luân tự tại đối với tất cả mọi thời cơ. Lại có thể xoay chuyển tự tại đối với tất cả mọi thời kiếp, cho nên nói là Luân.” Ba, Từ “Ngã khởi năng...” trở xuống là kết luận về không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ tám là Đồng Chân Trú, xong.

Trong phần vị thứ chín là Pháp Vương Tử Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Đất nước tên gọi Tiến Cầu, là tương trái với đạo, mọi người đều rời bỏ đã trở thành tác dụng thuận theo, vì vậy khiến cho tiến tới cầu tìm. Lại ở phần vị trái với đạo, không nên lãnh đạm, vì vậy lấy làm tên gọi. Dựa vào bản văn Thiên Trúc gọi là Y-xá-na, Trung Hoa nói là Khoáng Dã, cũng gọi là Hy Cầu. Bà-la-môn là Phạm Chí tịnh hạnh. Phương Tiện Mạng là tùy theo sự việc dùng phương tiện làm mạng, vì vậy dao-lửa không thể nào làm hại. Lại dao-lửa trái với đạo mà làm phương tiện, Chánh hạnh nối tiếp nhau cho nên gọi là Mạng, bản văn Thiên Trúc là Dã Nhân.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào, cũng có hai: Một, Nghĩ đến pháp trước đây; Hai, Dẫn dắt... là hướng về sau. Những pháp này cũng có thể toàn bộ thuộc về phần vị trước, đó là: 1) Gặp gỡ rồi cung kính trình bày thưa thỉnh, là gần gũi Thiện tri thức. 2) Nói cho biết rằng..., toàn bộ là lắng nghe Chánh pháp. 3) Nghĩ đến pháp môn trước đây, là lắng lòng tư duy. 4) Tiến đến nơi phía sau, là như thuyết tu hành. Vì thế cho nên tổng quát trở thành bốn hạnh thân cận.

Trong phần một là nghĩ đến pháp trước đây, có bốn: a) Nghĩ đến nhờ vào Vô Hoại Tràng soi chiếu mà đạt được các pháp như Tam-muội... trước đây, trong đó Thanh văn Nhẫn là Nhân Không, Vô sinh

Nhẫn là Pháp Không. Thiện Tài ở nơi này đạt được Vô sinh Nhẫn, bởi vì là lợi ích của phần vị Trú thứ tám trước đây, cho nên giống như Địa thứ tám. b) Từ “Thường hành Bồ-tát hạnh...” trở xuống là nghĩ đến hạnh thù thắng đã đi qua mà thành tựu của chư Phật trước đây. c) Từ “Ư nhất niệm khoảnh...” trở xuống là nghĩ đến hạnh đi qua các sát hải trước đây. d) Từ “Hựu tri vô lượng...” trở xuống là nghĩ đến hạnh giáo hóa chúng sinh của chư Phật đã nhìn thấy trước đây. Ngay nơi các văn này, thành tựu lợi ích đều thuộc về pháp môn ghi nhớ giữ gìn này, làm cho thuần thực trong sáng, chứng thực lĩnh hội cứu cánh.

Phần hai là đến nơi, có thể biết.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có ba: Một, Nhìn thấy tướng khổ hạnh; Hai, Lễ lạy; Ba, Thưa hỏi.

Trong phần một: Bốn phía là đồng lửa, Pháp sư Chánh nói: “Bốn Vô ngại trí có thể đốt cháy củi phiền não.” Núi dao, là thật sự không có phân biệt mà sinh ra hiểu biết hư vọng. Từ trên núi dao tự mình lao xuống đồng lửa, là gia hạnh tương ứng, ý nói không có duyên phân biệt, Chân hướng về Chứng, Chân hiển bày mà Vọng diệt đi. Lại giải thích: Đồng lửa là Căn bản Bát-nhã, Trí Luận nói: “Bát-nhã Ba-la-mật giống như đồng lửa lớn, bốn phía không thể nào chạm vào, xa lìa đối với bốn câu phân biệt.” Giải thích rằng: Lửa trí này có bốn nghĩa: 1) Đốt cháy củi phiền não; 2) Phá trừ bóng tối Vô minh; 3) Thành thực thiện căn; 4) Soi chiếu hiện rõ Chứng lý. Núi dao là bởi vì Trí gia hạnh hướng về Chứng nhanh nhạy sắc bén. Cao vút là bởi vì không phải lập tức Chánh Chứng. Lao xuống là bởi vì từ nơi ấy tiến vào nơi này. Lại dao là Đoạn đức, bởi vì không có chướng nào không cắt đứt; lửa là Trí đức, bởi vì không có lý nào không soi chiếu. Lao xuống là chướng hết mà chứng lý. Đồng lửa-núi dao này tức là pháp môn, lại không có biểu thị gì khác. Nếu như vậy thì vì sao có tướng của lửa và dao? Giải thích rằng dựa vào tướng này tức là nhận biết về pháp môn, rất khó hiểu là ý văn này. Lễ lạy cung kính-trình bày thưa thỉnh, có thể biết.

Trong phần bốn, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ về pháp giới, có sáu: Một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập; Hai, Từ “Thiện Tài tác như nhị niệm...” trở xuống là đối với điều này sinh lòng nghi ngờ; Ba, Từ “Tác thị niệm thời...” trở xuống là Bồ-tát trở lại khuyến khích; Bốn, Từ “Đồng tử văn kỳ đặc...” trở xuống là trừ bỏ nghi ngờ hối hận về sai lầm của mình; Năm, Từ “Tức đăng đao sơn...” trở xuống là như lời nói mà tu hành chính thức chứng được pháp giới; Sáu, Từ “Ngã duy thành thử...” trở xuống là kết luận về mình chỉ nhận biết một pháp này.

Ngay trong phần một: Nói nếu có thể bước lên núi đao, đi vào đồng lửa, là khuyến khích Thiện Tài rời bỏ phân biệt tiến vào chính thức chứng được pháp giới. Hạnh thanh tịnh của Bồ-tát, là phân biệt không còn mà thanh tịnh là xa chướng, chứng được pháp giới mà thành tựu hạnh của Bồ-tát. Vì sao cần phải dùng pháp như vậy để khuyến khích? Bởi vì phá bỏ kiến chấp ấy, khiến cho hiểu rõ về pháp sâu kín của Bồ-tát, tướng thuận dễ hiểu, tướng nghịch khó biết, vì vậy khiến cho nhận biết. Như vậy trái với đạo, trong văn trên-dưới tổng quát có ba loại: 1) Phần vị này giống như tà kiến; 2) Mãn Túc Vương giống như nóng giận; 3) Bà Tu Mật giống như tham ái. Vì thế cho nên tướng của ba Độc đều có Chánh pháp. Nhưng có bốn nghĩa: Một, Bởi vì ngay nơi tướng tức là Không, kinh Chư Pháp Vô Hành nói: “Tham dục tức là đạo, nóng giận-ngu si cũng như vậy, ở trong ba sự việc này, có vô lượng Phật pháp.” Giải thích rằng: Đây là dựa theo tức Không là Phật pháp, không phải nói rằng ba sự việc này tức là Phật pháp. Hai, Dựa theo khéo léo thâm nhiếp chúng sinh mà nói là Phật pháp, không phải nói rằng ba sự việc này tức là Phật pháp, như Tịnh Danh nói: “Trước hết dùng móc câu của Dục để dẫn dắt, sau là khiến cho tiến vào Phật trí...” Ba, Dựa theo giữ lại phiền não tưới thấm làm cho đạo Bồ-tát sinh trưởng mà nói có Phật pháp, không phải nói rằng ba sự việc này tức là Phật pháp, như Tịnh Danh nói: “Tất cả phiền não đều là chủng tử của Như Lai.” Bốn, Dựa theo ngay nơi tướng tức là không giống như ba nghĩa trước, nghĩa này rất khó hiểu, bởi vì không thể nghĩ bàn, chính là như văn này.

Trong phần hai là sinh lòng nghi ngờ: Đầu là mười hai câu nghi đến đang đạt được mà sinh lòng nghi ngờ, bởi vì sợ rằng làm hỏng duyên của đạo, mất đi Chánh hạnh; sau từ “Thử tương phi...” trở xuống là nghi đến sẽ đạt được mà sinh lòng nghi ngờ, bởi vì làm hỏng điều mình phải đạt được, không để cho đạt được. Bồ-tát xấu xa, thật sự là ác ma mà giả dối hiện làm Bồ-tát. Lại là Bồ-tát sơ tâm đã lui sụt tâm ban đầu, mong muốn ganh ghét làm hại gọi là Bồ-tát xấu xa, như Bồ-tát lừa, Bồ-tát chớ...

Trong phần ba là trở lại khuyến khích, có ba: 1) Phạm Thiên ở cõi Sắc khuyến khích; 2) Sáu trời ở cõi Dục khuyến khích; 3) Tám bộ Long thần khuyến khích.

Trong mục một có ba: a) Nói cho Thiện Tài biết đừng dấy lên ý nghĩ này, là tổng quát khuyến khích đừng nghi ngờ; b) Riêng biệt ca ngợi về đức của chủ ý nương thân; c) Từ “Thời chư Phạm Thiên...” trở xuống là trình bày về đức nhờ vào Thần thông này mà giáo hóa thâm

nhiếp chúng sinh. Bốn chủng đạo là bốn đạo thuộc Vô ngại trí.

Trong mục hai: Sáu trời như một vạn ma, một vạn chư Thiên là trời Dạ-xoa, và bốn trời như Đạo-lợi... cùng nói. Mạn-đà-la hoa..., là hoa trắng lớn nhỏ. Rong Y-na Bàn-na, Y-na là cây, Bàn-na là lá, bởi vì quá khư làm hỏng cây lá, cho nên đọa vào trong loài rong, thiết lập tên gọi này. Nan-đà... gọi là Hoan Hỷ, loài rong vô cùng hoan hỷ. Những sự khuyến khích còn lại có thể biết.

Trong phần bốn là trừ bỏ nghi ngờ hối hận về sai lầm của mình, có ba: 1) Khởi tâm chân thật; 2) Lễ lạy tạ lỗi hối hận về sai lầm của mình; 3) Nói kệ tiếp nhận sám hối giảng giải khuyến bảo. Thiện Tài là bậc Đại nhân, vì sao nghi ngờ, bởi vì tướng là trái với đạo, lý cần phải nghi ngờ; nếu không như vậy thì không thể xét kỹ để phân biệt tà-chánh. Vì sao khuyến khích, bởi vì hiển bày rõ ràng về thật đức; nếu không như vậy thì cũng không thể lựa chọn được thật-giả. Vì thế cho nên nghi ngờ mà cự tuyệt tướng Tà của vị ấy, khuyến khích mà tiếp nhận Thật đức của vị ấy.

Hỏi: Nếu là ma vương làm ra điều này, thì lẽ nào cũng không có thể hiện rõ khuyến khích như vậy hay sao?

Đáp: Cũng như Thiện tri thức trước đây chỉ ra người này, hẳn nhiên không phải sai lầm, huống gì Chánh thuyết trong khuyến khích không phải là năng lực của ma, Thiện Tài đã có được ánh mắt vượt lên trên ma, lẽ nào không nhìn thấy điều đó hay sao? Nếu như vậy thì biết không phải là ma, vì sao sinh lòng nghi ngờ? Bởi vì cảnh của Đại Bồ-tát cho nên chưa có thể nhận biết; bởi vì pháp cần phải nghi ngờ, như trước đã nói.

Trong kệ: Đầu là một kệ khuyến khích thuận theo lời dạy trừ bỏ chướng ngại, sau là một kệ khuyến khích tu nhân đạt được quả.

Trong phần năm là như lời nói mà tu hành, có ba: 1) Đạt được Tam-muội An Trú, là Định thuộc gia hạnh, nghĩa là Trí không còn tán động, dùng dao thuận theo cắt đứt, trái với điều này vốn là an trú. 2) Đã đến, là đến phần vị Chánh Chứng, tịch tĩnh là Lý đã chứng, an lạc là Trí chủ động chứng, soi chiếu rõ ràng là Chứng tương ưng, cũng là phá tan Vô minh. Đi vào lửa thuận theo đốt cháy khổ, trái với điều này vốn là tịch tĩnh an lạc. 3) Thừa rằng, là trong phần trình bày Hậu đắc trí thuyết về Chứng, tiếp xúc với sự việc là Chứng được Trí cùng với Lý dung thông, cho nên nói là vui sướng.

Phần sáu từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về tên gọi, Vô tận là Trí dựa vào Đại Định soi chiếu khắp nơi pháp giới mà nói. Lại Dụng

trái với đạo rộng khắp pháp giới, cho nên nói là Vô tận. Bản văn Thiên Trúc gọi là Đắc Phổ Nhiếp Đạo Tràng Bồ-tát Giải Thoát. Giải thích rằng: Thâu nhiếp rộng khắp các thế giới chúng sinh vô tận, như hiển bày trong phần trở lại khuyến khích trước đây; đều khiến cho hướng đến quả Phật, cho nên nói là Đạo tràng. Bản tiếng Phạm gọi là Tỳ-mục-xoa, Trung Hoa nói là Giải Thoát, xưa phiên ra gọi là Pháp Môn, chỉ dựa vào đạt được Xuất Ly gọi là Môn, thì ở đây cũng gọi là Giải Thoát, cũng có nghiệp dụng tự tại, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Minh Tịnh Pháp Vương... là một câu tổng quát; Hai, Từ “Mãn túc...” trở xuống là riêng biệt; Ba, Từ “Như thị đẳng...” trở xuống là kết luận, mở rộng có thể biết. Phần vị thứ chín là Pháp Vương Tử Trú, xong.

Trong phần vị thứ mười là Quán Đảnh Trú, có năm phần giống như trước:

Trong phần một, Nêu ra pháp khuyến khích tu tập: Kinh thành tên gọi Sư Tử Phấn Tấn, đó là tướng thuộc đức dụng tự tại của Tam-muội. Đồng nữ là tướng thuộc lia nhiễm trình khiết của phần vị đầy đủ. Di-đa-la-ni, Trung Hoa nói là Từ Nữ, nghĩa là Trí đức bên trong tròn vẹn-Từ tướng bên ngoài nổi bật mà gọi tên. Bản văn Thiên Trúc gọi là Di-đa-la Diễn-na, Trung Hoa nói là Từ Cứu Vật. Bản văn ấy cũng nói cha của người nữ này tên gọi Sư Tử Tràng, tức là Vương Nữ, bởi vì phần vị đầy đủ.

Trong phần hai, Từ “Nhĩ thời Thiện Tài...” trở xuống là y theo lời dạy hướng đến tiến vào: Trước là nghĩ đến pháp trước đây, sau là đến nơi chốn tiếp sau.

Trong phần trước: Một, Trong phần nghĩ đến cảnh thuộc Tự phần, quán sát về phạm vi chân thật...; Hai, Từ “Quyết định liễu tri Phật...” trở xuống trình bày trong phần nghĩ đến Thắng tiến, pháp thuộc quả... dần dần đến nơi chốn tiếp sau, có thể biết.

Trong phần ba, Gặp gỡ rồi cung kính thưa hỏi, có năm: Một, Mở rộng thưa hỏi; Hai, Chỉ ra rõ ràng; Ba, Tiến vào nhìn thấy Y-Chánh thù thắng, sắc vàng là tướng mạo đáng quý, phần vị đầy đủ hiện bày rõ ràng; bốn-Lễ lạ cung kính; Năm, Trình bày thưa thỉnh, có thể biết.

Trong phần tư, Từ “Đáp ngôn...” trở xuống là nêu rõ về pháp giới, có bốn: Một, Nêu ra pháp khiến cho quán sát; Hai, Quán sát rồi hiển bày tên gọi; Ba, Phân rõ về nghiệp dụng của pháp; Bốn, Kết luận về mình chỉ nhận biết một pháp này.

Trong phần một có ba: a) Một câu đầu nêu ra pháp khuyến khích



quán sát, tức là nghiệp dụng tự tại dựa vào pháp giới; b) Từ “Kiến nhất nhất...” trở xuống là trình bày về chính thức quán sát chứng được pháp giới, tóm lược phân rõ về mười câu, mỗi một câu thì Lý thật vô biên. Văn sau nói lỗ chân lông của Phổ Hiền hiện rõ trần sát... tức là Chánh báo hiện rõ Y báo, trong phần này thì Y báo hiện rõ Chánh báo, đều vốn là pháp giới tự tại vô ngại. Lại đây cũng là trong Khí thế gian hiện rõ Trí chánh giác, cũng là trong phần vị của Nhân hiện rõ pháp của Quả, cũng là trong Thể hiện rõ Dụng, có Pháp-Dụng và Hợp. c) Từ “Giai thị bỉ nữ...” trở xuống là kết luận Pháp thuộc về Người, cũng là kết luận Quả nhờ vào Nhân.

Phần hai từ “Nhĩ thời Thiện Tài chánh niệm...” trở xuống là hiển bày về tên gọi của pháp môn: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trong đáp: Tên gọi Bát-nhã, là phần vị Trú thứ mười vốn đầy đủ Trí độ, tức là Trí tự tại dựa vào pháp giới. Phổ trang nghiêm, là dựa vào Trí phát khởi Dụng, có đủ đức tròn đầy, như nơi Pháp Vân hiển bày là sự việc ấy. Các Như Lai ấy dùng pháp môn khác nhau khiến cho tôi tiến vào, vốn là thâu nhiếp riêng biệt đưa về tổng quát, vốn là tất cả làm thành một, hiển bày về một rất sâu xa cho nên rộng nhiều.

Trong phần ba từ “Bạch ngôn...” trở xuống là phân rõ về nghiệp dụng: Trước là hỏi, sau là đáp.

Trong đáp có hai: 1) Đưa ra pháp tổng quát nêu rõ, lúc phát sinh bình đẳng là trình bày về tướng Chánh Chứng hợp thời, trình bày về đạt được Thể của pháp môn. Đạt được Phổ Môn... là tổng quát trình bày về nghiệp dụng đã đạt được, bởi vì trong này đạt được Đà-la-ni môn, Tam-ma-đề-địa môn dựa vào pháp giới; bởi vì cảnh và phần vị của Thập Trú-Thập Địa giống nhau, đạt được pháp cũng tương tự. 2) Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về pháp đã đạt được, trong đó tóm lược nêu ra, toàn bộ có 116 môn, phân ra làm mười phần vị: Một, Đầu là tám môn trình bày về Lý-Sự trì đã nhận biết; hai, Từ “Công đức...” trở xuống là mười môn trình bày về Hạnh trì; ba, Từ “Nghiệp Đà-la-ni...” trở xuống là tám môn trình bày về Nghiệp trì; bốn, Từ “Thiện hạnh Tam-muội...” trở xuống là sáu môn trình bày về Định dụng trì; năm, Từ “Tâm hải...” trở xuống là năm môn trình bày về nhận biết Tha tâm trì; sáu, Từ “Phát khởi chúng sinh...” trở xuống là mười một môn trình bày về nhận biết Sở hóa trì; bảy, Từ “Đại Bi...” trở xuống là mười lăm môn trình bày về phát khởi Năng hóa trì; tám, Từ “Thế giới khởi...” trở xuống là mười bảy môn trình bày về nhận biết Sát hải tự tại trì; chín, Từ “Phân biệt Phật thân...” trở xuống là hai mươi bảy môn trình bày về

nhận biết. Phần hai từ từ mười. Từ “Bồ đề tâm sắc...” trở xuống là mười môn trình bày về nhận biết Sắc hải vô ngại trì.

Phần bốn từ “Ngã duy...” trở xuống là kết luận về mình, có thể biết.

Trong phần năm, Dựa vào mở rộng Thắng tiến, có ba: Một, Một câu đầu là tổng quát mở rộng về đức sâu rộng. Hai, Từ “An trú...” trở xuống là mười câu riêng biệt hiển bày, trong đó: Hai câu đầu trình bày về Hạnh sâu xa; tiếp từ “Ly si...” trở xuống là hai câu trình bày về Tuệ rộng lớn; tiếp từ “Đắc vô ngại...” trở xuống là trình bày về Nhân và Trí vô ngại; tiếp từ “Nhất thiết thế gian...” trở xuống là hai câu trình bày về Hạnh kiên cố; sau cuối từ “Tất năng...” trở xuống là hai câu trình bày về thâm nhiếp giáo hóa tự tại. Ba-Từ “Như thị...” trở xuống là kết luận không phải phạm vi của mình. Phần vị thứ mười là Quán Đảnh Trú, xong.

